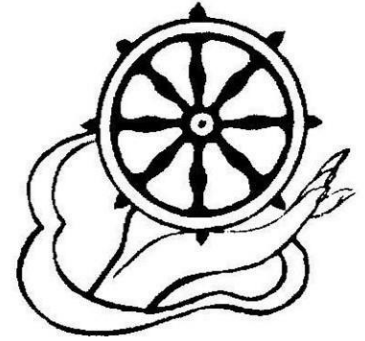


VIÊN GIÁC

Bộ mới số **3**
tháng 6 , năm 1981



tap chí của Kiều Bào và Phật Tử Việt Nam
_____ tại Cộng hòa Liên bang Đức _____

Thư TỌA SOẠN

VIÊN GIÁC

Bộ sưu tập số 3 tháng 6. 1981

<i>Trong số này</i>	<i>trang</i>
• Thơ tòa soạn	1
• Một sớm trong vườn Lâm-Tì-Ni	2
• Thơ: Bóng Ưu Đàm	5
• Tài liệu lịch sử: PGVN thời Pháp thuộc (1862-1954)	5
• Bản sắc của Phật giáo VN.	6
• Thiên học (tiếp theo)	8
• Phật học thường thức: Dấu chủ Vạn.	41
• Phật giáo thực hành: Pháp môn tọa thiền	42
• Trang giáo lý GDPT.	46
• Thơ: Thư cho mẹ, tìm lại tình thương, đợi chờ.	21
• Quốc sử tạp lục: (Ranh giới Việt Nam (tiếp theo))	22
• Việt Nam Phong sử	25
• Truyện Hùng Đạo vương	28
• Thơ: Dư âm, ước nguyện, Nghe dỗi hư vô.	32
• Truyện: Xôi bánh ngày rằm	33
• Ký sự: Đường qua xứ tuyết	36
• Thơ: Vô thường như dãi lá, Kiếp người, Tiếng đêm.	39
• Truyện: Năng thủy tinh	40
• Ký sự: Trong cơn lốc đỏ	43
• Tin tức.	46

Chú trương:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỀN

Thực hiện: MAI VI PHÚC

Kỹ thuật: THỊ CHƠN

cùng sự đồng góp của

HỘI SINH VIÊN và KIỀU BẢO
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn: Chùa VIÊN GIÁC
Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VIỆT NAM tại C. H. L. B. ĐỨC
Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 81
điện thoại: (0511) 86 46 38

Tứ bầy đóa sen nở sau bước chân Thái tử Tất-Đạt-Đa ngày nào trong vườn Lâm-Tì-Ni đến đóa sen đức Phật dựa lên nơi Pháp hội Niết Bàn, cuộc đời và giáo lý của Ngài có thể gồm trong hai chữ: Thanh Tịnh.

Như Phật tính không ở ngoài chúng sanh, hoa sen chỉ hiển lộ hết sự thanh tịnh nơi bùn lầy ô trược.

Thật hàm súc, biết bao ý nghĩa hình ảnh sen nở sau bước chân Thái tử, bảy bước chân kia cùng câu pháp đầu tiên và tại sao không là cuối cùng - vốn vẹn gồm tám chữ: Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.

Dù tốt cùng trang nghiêm như trên pháp tòa của pháp hội, một thiên thượng - hay rất thế gian như trên mặt đất của một khu vườn - một thiên hạ - chỉ có cái Ngã kia là đáng kể.

Có điều chúng ta cần nên phân biệt cái ngã phạm nhân, quay cuồng giữa trùng trùng gió bụi với cái Chơn Ngã mà con người chỉ có thể thể nghiệm sau khi đã đi xong bảy bước giác phần. Hay, để nói theo ngôn ngữ nhà Phật, sau khi đã viên thành thất giác chi.

Và tám chữ ấy phải chăng không nhằm báo hiệu cho sự quĩ về tám con đường chánh - bát chánh đạo - bao nhiêu con đường đức Phật đã trải qua suốt 49 năm trường thuyết pháp.

Tám chữ đầu tiên, đồng thời, cũng là tám chữ cuối cùng. Sau đó chỉ còn lại sự im lặng của giây phút đức Phật cầm đoá hoa kia dựa lên giữa pháp hội. Không một lời nào. Chỉ riêng Ngài Ca Diếp mỉm cười liễu ý. Cái Chánh Pháp - Nhãn Tạng Niết Bàn thật tướng, vô tướng - pháp thanh tịnh, chỉ có thể tâm truyền tâm. Bằng chính niềm thanh tịnh.

Viên Giác



MỘT SỚM TRONG VƯỜN LÂM-TÌ-NI



Và Đình Cường

"NHÂN LOẠI ơi! có hay chăng một vị Giác-Ngộ mới ra đời?"

"Chúng sanh ơi! Một đấng Đại tử, Đại bi, Đại trí, Đại đức vừa xuất hiện ở dưới trần!"

"Đi hân hoan, hân hoan cho toàn cả m ả y tạng trời, vì chúng sanh ơi, một đóa hoa đằm nở, một ánh sáng la chôi ngời!"

"Hãy ai đi" hãy đi về phía nam dãy núi Hy-mã-lạp sơn, vì chính ở đây đã ra đời m ộ t đức Phật."

Tiếng hát trong thanh âm không biết từ đâu bay lạc trong gió, lạnh lạnh dội từ không rừng này sang không rừng khác. Đạo sĩ A-tu-dã (Asita) đang ngồi tham thiền dưới một gốc cây bông đứng đây. Người choàng chiếc áo lông cừu vào, chông gậy lún xuống núi, đi về phía nam dãy Hy-mã-lạp sơn. Tới hôm đó người đã đến cung thành Ca-tỳ-la-vệ.

Ở đây linh đình yên tĩnh, hơi hè đang giữa lúc say. Đèn sáng rực trên các vòm cây. Có bay ở đâu các ngọ. Những cỗ xe bò kết hoa đang kên kên chen giữa đám đồng, ngựa hí vang lên dè dặt lối bước. Những chiếc ghế kiêu hãnh phía rừ rờn xanh, lỏ nhỏ trên đám hội. Ở đây một nhóm người xúm quanh m ộ t phường xiếc, đang kia, họ ngầy ngật trước những điệu múa nhẹ như bay của đoàn vũ nữ. Một nói khác, những kẻ đầu kiến đang thi tài, hay những tay võ sĩ, mình mang lột gấu đang đọ sức với cọp. Từng trận cười d ỏ n vang lên từ một đám trẻ hề ời điệu quacác phở.

Đạo sĩ A-tu-dã chen chúc từ đêm này sang đêm khác, và với vẻ mặt ngó ngác, đi h ỏ i từng người.

- Tại sao các người m ỏ h ỏi?

Và mỗi người trả lời một cách:

- Vì Hoàng hậu Ma-gia vừa sanh Thái tử.

- Vì Thái-tử Tất-đạt-đa có ba mươi h a i tướng quý.

Nhưng có một người già, ngồi trên thềm gạch, trả lời rành mạch từng câu:

"Trước đây chín tháng. Một hôm Hoàng - hậu Ma-gia nằm mộng thấy một con bạch tướng sáu ngà đứng trên một ngôi sao, có sáu sắc chói ngời vượt qua trời cao và luôn v ả o

trong hông phải Hoàng hậu. Ngai vùng thức dậy. Trời cũng vừa độ bình minh. Một thứ ánh sáng xanh nhuộm muôn cảnh rạo rúc. Gió không rêu rắt, im bất oán hơn tú núi Hy-ma. Sông Hằng không tràn trọc sóng. Một nỗi hân hoan và thái bình lan tràn mặt đất.

"Hoàng hậu kể lại giấc chiêm bao cho c á c Thấy già đoán mộng. Mọi người đều công nhận đây là điềm lành; Hoàng-hậu sẽ sanh đ ược Hoàng-nam, tài đức tử xua đến nay chưa a i sánh kịp.

"Điều đoán xưa đã bắt đầu thực hiện. Sớm mai này trong vườn Lâm-tỳ-ni, chim thì n h a u chúốt giọng trên cành; hoa thì nhau trái màu trên lá; và hương tứ bốn phương dồn lại xông lên ngào ngạt khắp vườn. Hoàng-hậu Ma-gia thấy sự lạ, ngủ ra xem. Ngai khoan thai đi từng bước một, lòng khoan, khoái và n h e nhàng như có cánh bay. Đi đến gốc cây "Vô ưu" thì Ngai sanh Thái tử.

"Mặt trời xuất hiện ở phương đông, hồng hào và tròn trĩnh như mặt Người vừa xuất thế! Hào quang phóng tưng luồng dài, xoe rạ như cánh quạt, quét sạch những bóng đêm. Bầu trời trong xanh như đức băng ngọc thạch. T ứ n g luồng gió thơm mát ngán vui trong lá máng.

"Tịnh Phạm vương nghe tin, truyền cho đình thần đến đón Hoàng-hậu và Thái-tử, về. Cổ xí rợp trời, trông kên dây dặt. Đám rước đi đến đâu, từng loạt mưa hoa độ xuống đây. Chàng đàn lữ lướt theo sau, hoả nôi vui mừng của nhà vua cùng nôi vui mừng của cả nước. Và trong đám rước, người ta bảo có lần lộn những thần thần, già người trần tục, vì đây không phải cái vui riêng của cõi thế mà chính là cái vui chung cho cả mây tầng trời."

"Hôm nay. Tịnh Phạm vương truyền, cho d ầ n gian mô tiệc khao mừng lá vĩ thế.

Ngày hôm sau, A-tu-dã đi vào triều ra m ả t Thái-tử. Tịnh phạm vương đứng dậy chào v ề phương phi của đạo sĩ, và Hoàng-hậu dắt Thái tử dưới chân người đức hạnh ấy. A-tu-dã nhìn mặt Thái-tử xong, vội vã sụp xuống lay tâm lún, rồi đứng dậy khoe rờn ra trên chiếc gậy rung rinh. Phạm vương và Hoàng hậu kinh hải, hỏi dồn:

-Sao Đao Sĩ lại khóc? Tai nạn gì xảy đến cho hoàng gia đây?

Đạo sĩ chùi nước mắt tâu:

-Tâu Hoàng thượng! Tôi khóc là khóc cho tôi xấu số không sanh nhằm một thời với Thái tử! Ôi tôi già nua lắm rồi và sẽ chết, nay mai không được nghe những lời thuyết pháp vàng ngọc của Thái tử!

"Tâu Hoàng thượng, Thái tử không phải là một người trần. Ngài là một đóa hoa quý nhất của nhân loại, chỉ nở một lần trong mấy vạn năm. Ngài sẽ là một bậc đại tử, đại bi, đại trí, đại dũng. Và 32 tướng tốt của Ngài báo trước Ngài sẽ làm một vị đại vương, thống trị cả thiên hạ. Nhưng chủ Văn nói ở trên ngực lại báo rằng Ngài sẽ làm cả tam thế đất giồng chín cho, tất cả chúng sanh. Ôi thật là đại phúc cho hoàng gia! Những hồi Ngài Ma gia đức hạnh! Ngài sẽ lìa khỏi cõi trần ở tợc trong bay ngày nữa, để lên cõi trời Đạo-ly, vì đức hạnh của Ngài đã qua nhiều, và nghiệp báo của Ngài đã hết. Từ đây Ngài sẽ không đau khổ nữa!

Lời đoán ấy không sai. Bảy ngày sau, Ma gia nhẹ nhàng ngã xuống, Thái tử được đi mẫu là Ma-ha-bà-xà-bà-đề nuôi.

Lên tám tuổi, Thái tử đã tỏ ra không phải một người bình thường. Tínhphan vướng cho con mình sau này sẽ bỏ ngài vàng mã đi theo con đường chứng đạo và huy hoát của một đức Phật. Ngài muốn con Ngài sẽ làm một vị đại vương, nên truyền cho bảy giới nhất trong nước để dạy Thái tử, tất cả điều mà một vị đại vương cần biết.

Ti-xa-bà-mật-đa-la, một giáo sĩ thông thái nhất trong những giáo sĩ được mời đến. Ngày lành đã lựa, Thái tử kẹp trong tay một tấm gỗ trạc nhận ngọc ở ngoài lễ, và một thẻ son để viết, kính cần đến thụ giáo với thầy.

Học đến đâu Thái Tử nhớ đến đấy và nhiều khi Ngài thấy rõ trước những điều thầy sắp dạy.

Chẳng bao lâu, Ngài vượt hẳn sức hiểu biết của Thầy, và một hôm, giáo sĩ bỗng sụp xuống lạy Thái tử:

- Hỡi Thái Tử, từ đây xin Ngài hãy nhận

chọ già này làm đệ tử. Sức hiểu biết của lão có hạn, mà trí thông minh của Ngài vô cùng, lão không sao dạy nổi. Một khi còn phượng hoàng đã đủ lông, đủ cánh thì không một con chim nào khác có thể vượt lên được.

"Những hồi người con của Ma gia đức hạnh, lão bái phục Ngài không phải vì trí thông minh của Ngài, mà vì còn lễ độ mà Ngài đối với lão nữa!"

Cái lễ độ ấy, Thái Tử đem đối đãi với tất cả mọi người. Ở chi của Ngài rất nhã nhặn. Một khi tống đế xuống lộ trên nét mặt, tuy thế niềm thân ái vẫn chưa đầy nổi mắt.

Giàu tình cảm, Ngài lại gan dạ không ai bằng. Trong những buổi đua ngựa trong cung, Ngài tỏ ra rất can đảm và lão luyện, ngựa của Ngài thường về nhất. Nhưng nhiều lúc, giữa cuộc đua bỗng Ngài dừng ngựa lại, có khi vì nhủ sức nghe có ai réo gọi, có khi vì thấy tội nghiệp cho con ngựa mệt nhọc đang thở hồng hộc dưới mình Ngài, có khi vì thấy thương những người bán sấp thua cuộc.

Và mỗi năm qua, Ngài lớn thêm lên một tuổi thì tình thương kia lại tuần tự lan dần như từng vòng nước gợn.

Có một buổi mai, mùa xuân, ngang qua vườn ngự, một đàn ngỗng trắng bay về núi Hy-Ma Lạp Sơn. Đê-bà-đạt-đa, em họ Thái tử, thấy được trường cung nhằm bắn. Một chiếc tên vút lên, cả đàn ngỗng trời bay tán loạn như một đám mây bạc bị gió xé ra từng mảnh nhỏ. Một con rơi xuống, vài diện hồng rơi theo giữa khoảng trời xanh biếc. Thái tử thấy được, chạy đến tận cỏ gần đấy, lượm con vật bị thương lên, áp vào lòng, rút mũi tên ở cánh ra, và vuốt ve nó như người mẹ hiền săn sóc con đau. Ngài hái lá nhai nhỏ rồi trộn với mật áp vào cánh chim. Chim dần dần tỉnh lại, âu yếm nép vào lòng Ngài. Trong lúc ấy, một tên thị vệ đến Ngài kính cẩn thưa:

- Thưa Thái Tử, con vật này của Hoàng thân Đê-bà-đạt-đa đã bắn được. Ngài sai tôi qua đây xin với Ngài trả lại.

- Không! con ngỗng này bị Hoàng thân bắn á n nhưng được ta cứu. Hoàng thân là kẻ thù, chính ta mới là ân nhân của nó. Ta không

thế giao nó cho Hoàng Thân được".

Đê bà đặt đá không chịu, cãi lại:
- Con vật này khi còn ở trên trời, thì không thuộc của ai cả, nhưng khi tôi đã bắt được là thuộc về tôi".

Thái tử áp cổ ngỗng vào sát má Ngài, trả lời:

- Ta bảo không! Không ai có quyền làm đau đớn một con vật để bắt nó thuộc về mình. Con vật này của ta, bởi ta yêu thương nó, và nhất là nó đã triu mến ta. Nhưng nếu Đê bà đặt đá không nghe thì cứ đi kiện, với các lão thần, chúng ta nhớ họ phân xử

Chuyện ấy đem ra giữa triều. Các lão thần hội lại để phân xử. Mọi người mỗi ý, không biết bằng vào đâu mà định đoạt. Giữa lúc ấy trong đám người đến xem, có một ông già xin đứng dậy thưa:

- Nêu, sự sống có giá trị thật, thì người đã cứu sống một con vật đáng gìn giữ nó, hơn là người định tâm giết nó. Một bên tàn sát và phá phách, một bên, bảo hộ và xây dựng. Nên giao cho Thái Tử con chim kia!".

Mọi người đều chọ lời nói kia rất phải. Vua sai người lấy ngọc ngà ra thưởng cho ông lão. Nhưng người ta không tìm thấy đâu nữa.

Thái tử được chim, hôn hít ôm nó vào ngực. Ngài nghe trái tim nhỏ nhỏ của nó đánh đập đập bên cạnh tim Ngài. Nói sung sướng của Ngài hoà theo nỗi sung sướng của con vật. Ngài nhìn lên trời. Trời xanh ngắt - ngắt, không vướng một mảnh mây tro. Giông xe xuôi chiếu về hướng Bắc.

- Con ói, hai ngày nay con bị giam cầm trong đôi tay áu yếm của ta. Tuy được ta nâng niu nhưng làm sao sánh được cái thú nước mây ở ngoài cao rộng. Hôm nay cánh con đã lạnh mạnh, và giữa bầu trời quang tạnh gió lại thuận thổi về hướng bắc, ta thả con ra để con bay về đây. Hy mã cùng đàn con sum họp. Ta gọi theo con đây một tâm lòng thương mến, và con hãy về nhắn lại với đàn con rằng ở đây có một người nguyện sẽ đem cả đời sống ra bệnh vực, cứu giúp những kẻ yếu hèn... Thôi con hãy tung cánh lên đi."

Thái tử mở đôi tay. Con ngỗng vụt bay lên cổ dài trường tới trước, hai chân dướ

thẳng rạ đằng sau... Lòng Thái tử phấp phới nhẹ vờ theo với đôi cánh chim đang vạch một đường trắng ngang trời xanh.

Có một ngày. Tinh Phan vung nắm tay con dao bên cạnh một khu rừng. Ngài đứa tay chỉ

- Con thấy không? tứ chân trời thăm thẳm ruộng xanh kia đến khu rừng này và bao nhiêu khu rừng sau đây, đều thuộc về cha con ta cả. Giang sơn tươi đẹp và thái, bình như thế, con cũng nên xem qua cho biết."

Trời về xuân. Cây rừ mướt xanh. Ở đằng đê lục. Rải rác trên cánh đồng, từng cặp bò kéo cày đi từng bước một; đằng sau, người nông phu ấn chân lên lưỡi cày; đất bị xé từng đường dài, uốn cong, ra hai bên như những lưỡi sóng xé ra trước mũi thuyền. Xa xa người vãi lúa tung cánh tay rộng lên nên trời trong. Vài con chim én mải cánh trên cỏ mướt. Năm bay con ác - là khắp khênh đi trên những sóng đất cày. Đàn béc trắng chấp chôn bay trên những hoa cỏ tím. Tứ phía rừng, tiếng chim lanh lanh vang dội trong thành lá râm. Ở một làng xa, tiếng trống khoan thai diêm hồi cho một lễ cưới.

Thái bình lan tràn mọi vật. Thái tử tổ về vui mừng. Những nhện sâu vào trong cánh vạt Ngài nhìn thấy những mũi gai nhọn mọc tua tua dưới hoa dãi. Người nông phu đội mũ t phân sinh lực, để được sống. Đồi bò nứ ông mình trong nắng, để kéo lưỡi cày nặng trĩu chôn một nửa dưới lớp đất khô. Những côn trùng bị lưới cây bới lên, quần quai trên mặt đất, làm mối cho loài chim giành, giết cầu xé nhau. Ngài thấy một con rắn, mỗi đàng dớp kiến, bóng bị một con ó đến cặp đi. Và trong bụi râm, con chồn vàng đang rình đợi một con gà tha một con trùng đi qua.

Và cứ như thế, con vật này giết con vật khác, và bị con khác nữa giết lại. Sự sống bằng sự Chết. Cảnh tượng đẹp để ban đầu chỉ là một cái màn che giấu ở phía sau những giết hại thắm khốc, những cầu xé không ngừng. Thái tử thở ra:

- Chao ói! bao nhiêu mồ hôi và nước mắt đã nhỏ trong chén cơm của người đi cày! Bao nhiêu sức lực của đôi bò đã đem ra để đổi lấy một nắm cỏ! và khốc liệt thay, sự tương tàn giữa vạn vật!".

Nói xong, Ngài đến ngồi xếp bằng tròn bên

Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc

(1862 - 1954)

Thượng Toa Thích Hiền Chơn

(tiếp theo)

6. TỔ KHÁNH HOÀ VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO NAM KỲ (1920)

Linh hồn của phong trào chấn hưng Phật giáo Nam kỳ là Sư cụ Khánh Hòa. Do đó, chúng ta cũng nên biết qua tiểu sử của cụ. H ở a thượng Khánh Hòa sanh ngày 22 tháng 4 năm 1878 tại làng Phú-lệ, tổng Bảo-trì, quận Ba-trì, tỉnh Bến-tre (nay là Kiên Hòa), là con thứ ba của cụ Lê văn Chắt và bà Thị Nường. Cụ tên Lê văn Hiệp. Thuở mới học vỡ lòng, cụ theo các thầy đồ trong làng. Sau t ở i thời nghe giảng Tư thư Ngũ kinh, cụ được cụ Đồ Chiểu chỉ dạy, nên chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhà Nho có tinh thần yêu nước ấy. Cụ lâu thông kinh, sử, tử, tập. S a u khi cụ Đồ Chiểu qua đời, một hôm cụ tình cờ gặp nhà sư Chơn Tánh trên một cánh đồng ruộng. Cụ hỏi qua chân lý của nhà Phật, so sánh với Khổng, Lão, Trang, Mạnh. Cụ nhận thấy đạo Phật là một chơn lý tuyệt vời. Về nhà sau khi suy nghĩ chín chắn rồi, cụ x i n phép song thân xuất gia. Cụ vào chùa Khai Tường lễ Thiên sư Chơn Tánh xin thế -phát, qui y (1896). Thời gian sau, nghe tin sư tổ Chánh Tâm (húy là Hải Lượng) ở chùa K i m Cang, làng Bình-cang, Thủ-thừa, tỉnh Tân-a n là bậc danh đức thời này có mở trường dạy chữ tăng học. Cụ liền lễ sư phụ, xin lên đồ đệ thọ giáo, được tổ Chánh Tâm đặt pháp - danh là Khánh Hòa, tự Như Trí. Hai năm sau tổ Chánh Tâm nhận thấy học và hạnh của cụ quán chúng nên cử làm chức giám chúng để trông coi và dạy lại chữ tăng. Sau nữa cụ cũng có đến tham bái tổ Bửu Quang, một bậc danh đức thời này, trụ trì chùa Long-Triều, làng Tân Nhứt, Chợ đêm, tỉnh Chợ -Lớn để học hỏi thêm diệu lý của Phật pháp . Thời gian theo tu học tổ Chánh Tâm làmười năm. Đến năm 1906, tổ thị tịch; nhục thân để bầy ngày không hồi thối.

Cử tang thọ chế một năm sau, cụ Khánh Hòa được làng và bốn đạo chùa Tuyên Linh, làng

xem tiếp trang 20

một gốc cây và mỗi vua cha về trước d ế Ngài ở lại suy nghiệm về ý nghĩa cuộc đời. Một tình thương không bỏ bên chiêm cật tâm hồn Ngài và lan cùng mọi vật; một sức ước muốn được cứu độ chúng sanh mạnh mẽ đến nỗi, tâm trí Ngài đã thoát ra ngoài b a n thế. Ngài, không còn nhận biết những việc xảy ra ở chung quanh: bóng chiếu đã ngả, quan hầu đang đứng đợi Ngài về cung.

Lần đầu tiên, Thái tử có một quan niệm chung về sự đau thương của toàn thể chúng sanh.

(Ảnh Dao Vàng của Võ Đình Cường)



Bóng Ưu Đàm

Con phở thờ bằng lời ca chim nhỏ
Bằng hương thơm từ dây nhụy hoa hồng
Lời ca dao ngọt ngào từ phương đông,
Nường cánh gió bay về trời Ấn Độ.

Thơ sẽ hóa thành hoa tươi rực rỡ
Bay dạt dờ hòa theo nhạc thiên tiên
Ồ niềm vui miên viễn thật vô biên!
Cả nhân loại hân hoan mừng Giác ngộ.

Rằm trăng tròn thắm tử Hoa Đàm nở
Ngọc hào quang tia sáng phóng lung linh
Huy hoàng thay hiện Bồ Tát Hộ Minh,
Đông quy ngưỡng địa cầu mừng rung chuyển.

Lâm-Ti-Ni ngọt ngào hương khói guyện
Lá hoa reo nhẩy múa hát vu vờ
Cao quý thay! nét mặt Đấng trẻ thơ!
Vạn vạn tuế Tát-Đạt-Đa Thái tử.

Ngày hôm nay hoa Ưu-Đàm bùng nổ
Khắp ba nghìn thế giới thấy tung hô.

Thích Hạnh

Bản Sắc của PGVN

— Minh Hạnh —

Học Giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục



Đạo Phật là một đường lối sống, một lối sống. Nhưng đạo Phật không phải là những khuôn khổ giáo điều và giới luật khô khan, cứng cỏi, thiếu tính chất sống động. Một giáo lý có gần ba ngàn năm lịch sử truyền bá, luôn luôn phát triển với thời gian, thích nghi với không gian; hòa hợp chặt chẽ với cuộc sống như đạo Phật, không thể được xem như một mô giáo điều khô khan và cứng cỏi.

Nhựa sống của Phật giáo tràn trề và phong phú, bất tuyệt, vì đạo Phật là chân lý, là nguồn sống của tất cả mọi sự sống. Thế cho nên đạo Phật sống vĩnh viễn giữa cuộc sống nhân loại với nguyên tắc tùy thời và tùy cơ. Đạo Phật có thể sống trong bất cứ một thời đại nào, ở bất cứ một địa phương nào, vì Phật giáo có một khả năng đồng hóa hết sức mau nhiệm.

Nhiều người không bằng lòng khi thấy Phật giáo có nhiều phân phái quá, nhiều màu sắc nhiều chủ trương quá. Nào Phật giáo tiểu thừa, nào Phật giáo đại thừa, nào không tôn nào hữu tôn, nào hiền, nào mật, nào áo vàng nào áo nâu. Nơi thì tăng chúng khất thực, nơi thì tăng chúng cư trú tại tự viện, nơi thì sùng thượng Phật Sống, nơi thì thành lập phái tân tăng... Người ta muốn rằng: Phật giáo phải là duy nhất, đồng một màu sắc, một tổ chức, một hình thức. Nhưng người ta đã lầm. Thời đại khác, địa phương khác, căn cơ khác, thì làm sao mà cùng có chung một hình thức sinh hoạt cho được. Vì thế cho nên đi đến xứ nào, Phật giáo cũng liên tìm cách thích nghi với xứ ấy để từ Phật Giáo Việt Nam tư đời Lý, Trần sang các đời Lê, Nguyễn... Phật Giáo Việt Nam lại có một cố gắng đáng khen hơn cả là đã cố dung hợp được hai phương diện xuất thế nhập thế để tạo thành một lối sống đặc biệt của

người Phật tử: một nhà vua có thể là một vị thiên sư và một vị thiên sư có thể là một quốc sư. Đối không xa đạo là đạo sống ngay trong cuộc đời, đó là khuynh hướng đúng của hai phương diện xuất thế và nhập thế của phái thiên tông Việt Nam đời Lý vậy.

Nói tóm lại Phật giáo Việt Nam đã có được những bản sắc riêng. Và người Phật tử Việt-Nam đã biết đem đạo Phật làm phương châm sinh hoạt cho quốc gia và dân tộc.

Tuy nhiên, nếu văn hóa Việt Nam chưa có được những sắc thái kỳ đặc nào lớn lao thì Phật Giáo Việt Nam cũng chưa có được những nét huy hoàng nhiệt liệt. Trải qua bao nhiêu nguy nan đau khổ của các thời đại sống trong cảnh họa liên miên, dân tộc Việt Nam đã không có thì giờ và điều kiện để mà phát triển nền văn hóa đến một mức độ tốt đẹp. Phật giáo VN một bộ phận của văn hoá Việt Nam, cũng nhiên là cũng cùng chung số phận đó.

Hiện nay, quốc dân đang cố xây đắp tô bồi cho các bộ môn văn hoá: văn học, mỹ thuật, kinh tế chính trị, tư tưởng, phong tục đều đang ở trên đà tiến triển. Những tinh hoa của văn - hóa quốc tế được thu thập để bồi bổ cho văn hóa nước nhà. Những gì đặc biệt của văn hóa quốc gia được nêu cao và phát triển mạnh mẽ. Trong công trình xây dựng văn hóa, Phật giáo vẫn phải đóng vai trò quan trọng của ngày xưa. Nghĩa là Phật giáo Việt Nam phải tìm ngay cho mình những sắc thái riêng biệt, độc lập. Phật Giáo Việt Nam phải hợp trong cuộc sống của dân tộc để sáng tạo văn hóa và sáng tạo cho mình những bản sắc đặc biệt, duy trì được cá tính quốc gia, bảo vệ được nền độc lập và tự do của tổ quốc.

Một tam tạng kinh điển bằng quốc văn phải

được cấp thời tạo dựng. Những trường cao-đẳng Phật học phải được xây dựng lên để nghiên cứu và phổ biến giáo lý, đào luyện những tăng tài đất nước, tổng hợp và tinh luyện nên những giáo lý hệ hợp với t ế m h ộ n, căn cơ và sinh hoạt của quần chúng Việt Nam. Nghi thức tán tụng, lễ nhạc, phẩm phục phải được nghiên cứu lại cho hợp với cá tính người Việt và đúng với chánh pháp hoà mình trong sinh hoạt quần chúng. Cùng là Phật Giáo cả, nhưng Phật-giáo Tây Tạng khác, Phật giáo Trung Hoa khác, Phật giáo Nhật Bản khác, Phật Giáo Thái Lan khác, y phục khác nhau. Kiến trúc tự viện k h á c nhau. Tổ chức giáo hội khác nhau. Giáo - lý hệ khác nhau. Nói tóm lại mỗi quốc - gia có một nền Phật giáo đặc biệt của riêng mình, một nền Phật giáo độc lập.

Vì điều kiện khí hậu, phong tục chung tính của địa phương, quốc gia là những đơn vị cần thiết không thể nào xóa bỏ được. Phật giáo là một viên đá nền tảng cho nên văn hóa quốc gia cổ nhiên cũng cần thích hợp với địa phương tính để làm căn bản tinh thần duy trì nền độc lập quốc gia. Cũng vì thế Phật giáo của một quốc gia nào cũ cần phải có những bản sắc riêng biệt, thích hợp với sinh hoạt quần chúng c ứ a quốc gia ấy.

Nhìn sang các nước láng giềng ta thấy Phật giáo của họ đều có những sắc - thái đặc biệt. Phật giáo của họ có những h ệ - thống giáo lý riêng, những tông p h á i - riêng, những lễ - lời giáo dục và tu học riêng, những phương tiện hoạt động riêng, những nghi lễ và trang phục riêng... Tất cả những cái "riêng" ấy thích hợp với c á tính dân tộc họ, với lễ - lời sinh hoạt của quốc dân họ và có lợi ích thiết thực cho đời sống mọi người. Một nền Phật giáo dân tộc được tạo dựng trên một lịch sử truyền bá, với những hệ thống giáo lý, những v i danh tăng, những tác phẩm văn học, là những hoạt động để phổ biến và sinh hoạt h ó a giáo lý trong đời sống quốc dân.

Nước Việt Nam ta, một nước thâm nhuần PG từ mấy ngàn thế kỷ nay, lý nào lại không có một nền Phật Giáo dân tộc ?

Lật lại những trang sử Phật giáo nước nhà, chúng ta thấy luôn luôn Phật tử Việt Nam muốn đi đến sự thành lập một nền Phật Giáo quốc gia. Ngoài những giòng Thiên -

tông do Trung Hoa truyền xuống, Phật - Giáo Việt Nam còn có một phái thiên tông d ặ c biệt của mình: đó là phái Trúc-Lâm Yên-Tử'. Ngoài những giáo lý hệ do ngoại quốc đưa vào, danh tăng Việt Nam đã có dựng những giáo lý hệ đặc biệt của mình: đó là thuyết Tam-bản của Ấn-Độ Thiên sư, thuyết Tam pháp nhất của Cửu-Chí-thiên sư. Ngoài những tác phẩm kinh điển của ngoại quốc đưa vào, danh tăng Việt Nam còn sản xuất thêm nhiều loại, đó là những tác phẩm thi ca, phiên dịch, sáng tác của nền văn học. Tư hội họa, âm nhạc cho đến kiến trúc, điêu khắc, Phật giáo Việt Nam phải có những nét đặc biệt thuần túy và bao giờ cũng biểu thị được tinh thần d ặ c o Phật.

Mong rằng chúng ta không còn phải bắt chước Tàu mãi như ở ngày xưa và cũng sẽ không bị lai Tây như thời nay. Đâu đó người ta c ó n thờ bức Quan-đế và xin xăm trong chùa như bên Tàu, và đâu đó người ta cũng hát những bài "hát Phật" giống như những bài Thánh - Ca Gia-tô. Người ta lại còn đang làm chùa theo kiểu... nhà tây, và nóc chùa đã dần dần hết cong, hết mang hình con rồng con phụng...

Hãy đứng tay lại, hỏi những người phản bội tinh thần dân tộc, phản bội tinh thần Phật giáo! Bản chất của văn hóa Phật giáo là sự sống an hòa, tịnh lạc. Hình thái của văn hóa Phật giáo phải là phản chiếu được nếp sống an hòa tịnh lạc đó. Tư giáo lý cho đến nghệ thuật, âm nhạc, điêu khắc, kiến trúc, tinh thần Phật giáo phải được lưu lộ cùng với tinh - thần dân tộc, một mái chùa cong, một ngói thếp cổ, một tiếng chuông thuần hậu... đ ấ nói với ta những gì ? hồn dân tộc sống lành mạnh trong tinh thần Phật giáo. Quay về với nền Phật giáo dân tộc, xây dựng cho nên Phật giáo dân tộc để đưa nước nhà đến chỗ an lạc phú cường, đó là bổn phận của người Phật Tử Việt Nam.

Muốn đi đến một nền Phật giáo dân tộc, t a phải trở lại trong tinh thần truyền thống. Ta lại phải thu thập những tinh ba c ứ a người để bồi đắp cho chính của mình. Những thu thập không phải là vay mượn. Hãy trở về những cái gì "của ta" và "do ta sáng tạo", . Rồi sau đó, hãy luyện những cái hay c ứ a người trở thành thích hợp với mình và dùng đó để bồi bổ cái của mình càng ngày càng thêm tốt đẹp.

(Nguyệt san Phật-Giáo Việt Nam số 8 ngày 15 tháng 3 Đính Dậu. Chợ Lớn 1957 trg 20-24)

Thiền - thật tế của nó là gì?
Có người nói Thiền là một tôn giáo, là một tư tưởng, một triết học v.v...
Đó là những câu trả lời của những người ngoại quốc khi đến Nhật học Thiền.

Nếu quý vị là người đã mở cửa của tâm hồn để đón nhận Thiền vào thì Thiền sẽ đi vào tâm thức của quý vị vậy. Vì trước cửa Thiền bây giờ chỉ có một mình quý vị.

Vì Thiền không phải là vấn đề dễ giải - thích và lý luận, Thiền là để đạt đến một cảnh giới giải thoát của tâm linh trong cuộc sống thực tiễn hằng ngày và làm tròn nhiệm vụ bởi chính mình.

Thiền thì đầu tiên nên đến những ngôi chùa Thiền gần đó để tu thiền. Nếu ở đó, có Thiền đường thì đương nhiên có người hướng dẫn và nếu không thì tìm đến những người hướng dẫn ở những chùa gần đó. Có Thầy hay bạn giỏi chỉ thiền cho mình càng tốt, nhưng tốt hơn nữa là phải theo người, chỉ đạo chơn chánh, việc Thiền mới có kết quả.

THAM THIÊN HỘI:

Ở đây có thể giải thích về việc tham thiền hội của chư thiền nam tín nữ như sau: Trong những lúc nghỉ hè, học sinh hay thanh niên thường lái dụng những thời giờ rảnh rỗi để ngồi thiền tập thể trong những thiền đường

THIÊN HỌC

Đại Lão Hoà Thượng Thiền Sư Yoshioka Toichi soạn nguyên tác ZEN. Thích Như Điển dịch từ Nhật sang Việt ngữ.

Điều căn bản để học Thiền là phải có tâm cầu đạo, nghĩa là phải "phát Bồ Đề Tâm". Đó là việc thượng cầu Bồ Đề hạ hóa chúng sanh - trên thì cầu đạo vô thượng giải thoát, dưới thì hoá độ sinh linh. Đó là việc thể nguyện với chính bản thân của mình. Thiền tuyệt đối không phải là một việc khó.

SỐ TÂM HỌC ĐẠO:

Đầu tiên hao nhiều công lao nghiên cứu cũng không thể hiểu được Thiền. Vì Thiền là tu tự chứng bởi chính mình, nên khó có thể giải thích được. Ai cũng có thể hành Thiền được cả, Thiền không phải chỉ để dành riêng cho những kẻ xuất gia hoặc đạo mà là cho tất cả mọi người. Trong quyển "Phổ - Khuyến tọa Thiền, nghi" của Ngài Đạo Nguyên Thiền sư có viết những bài kệ dành cho những người số tâm học đạo rất dễ hiểu. Từ xưa đến nay những người Phật tử tại gia, đã tu Thiền và đã thành đạt được nhiều kết quả tốt.

Nếu quý vị là những người có ý muốn tọa-

điền rộng lớn. Đó gọi là hội. Đối với thanh niên lúc ngồi thiền nên mặc áo cho rộng hay hơn là mặc áo phộc. Còn nữ giới thì không nên mặc ríp cụt hoặc đồ bó mình, vì những thứ này làm trở ngại trong việc ngồi thiền.

Muốn thực hành thiền, việc chính là phải ngồi thiền. Vấn đề phương thức tọa - thiền sẽ giải thích ở chương sau nhưng lúc ngồi thiền thì phải có người hướng dẫn mới tốt

Đầu kẻ mới ngồi cũng không khác kẻ ngồi lâu là mấy, cũng tùy theo từng chùa thiền nguyên tắc làm việc khác nhau, nhưng tất cả những việc như ấn côm, uống nước, thì không có thay đổi gì cả - phải nhất mực hành trì

THẤY ĐƯỢC SỰ CHẾT:

Thiền tông của Nhật Bản (Tào Động Tông) kinh điển được chia ra rõ ràng trong "Tu chứng nghi" (quyển 5) như sau:

Tứ quyển 95 của "Chánh Pháp Nhân Tạng" mà

Ngài tổ khai, tông Đạo Nguyên đã chỉ giáo cho "Bạt Phân" biên tập. Sau đó vào thời kỳ Minh Trị thì được sửa đổi thành tiếng thông dụng hơn để thích hợp với thời đại nên Thiên không trực nhận được một cách trực tiếp mà loại kính điển của Thiên là dạy cho con người trở thành sống một cách thân thiện dễ dàng.

Ở trong chúng thứ nhất phân tông quát của lời nói đầu có dạy như sau: "việc sanh tử là đại sự nhân duyên của nhà Phật".

Thiên là phước pháp, để giác ngộ. Sự Giác ngộ đó là "biết sự sống và hiểu rõ ràng sự chết".

Khi con người sống trong cuộc sống bình thường họ ít có khi nghĩ đến việc "sanh" hay việc "tử". Đó là một chuyện rất thông thường, và dễ hiểu, nhưng nếu có một chuyện gì trắc trở trong đời sống hằng ngày thì chính họ lại tử đặt những nghi vấn về điều đó.

Ở vào thời đại Kamakura có ngài Tăng Minh Huệ thuộc tông Hoa Nghiêm (1173-1232) là một trong những người đầu tiên đã tuyên dương Thiên của Nhật Bản. Lúc lên 8 tuổi Ngài mất mẹ, sau đó phụ thân của Ngài cũng đã qua đời vì chiến trận "Nguyên Bình".

Ngài Đạo Nguyên - tổ khai sơn của Tịnh Độ tông lúc lên 3 tuổi cũng đã mất mẹ và lúc 8 tuổi lại mất cha. Lúc 13 tuổi thì xuất gia đầu Phật.

Lâm Tế tông được truyền bởi Ngài "Mộng Song" (1275-1351) cũng là một người lúc 4 tuổi đã mất mẹ.

Đa số những vị được gọi là Cao Tăng Đại Đức, hay được xưng là danh tăng đều là những người đã gặp những nghịch cảnh và đã tiếp nhận sự sống cũng như sự chết trong thử thách quá khứ rất nhiều.

Lúc còn có nhân duyên ở gần bên cha mẹ thì sự liên hệ giữa con cái và cha mẹ được gắn liền một cách sâu sắc đậm đà và con cái được sự an tâm, nhưng khi người thân trong gia đình bị mất đi thì công cụ trụ của tâm linh coi như không còn nổi đứng tựa nên người còn trẻ trở nên bó vớ trong cuộc đời. Đó là điều hiển nhiên mà thiên hạ xưa nay chưa có ai sống ra

ngoài cương giới ấy cả. Tinh thần bị chôn vùi vào trong sự trống rỗng vì họ hoài nghi vì sự chết. Đó là ảnh hưởng của chú hành vô thường (tất cả những việc làm trong cuộc đời đều bị biến đổi).

Cho đến ngày hôm qua cha mẹ đã sống, một cuộc đời tươi sáng, nhưng bây giờ thế xác đã lạnh tanh, đầu cho cô kêu to, cô la lớn hay có dao động bao nhiêu đi chăng nữa thế xác ấy vẫn ngoảnh mặt, làm ngơ, không đáp lại một lời nào. Sự sống đã mất và đang đối diện với sự chết.

Thiên là sự hợp lý với việc tiến bộ của khoa học, sự lý luận cũng được rõ ràng và tuy rằng không giải quyết được sự chết, nhưng nhờ Thiên mà giác ngộ được phần nào về sự chết đó.

Vậy thì sự chết nghĩa là như thế nào?

Thiên không trả lời trực tiếp câu hỏi trên. Nhưng đó là một sự trả lời đúng nghĩa nhất vậy.

Vậy thì sự sống nghĩa là gì?

Đối với Thiên, việc này cũng không trả lời gì cả. Đầu cố gắng giải thích như thế nào đi chăng nữa, tất cả những câu trả lời đều sai. Đó cũng là một sự trả lời vậy.

Nếu nói có sự trả lời thì các tu sĩ trong Thiên tông thường hay chỉ xưng một chữ "yết" hay "lộ" trong bài kinh cuối cùng của nghi lễ tông táng mà thôi.

Ngài Đạo Nguyên đã thuật lại trong "Chánh pháp nhãn tạng" "phân thân tâm học đạo" rằng Cả sự sanh đến sự tử đối với những kẻ phàm phu là điều không thể biết đến được

Sanh là gì? tu là gì? Đó là một câu hỏi trong đời, nhưng ở Thiên không trả lời những câu hỏi ấy. Vậy thì vì lý do gì?

Nếu trả lời trong sự chấp trước thì có thể bảo như sau: Vì có sự sanh cho nên phải có sự chết. Vì thế sự sanh tử đối lập với nhau là quan niệm hai chiều. Vì vậy, để của sự sanh cũng như sự tử không thể liã ra khỏi nhau được, nên sự tử không đồng với sự sanh và sự sanh cũng không đồng với sự tử được.

Trước đây cô đề cập đến "Vô môn quan" của phép "Đạt Ma an tâm" như sau:

Lúc Ngài Đạt Ma chia tay với vua Lương Vũ Đế đi qua sông Giang Tử đến chùa Thiệu Lâm ngồi nhìn vào tường suốt chín năm trường, sau đó thì Huệ Khả (486-593) đáng nghe được thiên của Đạt Ma nên đã đến gõ cửa chùa Thiệu Lâm, nhưng Đạt Ma đã không chỉ một điều gì và cũng chẳng nói lời nào với Huệ Khả cả. Huệ Khả đứng trong tuyết trước hiên chùa Thiệu Lâm suốt cả một đêm đông giá lạnh. Huệ Khả đột nhiên thấy tâm mình đứng mảnh lạ thường, tự chặt đứt cánh tay trái của mình, máu chảy loang lổ trên tay và chỉ cho Đạt Ma và yêu cầu "Ngài hãy an tâm cho đệ tử". Đạt Ma lớn tiếng bảo rằng "Hay mạng cái tâm lại đây cho ta", và Huệ Khả tự thấy rằng "Tâm đồ không tìm mà thấy được". Đạt Ma bảo "Đồ, ta đã an tâm cho người rồi đồ".

Sự trả lời kỳ lạ của Thiên như vậy, gọi là một công án. Công án đó, là một tấm gương của chính tâm mình và đó chính là sự tu hành của Thiên vậy.

Chính Huệ Khả, tự mình chặt tay như thế - rất là đau đớn, kể như sự chết gần kề, nhg Huệ Khả đã không để ý về việc đó - chuyển sanh và chuyển tử đã gần kề - mà đó là một sự lưu chuyển về sự sống và sự chết. Đúng về phương diện Phật Pháp mà nói: Khi nào không còn sanh không còn tử thì đó mới gọi là bất sanh bất diệt.

THIỆN KHÔNG NGỒ Ở KHÊ LÝ:

"Tham Đồng Khê" cũng là những bài học căn bản của Thiên, trong đó có viết "Thiên không, ngộ ở Khê lý". "Tham Đồng Khê" là do Đệ Tử của Thanh Nguyên là Thạch Đầu (? - 790) sáng tác ra. Đó là một loại kinh 5 chữ 14 giống. Thạch Đầu được xưng là hiện thân của Phật sống. Một sự tình cờ nào đó mà tướng của Thạch Đầu được an trí trong bảo vật quán của chùa Tổng Trì.

Xã hội văn minh hiện đại người ta chỉ tôn trọng qua sự lý luận. Sự lý luận này được phù hợp với nhu cầu. Sự lý luận là một hình thức bảo thủ của kỷ ước, sự thật được biểu tượng cho dấu 0 và dấu X.

Ví dụ như Napoléon mất ngày 5.5.1821 tại đảo Saint Hélène. Nếu giải đáp đúng ngày

này, thì 0, ngoài ra là X. Thế nhưng không biết có phải thật ngày ấy không? cũng không biết là có lầm lẫn ngày tháng tại đảo lúc bấy giờ không? Hoặc là sự chết của Napoléon phải giải thích như thế nào v.v..... nhưng nghi vấn và những sự giải đáp khác như trên đều không được tán thành.

Trong hiện tại, nếu sự giải đáp ngoài 0 và X thì không được chấp nhận.

Đó cũng là ảnh hưởng văn hóa của Thiên chúa giáo đối với người tây phương. Họ nói, nếu có vị thần toàn trí, toàn năng 0 - thì ngoài vị thần đó ra là X. Đó là ảnh hưởng của nhất thần giáo vậy. Thế nhưng, Phật Giáo là một tôn giáo được phát sinh từ Ấn Độ và lưu hành ở Á châu, không công nhận một vị thần tuyệt đối. Bởi vì thế nên không có chuyện giải thích 0 hoặc X. Phật Giáo thừa nhận một thế giới 0 cũng chẳng phải 0 mà X cũng chẳng phải X. Không chấp trước vào một thế giới 0 và X. Đó gọi là Thiên.

Những Thiên gia tử thiên đứng nhiên phải tụng kinh "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh". Kinh này được rút ra từ Kinh Đại Bát Nhã gồm 600 quyển, còn 262 chữ. Trong kinh này thuyết về thế giới "Không" - là một loại kinh trọng yếu của Thiên.

Kinh này được lược dịch là Bát Nhã Tâm Kinh - Ngũ uẩn, Thập nhị xứ, thập nhị nhân duyên v.v... Là những giáo lý căn bản của Đạo Phật, nhưng phần trọng yếu nhất phải nói là nói "Sắc tức thị không, không tức thị sắc".

Không là chữ riêng của thế giới Thiên, là trào lưu tư tưởng căn bản của Đông Phương

Ông "Xuyên Đam Khứng Thành" người Nhật Bản năm 1968 là người đầu tiên được lãnh giải thưởng Nobel - hòa bình. Lúc ông ta giảng cho mọi người nghe về kỷ niệm, nhân ngày nhận thưởng ấy trong quyển "Nước Nhật và tôi" ông đã dùng một bài ca của Ngài Đạo Nguyên như sau:

Xuân cỏ Hoa - Hạ cỏ nông,
Thu cỏ trắng - Đông cỏ tuyết, băng...
Đó là ảnh hưởng của Thiên - là tâm hồn của Trà đạo - là nét họa của Đông Phương. Đó cũng là sự tiếp xúc với hoa Tung trong sự sinh hoạt hằng ngày của người Nhật mà tác phẩm của tôi (tác giả) đã nói lên được sự kết hợp đó. (Còn tiếp). XU

PHẬT HỌC

THƯỜNG THỨC

Dấu chữ VẠN

Trí Đức

Dấu chữ Vạn là một dấu u nổi trước ngực đức Phật, là một trong 32 tướng tốt của Ngài. Vạn là vạn đức cụ túc, Phật đầy đủ muôn hạnh công-đức mới có được tướng đó. Lại có nghĩa là cát tường hải vân tức là với dấu hiệu đó chứng tỏ đức từ bi của Phật như đám mây lành che mát chúng sanh.

Thường ta thấy chữ Vạn được vẽ ra hai cách, một cách xoay từ tả sang hữu và một cách - xoay từ hữu sang tả. Như thế cách nào đúng? - Có người vội nghĩ, cho rằng chữ Vạn của Phật khác với chữ Vạn của Hitler, thế rồi hề thấy chữ Vạn Hitler xoay chiều nào y liền nói chữ Vạn của Phật - xoay chiều kia. Nói vậy không đúng, vì dấu sao chữ vạn của Phật đã có gần ba ngàn năm, còn chữ Vạn của Hitler mới xuất hiện thời Đức Quốc Xã sau này, dấu có thể lấy chữ Vạn của Hitler làm định chuẩn để nói chữ Vạn của Phật xoay như thế này thế kia được! Vậy muốn xác đáng hơn, chỉ căn cứ theo giáo lý. Theo Phật, phía hữu được coi như là chánh - đạo, nên khi Phật nằm t h ì nghiêng hông bên hữu, tóc Phật xoay ốc theo phía hữu, tướng lông trắng (bạch hào) giữa hai mi của Phật cũng xoay theo phía hữu, và khi đi nhiều Phật ta cũng đi xoay về phía hữu. Như vậy dĩ nhiên chữ Vạn của Phật là xoay về phía hữu. Nhưng chữ Vạn phải viết theo cách nào mới đúng là xoay về phía hữu? - Tất phải là chữ Vạn viết theo cách trên đây, vì với cách này ta thử vẽ ra một chữ Vạn lớn hơn trên mặt

mặt bàn rồi di nhiều quanh nó theo phía tay hữu, tất sẽ thấy nó xoay thuận chiều theo phía hữu, còn nếu viết khác đi thì nó sẽ x o a y nghịch chiều theo phía tả.

Phụ thêm vào sự giải thích trên đây, ta được thấy trong triết học Ấn Độ có hai dấu hiệu như hai dấu âm dương - trong học thuyết Trung Hoa đây là Svastika và Sauvastika. Svastika là dấu c h ử Vạn () xoay từ tả sang hữu, còn Sauvastika là dấu chữ Vạn () xoay từ hữu sang tả. Trên khuôn dấu của hội Mahabodhi (Ấn Độ) ngoài bức hình tượng trưng Phật, Pháp, Tăng chính giữa, có hai chữ Vạn chen vào hàng chữ chung quanh vẫn là d ấ u xoay từ tả sang hữu. Như vậy chữ Vạn mà ta thấy nhiều - nơi dùng như cách trên này nghĩa là xoay từ tả q u a hữu như kim đồng hồ xoay là lỗi trình bày đúng đắn vậy



Dấu Pháp Luân (Asakan Dhamma Cakka = The Wheel of the Law) là bánh xe chánh pháp. Do những cái gộp lại thành bánh xe, cũng như vậy do những giáo pháp gộp lại thành chánh đạo, chánh pháp nên Pháp Phật gọi là Pháp luân, và luân thuyết - pháp quan trọng đầu tiên mà Phật đã thuyết cho 5 vị Tỷ Kheo tại vườn Lộc Uyển, gọi là sơ chuyển Pháp Luân (lúc này chưa tạo ra hình tượng tiêu biểu). Chuyển Pháp luân tức là thuyết pháp mà mỗi người Phật Tử có bốn phần nổi gò

Phật làm công việc đó d ể cho bánh xe Chánh Pháp được lăn khắp và lăn mãi trên thế gian.

Lúc sanh thời Ngài không dạy đến việc thờ tượng ảnh, Ngài chỉ dạy các đệ tử y pháp tu hành. Nếu người nào thấy pháp tức thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp. Vì nhờ thấy Pháp nên thấy Phật, nhờ thấy Phật nên thấy Pháp (kiến kỳ Pháp giả, như kiến ngã, kiến ngã - giả như kiến Pháp. Hà tặc? - Kiến Pháp cố kiến ngã, kiến ngã cố kiến Pháp. - Vinya - 555 P.120 - Luật Tang). Có lẽ vì thế mà nhiều năm sau khi Phật diệt độ, các đệ - tử vẫn tuân tuân ý chỉ y pháp tu hành, chớ không có ý nghĩ tạo nên biểu tượng để chiêm - ngưỡng, ngoài trừ tháp thờ Xá Lợi và các Phật tích. Mãi đến năm 270-232 trước T.L. (nhằm 270 năm sau khi Phật - diệt độ) Hoàng đế Asoka (A - Dục) nổi nghiệp cha thông - nhất Ấn Độ và là một tín đồ đặc lực hộ trì Chánh Pháp, ngoài việc phái các d o ã n truyền giáo ra ngoài - quốc truyền bá Phật Pháp, hoặc xây chánh pháp trị dân, ông còn dựng tháp, chôn trụ đá kỷ - niệm các chỗ xưa kia Phật đã cư ngụ hoặc đi ngang qua. Nói những trụ đá ấy mới bắt đầu thấy có khắc dấu hình bánh xe tượng trưng c h o Chánh Pháp, rồi mãi đến triều Sungas trị vì ở phương bắc và đến thời kỳ các vua Andhra trị vì ở phương nam hồi đầu thế kỷ thứ hai sau Tây lịch, biểu tượng Pháp - luân này lại được tạo riêng ra một hình thức như bánh xe, tượng trưng cho Chánh - Pháp. Đến nay dấu hiệu này đã trở thành một dấu hiệu c h ả nh tượng trưng cho Phật Pháp mà mọi người ít ai không biết.

Dấu hiệu Pháp luân thường
xem tiếp trang 20

PHẬT GIÁO THỰC HÀNH

I. PHÁP MÔN TỌA THIÊN

Thượng Tọa Thích Hiền Chơn dịch

Lời nói đầu

Có người cho tu thiên-quán là khó. Thật vậy. Khó vì không ai chỉ dạy phương pháp, không sách vở; tu như thế thì làm sao mà chẳng khó. Nhưng có sách vở chỉ dạy phương pháp tu thiên, thế là chúng ta sẽ có chỗ định hướng đi đến. Như người đi biển, vào rừng có kim chỉ nam, khỏi bị lạc hướng.

Chúng ta đã tạo nghiệp trong nhiều đời, nhiều kiếp, hôm nay muốn giải thoát luân hồi sanh tử, ta phải cố công, bền chí tu hành, dù đến chết cũng không thối chuyển. Chúng ta phải gia công tu hành, có đại lực, đại chí thoát trần thì kết quả sẽ không nhiều thì ít, như người học trò cố công học tập, dầu không thi đậu đi nữa, nhưng kiến thức cũng được mở rộng thêm.

Xét lại lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam, chúng ta thấy rằng trong các triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần, thiên tôn rất thịnh hành. Kể từ hậu Lê trở lại đây, thiên tôn bị thất truyền; do đó không có sách vở chỉ dạy phương pháp tu thiên.

Chúng tôi rất hâm mộ thiên tôn, nhưng không biết làm thế nào có phương pháp và kinh sách để tu về Tôn này. Sau này, khi ở ngoài-quốc, chúng tôi may mắn được tiếp kiến ngài môn-đồ của Hư-Vân Hòa-Thượng (Trung Hoa). Ngài này đặc truyền với Hư-Vân Hoà-Thượng về Thiên tôn. Chúng tôi được ngài chỉ giáo tu tập theo tôn chỉ của Hư-Vân và được ngài trao cho một cuốn sách ghi chép lời dạy của chính ngài Hư-Vân khi ngài thượng đống khai thị để tứ tu tham thiên. Hôm nay chúng tôi xin dịch cuốn sách này ra Việt-văn để công hiến quý ban tu-hành nào hâm mộ về Thiên-tôn tham thiên có tài liệu để tu tập. Quyển sách này dạy cách thực hành. Khi ngài Hư-Vân khai thị tới đâu, thì môn đồ ký chép đúng theo đây, chẳng dám thêm bớt một lời nào.

Ngày xưa, các Tổ-sư Thiên không căn lập ra phương-pháp tu tập. Các Tổ chỉ dùng một lời nói, hoặc nửa câu, hoặc một cử chỉ cũng đủ khai-thị môn đồ ngộ đạo, vì thời ấy, căn cơ của chúng sanh vào bậc thượng, nên hạ thượng thừa Thiên. Ví dụ, đức Thế Tôn chỉ dùng một tờ cánh hoa đưa lên mà ông Ca-Diếp liền ngộ đạo.

Nhưng từ đời Đường Nghi-Phụng, nghĩa là tự Lục Tổ Huệ-Năng trở lại đây, vì căn cơ chúng sanh càng ngày càng thấp kém, các Tổ tùy cơ lập ra công án dạy môn đồ tham Thiên (tham thoại đầu) tu; nhờ thế ở Trung-Hoa và Nhật-Bản Thiên-Tôn không bị thất truyền. Ở các nước này các vị tu thiên đặc đạo được ghi, chép lại tiểu sử và nhục thân sau khi tịch, cử a các Ngài vẫn còn lưu lại. Như tại chùa Nam-Hoa và chùa Vân-Môn ở Quảng-Đông, có Tổ Huệ-Năng, Tổ Cảm-Sôn, Tổ Đôn-Điền, Tổ Vân-Yến. Trải qua bao nhiêu thời gian mà nhục thân cử a các Ngài không bị hư thối. Gần đây ở Đài Loan có Hoà Thượng Tứ-Hằng, ngài tịch đản năm sáu năm, nhưng vẫn ngồi y nguyên, thịt không bị thối tha gì cả.

Tóm lại pháp-môn tham-thiên này phù hợp với căn-cơ của chúng sanh trong đời mạt pháp, chúng ta cứ tin theo; pháp hội Lăng-Nghiêm, đức Phật đã thừa nhận pháp tham thiên quán-

tướng (Phản văn tự tánh) của Quán Thế Âm Bồ-Tát là để tu để chứng hơn các pháp-môn khác. Ngày bất cứ lúc nào, đi, đứng, nằm, ngồi ta cũng đều tham thiền được cả.

Vậy, quý vị tu hành, trước khi tu tập thiền định, xin xem rõ phần thực hành, sau đó đem ra áp dụng vào công phu tu tập thì lợi ích không nhiều thì ít, tùy theo dụng công của chúng ta. Ở trong đời này, chúng ta được làm người và gần đây là việc rất khó; hơn nữa, chúng ta còn gặp được phương pháp để tu hành giải thoát sanh tử luân hồi là một việc đại hy-hữu cho ta đây. Chúng ta còn nhớ câu:

"Tu hành không Phật thì Tiên,
dù chưa đại thành cũng thiền siêu nhân..."

TIỂU SỬ NGÀI HƯ VÂN

Ngài họ Tiểu tên húy là Cổ Nghiêm, tự Đức Thanh, hiệu Hư-Vân, quê ở Hồ Nam, xã Tướng. Thân phụ của ngài làm quan tri phủ, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến.

Thời kỳ đản sanh của ngài nhằm vào triều nhà Thanh, vua Đạo Quang năm thứ 26 (Bính Ngọ) tháng 7 ngày 30. Tuổi 18 ngài nuôi chí xuất gia tu hành. Thân phụ ngài thấy vậy, ép buộc ngài cưới vợ. Khi rước dâu về nhà ngài liền giảng giải cho hai vị hôn thê nghe:

- Dục tình là dây trói buộc chúng sanh vào đường sanh tử luân hồi.
Ngài giảng xong liền trốn gia đình đi tu (Vì thế chưa bị nhiễm trần).

Vào chùa lễ ngài Diệu Liên, xuất gia. Tu khổ hạnh: mùa đông, mùa hạ chỉ mặc một cái áo, một cái nón, một cái vớng tùy thân. Đời thì ăn cây trái trên rừng. Khát thì uống nước suối, thường ở các hang đá, gốc cây, tịnh tu như vậy suốt ba năm, tóc râu chẳng cạo. Người trông thấy kinh sợ ngay, vì dung mạo kỳ lạ của ngài.

Năm ngài 22 tuổi nghe tiếng Thiên Thai Hoa Đỉnh Pháp sư tu hành cao thượng đến hỏi Đạo Hoa Đỉnh lễ Pháp sư hỏi:

- Người tu pháp môn gì?
- Tôi tu khổ hạnh ăn rau trái v.v... và tịnh tọa niệm Phật ba năm, chưa kết quả gì cả.

Hoa Đỉnh dạy Hư Vân "Thiên Thai Giáo Quán, Quán thoại đầu" "Tham Thiền". Sau lại đi tham học với các bậc Thiền đức, pháp môn tọa thiền. Trải qua hơn mười năm tu hành kiên cố. Quyết chí tu sao, cho được minh tâm kiến tánh, chứng quả giải thoát. Trong thời gian ấy sự tu-hành của ngài làm cảnh thẳng trâm, đầu ôm, tai nạn v.v... Ngài đều xem như không.

Tóm lại mục đích xuất gia của ngài Hư Vân vì cần giải thoát, chẳng phải cần cơm áo và sự an nhàn mà đi tu! một bề tu hành (tham thiền) chứng trở nải ngày đêm như một. Hành - động kiên trì như thế trải qua mười năm. Lúc ấy ngài ngoài ba mươi tuổi.

Có một đêm sau khi tọa thiền xong ngài mở mắt ra thoát thấy cả sơn hà đại địa trong hạc và ngoại cảnh đều thấu triệt. Dầu cách vách hey bị vật ngăn ngại, Ngài đều thấy thông suốt cả (như đơm vào pha lê).

Sáng ngày ra ngoài liêu Ngài hỏi những người khi ở bên kia núi, hoặc xa cách mà ngài ở ở thấy (sau khi tọa thiền) Ngài hỏi họ, họ đáp lại ngài, đúng y như ngài đã thấy lúc ấy họ đang làm gì v.v...

Cũng năm ấy, tháng chạp ngài ở trong thất tu được 7-8 thất. Khi vừa ra thất người hộ thất

cho ngài tu rót nước trà đúng ngài. Chén trà rơi xuống đất bể tan. Liên khi ấy ngài dứt nguồn cội nghi, tỏ ngộ, như đã tỉnh cơn đại mộng. Sau khi ngài ngộ đạo rồi nhưn đó tự - thuật bài kệ:

Bài 1: *Sầy tay bể chén toi.
Tiếng vang động, xa xôi.
Hư không tan mặt cá.
Tâm mê dứt hết rồi.*

Bài 2: *Ló làm rơi chén bể tan ngay.
Người mất nhà đâu khô nôi thay,
Xuân đến hương hoa muôn sắc thắm.
Sơn hà vạn vật...ây, Như Lai!*

Câu thứ nhất: phá hết vô minh nghiệp chướng.

- hai: ngã pháp đều không, liả hết ngôn ngữ.
- ba: một màu thanh tịnh.
- tư: vũ trụ, sơn hà đại địa đều là Như Lai. - Tâm cảnh nhưt như như.

Khi ngài tỏ ngộ đã ngoài 30 tuổi. Ngài trụ thế hơn một thế kỷ, thọ 120 tuổi.

Ngài tọa thiền có lúc một, tháng, hoặc 9, 10 ngày. Có khi đôi ba tháng mới xuất định. Thời gian nhập định không ăn uống mà chẳng sao; vì có thiền duyệt thức, tu dưỡng thân tâm nên chẳng chết.

Thời kỳ Trung Cộng chiếm nốt Hoa-Nam, bắt ngài tra tấn cả đôi ba tháng, chẳng cho ăn uống mà ngài vẫn không sao.

Đạo đức của ngài có tiếng vang trong nước chí ngoại quốc. Môn đồ của ngài vô số kể. Mặc dù chính thể tam vô, cốt diệt trừ các tôn giáo của Trung Cộng, nhưng cũng không làm gì ngăn ngại được Ngài. Ngài chuyên dạy pháp tu Thiên Định cho môn đồ. Ngài thị tịch vào ngày 13-9-1959 tại chùa Vân Môn tỉnh Quảng Đông.

THIÊN ĐƯƠNG KHAI THỊ

(Những lời ngài Hư Vân khai thị môn đồ khi ở Thiên Đương đệ tử tham thiền trong m ỗ i thất)

Chư vị thượng thối đến thỉnh chỉ dạy, khiến tôi cảm giác tự thẹn. Chư vị mỗi ngày bị tân khổ về các việc đời, mà cũng không làm mất, niệm đầu hành đạo, ấy là tâm ân cần vì đạo hiện tại khiến tôi cảm động!

Hư Vân này hổ thẹn vì không đạo không đức, nói không trên chỗ khai thị, chỉ lược lại mấy câu đàm đối của các Cổ-nhơn để đáp lại lời hỏi của quý vị vậy thôi.

Dụng công tu tập là phương pháp nhập môn. Phương pháp dụng công, hành đạo có rất nhiều, nhưng nay chỉ ước lược như dưới đây:

A.- Điều kiện tiên quyết

- 1.- Tín nhưn quả
- 2.- Nghiêm trì giới luật
- 3.- Lòng, tín kiên cố
- 4.- Quyết định pháp môn tu hành.

B.- Phương pháp tham thiền (thực hành)

- 1.- Toa thiền phải cần biết
- 2.- Hạ thủ công phu, phân khách chủ
- 3.- Thoại đầu và nghị tĩnh
- 4.- Chiều cổ thoại đầu và phản vấn tự tánh
- 5.- Vô dưỡng sanh tử, phát tâm lâu dài

C.- Tró ngại khi dụng công tham thiền

- 1.- Mối tham thiền
 - a.- Mối dụng công tu thiền khó
 - b.- Mối dụng công tu thiền dễ
- 2.- Tham thiền già dặn
 - a.- Dụng công tu thiền già dặn khó
 - b.- Dụng công tu thiền già dặn dễ

D.- Kết luận

Khuyến nhủ tu hành, và chỉ phương pháp trừ ma chướng.

A.- Điều kiện tiên quyết

1.- Thâm tín nhơn quả

Chẳng luận là hạng người nào, nếu có tư tưởng dụng công hành đạo, thì trước hết phải tin nhơn quả. Nếu chẳng tin nhơn quả, thì làm cần, chẳng cần nói hành đạo, thành công hay chẳng thành.

Cổ Đức có nói: "Muốn biết nhơn đời trước, ta hãy nhìn đời hiện tại của ta như thế nào. Muốn rõ quả đời sau như thế nào, ta hãy nhìn lại cái nhơn trong đời hiện tại, coi ta làm những gì."

Cổ Đức còn nói: "Giả sử trăm ngàn kiếp ta đã tạo nghiệp nhơn rồi, thì nghiệp quả ấy chẳng mất. Khi nào nhơn duyên đủ thì quả báo phải tự thọ lấy chẳng sai."

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhơn địa bất chơn quả chiếu du khúc nghĩa là chỗ tạo nghiệp nhơn không ngay thẳng, thì phải chịu cảm quả báo cong queo. Cho nên trồng nhơn lành, thì kết quả tốt; tạo nhơn dữ, thì kết quả dữ; trồng dưa thì đước dưa, trồng đậu thì ra đậu. Đạo lý nhơn quả rõ ràng như vậy."

Luận đến đạo lý nhơn quả tôi xin nhắc lại hai sự tích để chứng minh.

Sự tích thứ nhất: Thuở trước, khi đức Phật Thích Ca chưa ra đời, trong thành Ca-Tì-La-Vệ có một thôn bắt cá. Thôn này có một cái ao lớn, đến khi trời hạn khô nước, bao nhiêu cá trong ao đều bị dân chúng thôn này bắt ăn hết. Sau rốt chỉ còn một con cá rất lớn, cũng bị dân thôn ấy bắt ăn. Chỉ có một cậu bé xách giỏ con cá ấy liệng chơi, ba lần mà chẳng ăn thịt cá.

Sau đến đức Phật Thích Ca ra đời, vua trị vì thời ấy là Ba-Tứ-Nặc, nhà vua rất tin Phật pháp, lại đính hôn với con gái giống họ Thích sanh hạ một Thái tử tên Lưu-Lý. Lưu-Lý thứ còn bé, về quê ngoại ở nơi thành Ca-Tì-La-Vệ đi học. Một hôm cậu bé chơi đùa leo lên tòa ngai của đức Phật (tòa ngai của họ Thích quê ngoại của cậu bé làm để khi nhà vua đức Phật về thuyết pháp sẽ ngự trên toà ấy.) Cậu bé Lưu-Lý bị quở la và bị kéo xuống tòa ngai ấy. Cậu ôm lòng oán hận.

Sau ngày tức vị là vua Lưu-Lý, vì hận cũ, Lưu-Lý vương đem binh trừ diệt giống họ Thích của Đức Phật.

Thứ ấy ông Mục Kiên Liên trách Phật sao không cứu giồng họ Thích của Phật. Ông liền dùng thân thông thấu hết giồng họ Thích năm trăm người vô trong cái bình bát, rồi đem để trên không trung, tự cho là đã cứu được giồng họ Thích. Nhưng đến khi ngài mở bát ra xem, thì còn lại một bát huyết. Các đệ tử Phật ngạc nhiên hỏi Phật. Đức Phật mới kể tích thôn đến cá ở thành Ca-Tì-La-Vê trước.

Đức Phật kết luận rằng: "Năm trăm người giồng họ Thích bị chết đó là những dân ở một thôn trong thành Ca-Tì-La-Vê ăn cá hồi kiếp trước. Còn tiền thân Lưu-Lý-Vương là con cá lớn đó. Cậu bé xách đầu cá to liêng ba lần chơi đùa ấy, chính là tiền thân của Ngài hồi trước. Vì nhón liêng đầu cá ba lần, hôm nay đức Phật bị nhục đầu ba ngày. Nghiệp quả báo đã tạo nên 500 người giồng họ Thích khó tránh khỏi nợ trả vay. Lý nhón quả như thế ấy."

Sự tích thứ hai: đức Bách-Trướng độ thoát con hồ ly. Có hôm đức Bách-Trướng, thượng đấng giảng kinh, sau khi hạ tòa, chúng tăng đều giải tán. Chỉ còn một ông già đứng đó, Bách-Trướng hỏi: "Người đứng đó làm gì?"

Ông già đáp: "Tôi không phải là người, tôi là hồ ly tinh, vì đối trước tôi là vị đấng đầu (như bậc thượng tọa). Nhón kẻ có học đạo đến hỏi tôi: những người đại tu hành có lạc nhón quả hay không. Tôi đáp "Chẳng lạc nhón quả" vì tôi giải bày như thế nên bị đọa lạc là m thân hồ-ly tinh 500 kiếp rồi, chưa có phương pháp để cứu thoát mình, thỉnh Hoà thượng tu bị khai thị lý ấy."

Đức Bách-Trướng nói: "Người nay muốn đến hỏi ta điều gì?"

Ông già ấy lại hỏi: "Xin Hòa-Thượng cho biết bậc đại tu hành có lạc nhón quả không?"

Bách-Trướng đáp: "Chẳng muội nhón quả" (không mê muội).

Người già ấy nói "Đại tổ ngộ rồi"

Liên liền tạ Bách-Trướng mà nói: "Nay nhờ ơn Hoà-Thượng thay lời nói ấy, khiến tôi được siêu thoát thân hồ-ly-tinh. Tôi ở tại hang đá phía sau chùa này. Xin Hòa-Thượng cho Tăng chúng làm lễ tống-táng tôi".

Rạng ngày Bách-Trướng ra núi phía sau chùa, lấy gậy vót ra một con chôn chết trong hang đá. Ngài bảo chúng tăng làm lễ tống-táng."

Hai sự tích cho thấy rõ ràng lý nhón quả khá đáng sợ. Khi định nghiệp quả báo đến, dù ai đi nữa, cũng không thể tránh được.

Vì thế, nên người tu hành luôn luôn phải tin lý nhón quả, để cải tạo nghiệp nhón và phải tu hành chơn chánh...

2.- Nghiêm trì giới luật

Dụng công hành đạo trước hết phải nghiêm trì giới luật. Giới là nguồn gốc của vô thượng Bồ-đề (Phật quả). Nhón có giới mới sanh Định; nhón Định sanh Trí-Huê. Nếu không trì - giới mà tu hành thì không có lý. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Bốn môn thanh tịnh dạy ta rõ ràng. Nếu không trì giới mà tu thiền định (Tam muội) thì trần lao không ra khỏi; dù có nhiều trí tuệ thiền định hiện tiền cũng sa lạc về tà ma ngoại đạo." Nên biết trì giới là trọng yếu của người tu hành. Người tu hành mà trì giới thì được Long-Thiên ủng hộ và tà ma ngoại đạo kính sợ.

Người phá giới bị quỷ thần khinh khi, kêu là giặc lớn trong nhà Phật, phá nhà chánh pháp của Như-Lai.

Giới là căn bản để dứt trừ tội lỗi và ngăn ngừa tam nghiệp cho thanh tịnh. Nếu thiếu giới luật thì đã đánh bị luân hồi sanh tử vì tạo nhón phải trả quả, làm cho thân tâm ta bị tán loạn, làm sao tu thiền định.

Lục tổ nói: "Tâm bình nào nhọc phải trì giới, hạnh trực đâu phải dụng tham thiền."

Tôi xin hỏi quý vị: "Tâm đã bình, hạnh đã trực chưa? có hôm nào người đẹp lửa thể đứng gần quý vị, quý vị có động tâm hay không? và nếu vô có có ai đến nhục mạ quý vị, có thể không giận hờn hay không? Quý vị có thể không phân biệt kẻ thân người sơ và kẻ thương người ghét, ngã nhón, thị phi chẳng?..."

Tóm lại, nếu ai làm được hết những việc như đã kể trên mới nên cả tiếng nói chẳng cần tri giới, như câu "Tâm bình nào nhục tri giới" Nếu chưa được vậy, xin phải tri giới, chớ nên nói suông. Giới là để làm nên tăng tu thiện định. Nếu không giữ giới tu thiện - định chẳng thành công.

Giới có tại gia, xuất gia, đại thừa, tiểu thừa. Tại gia: Ngũ giới và Bồ Tát tại gia. Xuất gia giới: Sa-Di, Tỷ-Kheo, Bồ-Tát.

Đại thừa giới như Bồ-Tát xuất gia, tại gia đều có. Tiểu thừa giới: tứ ngũ giới cho đến Tỷ Kheo giới.

Tùy hoàn cảnh và phát tâm thọ giới gì đều do ở chính mình phải học hiểu và thọ trì.

3.- Lòng tin kiên cố

Dụng công hạnh đạo ta cần có một lòng tin kiên cố. Tin là mẹ đẻ các công đức. Chẳng luận là việc gì, nếu ta không tin, có làm đi nữa, việc ấy chẳng kết quả mỹ mãn. Chúng ta muốn thoát sanh tử, căn yếu nhất là lòng tin phải kiên cố.

Phật nói: "Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như-Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp - trước nên không chứng được".

Phật nói ra rất nhiều pháp môn để tùy cơ đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta phải tin lời Phật chẳng lường dối, và tin chúng sanh như ta có thể tu thành Phật: Số dĩ chúng ta chưa thành Phật vì bởi thực hành chưa đúng.

Thí dụ như có người chỉ cho ta biết chính nhà ta có mỏ vàng, mà ta chưa có dụng cụ và phương pháp nạo lọc vàng, hoặc nếu có người chỉ dạy mà ta không thực hành đúng theo lời chỉ dạy ấy, có thể nào đem vàng ra khỏi mỏ được hay không.

Chúng ta tu hành (tham thiền) cũng thế. Nếu ta tin mà chẳng thực hành cho đúng, và có thực hành mà đức tin chẳng kiên cố bao giờ kết quả tốt đẹp được.

Nếu ta tu hành có lòng tin vững chắc, và thực hành đúng phương pháp, luôn luôn không thối lui, quyết định sẽ có ngày thành công.

Vinh Gia Thiển sư nói: "Chúng thật tướng không còn nhón, pháp, trong giây lát diệt nghiệp A Tỳ. Nếu đem lối dối gạt chúng sanh, thì chịu lấy quả báo, bị cắt lưỡi hằng sa số kiếp." Ngài Vinh Gia Thiển sư vì lòng từ bi, nên thương chúng sanh, phát lời thể nguyện chúng-mình lợi chư Phật và Bồ-Tát, lúc nào cũng chơn thật, để tế độ chúng sanh. Vì thế ta phải đặt đức tin vững bền luôn luôn, tin là ta sẽ thực hành được, và lời Phật chơn thật.

3.- Quyết định pháp môn tu hành.

Lòng tin đã đầy đủ, ta cần chọn một pháp môn nhất định để tu trì, không nên sớm Tãn chiêu Sở (ý nói đứng thay đổi). Chẳng hạn là pháp niệm Phật cũng tốt, trì chú cũng tốt, t h a m - thiền cũng tốt, đều phải nhận định một pháp môn nào cho rõ ràng để ta tu trì, thực hành đến đích không thối chuyển. Ngày nay chưa thành công thì ngày mai. Năm nay không thành còn năm tới.

Tổ Qui Sơn nói: "Hỏi đối nếu ta tu hành không thối lui, bậc Phật quyết định khả kỳ." Có lắm hạng người thực hành pháp môn không nhất định vì thiếu chú ý. Thí dụ như hôm nay nghe vị thiện tri thức nào đó nói pháp niệm Phật là hay, liền theo pháp niệm Phật; niệm Phật được vài ngày lại nghe vị nào đó nói tu tham thiền hay lại theo tham thiền, và lại ngày lại chạy đông, chạy tây... Một đối tu như thế, đến chết chưa có kết quả gì đáng kể. Bởi thế người tu hành cần phải quyết định một pháp môn nào duy nhất để tu trì. Như thế mới mong có kết quả, chẳng uổng một đối tu hành của chúng ta. (còn tiếp)

Trang Giáo Lý

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Hiếu và thuộc Nghi thức thông thường

A. - DANH HIỆU

I) NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CAM ÂU NI PHẬT:

1) Nam-mô có sáu nghĩa: Quy-y quy là về, y là nương tựa: Nghĩa là quy về nương tựa theo Đức Phật. Quy mạng: quy - gọi thân mạng của mình. Cung kính: là tôn trọng kính ngưỡng Đức Phật. Cứu ngã: Xin Đức Phật cứu độ cho tôi. Lễ bái: X i n kính lễ lay bái Đức Phật. Độ ngã: xin Đức Phật đưa tôi từ chỗ đau khổ đến chỗ an vui, từ chỗ mê lầm đến chỗ giác ngộ.

2) Bốn sứ: là vị Thầy cốt lõi đem Đạo Phật đến cho chúng-sanh và chỉ dạy chúng - sanh con đường giải thoát giác ngộ. Đây chỉ Đức Phật Thích - Ca Mâu Ni, vì nhờ Ngài mà chúng ta hiểu biết đến Đạo Phật.

Nam mô Bốn Sứ Thích Ca Mâu - Ni Phật là xin đem, cả t h ân mạng y chí, quy ngưỡng Đ ú c Thích Ca, nguyện cung kính lễ bái Ngài. Nguyện Ngài cứu độ cho mình thoát khỏi các sự đau khổ mê lầm.

II) NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT: là xin đem cả thân mạng q u y - ngưỡng lễ bái Đức Phật A - Di Đà, và nguyện nhờ Ngài cứu độ

III) NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT: Đương lai : là sẽ đến. Hạ sanh: Là giảng - sanh xuống cõi Ta bà này. Di Lạc tôn Phật: là Đức Phật Di Lạc sẽ giảng sanh xuống cõi Ta bà này sau Đức Phật Thích Ca, Di Lạc có hai nghĩa: Từ - thị tức là một vị có lòng thương rộng lớn, Vô năng thắng

tức, là có trí tuệ từ bi thù thắng không ai sánh kịp. Đức Di Lạc là gương sáng c ã a hạnh hỷ xả.

IV) NAM MÔ VĂN THÙ SỨ LỢI BỒ TÁT: Văn Thù Sứ - Lợi là, vị Bồ Tát có trí tuệ đệ nhất, thù cối con sứ tử tướng trướng cho sức mạnh trí tuệ soi sáng và dẹp các tối tăm mê lầm. Văn Thù là gương sáng của hạnh trí tuệ.

V) NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỆN BỒ TÁT: Đại hạnh là những - hành động vĩ đại, cao siêu, khác thường, ít người làm nổi. Phổ Hiện là vị Bồ Tát c ó những hạnh nguyện vĩ đại cứu độ cho mọi loài, thường hầu bên tay phải Đức Phật Thích Ca và hay cười con voi trắng ó ngà tương trưng cho s ú c mạnh các hạnh nghiệp vĩ tha rộng lớn.

VI) NAM MÔ ĐẠI BI QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT: Đại Bi, là có lòng từ bi rộng lớn cứu độ c h o tất cả chúng sanh. Quán thế - Âm: là vị Bồ Tát quán x é t tiếng kêu đau khổ của chúng sanh mà đến hoá độ. Ngài là gương sáng của hạnh tử bi.

VII) NAM MÔ LINH SƠN HỘI - THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT: Linh Sơn là hòn núi Kỳ-Xà-Quật ở Ấn Độ một chỗ Đức Phật thường hay thuyết pháp. Hội thượng là chúng Hội nghe pháp, gồm có vị Bồ Tát, Đại Đệ Tử nên xưng là Hội Thượng. Đây chỉ cho các Đức Phật, các vị Bồ-Tát, các vị Đại Đệ Tử hội họp trên núi Linh Sơn nghe Đức Phật Thích Ca thuyết pháp.

B. - BÀI MƯỜI PHƯƠNG PHÁT BA ĐỐI

Bài này tán thán Đức Phật A - Di Đà, phát nguyện vãng sanh qua nước Cực Lạc và nguyện-tu học để cứu độ chúng sanh.

1) Mười phương Phật ba đời: là tất cả Đức Phật trong 10 phương ở hiện tại, quá khứ và vị lai.

2) A Di Đà bậc nhất, là Đức Phật A Di Đà hơn hết, không có Đức Phật nào bằng, ý nói tu theo Đức Phật A Di Đà thì mau chứng quả hơn hết.

3) Chín phẩm độ chúng sanh: chín phẩm là chín tầng bậc; căn tánh chúng sanh cao thấp khác nhau, nên vãng sanh qua nước Cực Lạc đạt đến những - phẩm bậc sai khác nhau. Chín phẩm là hạ hạ, hạ trung, hạ - thượng. Trung hạ, trung trung, trung thượng. Thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Ý n ó i Đức Phật A Di Đà tùy theo cấp tánh chúng sanh mà độ tất cả mọi loài vãng sanh - qua nước Cực Lạc, đạt đ ến những phẩm bậc sai khác nhau

4) Oai đức không cùng cực: Oai là cứ chỉ oai nghi, nghiêm trang khiến m o i người kính nể. Đức là đức - hạnh. Oai đức của Đức A - Di Đà vô cùng tận không thể so sánh ước lượng được.

5) Đệ tử nguyện quy y: Đệ-tử phát nguyện xin quy y Đức Phật A Di Đà.

6) Sám hối ba nghiệp tội: Xin sám hối tất cả những tội lỗi về thân nghiệp, khẩu - nghiệp và ý nghiệp.

7) Phạm đức bao phủ thiện: Là phạm có phạm bao nhiêu việc phúc đức thiện sự.

8) Chí tâm nguyện hồi hướng

Thành tâm khẩn thiết nguyện xin hồi hướng công đức đã làm trên.

9) Nguyện cùng người niệm Phật: Nguyện cùng đồng với người Niệm Phật.

10) Cảm ứng hiện theo thời. - Cảm: Là những việc làm của mình, có sức mạnh ảnh hưởng đến xung quanh. Ứng: là theo sức mạnh cảm, thông ấy, xung quanh ứng đối lại. Như nói là cảm, tiếng vang dội lại là ứng. Đây nói do lòng thành - niềm Phật của mình (cảm) mà cảnh Tịnh Độ hiện ra trước mắt (ứng). Sự cảm ứng hiện ra tùy theo mình phát tâm niệm Phật.

11) Lâm chung cảnh tây phương. Khi gần chết, cảnh Cực Lạc ở phương tây.

12) Rõ ràng bày trước mặt: hiện ra rõ ràng bày trước mắt mình.

13) Thấy nghe đều tinh tấn: Khiến cho mọi người thấy và nghe, đều phát tâm tinh - tấn niệm Phật.

14) Đồng sanh nước Cực Lạc: Cực Lạc là cảnh giới hết sức sung sướng đẹp đẽ của Đức Phật A Di Đà phương Tây. Người niệm Phật và mình đều cùng, - nhau được vãng sanh qua nước Cực Lạc.

15) Thấy Phật thoát sanh tử: thấy được đức Phật, liền thoát sự luân hồi sống chết; vì một khi được sanh qua nước Cực Lạc, thì không còn phải sống chết nữa.

16) Như Phật độ hết thấy: theo như thế nguyện của chú Phật mà cứu độ cho tất cả chúng sanh.

17) Doan vô biên phiến não:

là doan trừ tất cả tánh phiến não tham sân si không ngăn không bỏ bèn.

18) Tu vô lượng pháp môn: là tu tập những pháp môn vô lượng.

19) Thế nguyện độ chúng sanh xin thế và phát nguyện cứu độ hết thấy chúng sanh.

20) Đều trọn thành Phật đạo hết, thấy chúng sanh đều được chúng quả thành Phật.

C. - BỐN LỜI NGUYỆN RỘNG LỚN

1) Chúng sanh không sợ lợng thế nguyện đều độ khắp: thế nguyện xin cứu độ tất cả chúng sanh sợ lợng nhiều không thể kể được. Chúng sanh chỉ cho tất cả các loài có sinh mạng.

2) Phiến não không cùng tận thế nguyện, đều dứt sạch: thế nguyện dứt sạch tất cả môn phiến não nhiều không cùng tận.

3) Pháp môn không kể xiết, thế nguyện đều tu học: Xin nguyện tu và học tất cả những pháp môn Phật dạy không thể kể xiết. Pháp môn là chỉ những lời Phật dạy có công năng mở đũa mọi người vào cảnh giới giải thoát.

4) Phật đạo không gì hơn, thế nguyện đều viên thành: Xin nguyện thành tựu một cách viên mãn quả vị Phật - đạo cứu cánh.

D. - CHÚ VẮNG SANH

Chú là lời bí mật bằng tiếng Phạn Ấn Độ, do chính Đức Phật nói ra, người thường không thể hiểu và cắt nghĩa. Bài

này có công năng tiếp - dẫn chúng sanh qua nước Cực Lạc nên gọi là chú vãng sanh.

Bạt nhục thể nghiệp, - chúng cấp ban: bạt trừ, nhổ tận gốc rễ hết thấy những nghiệp về thân, khẩu, ý làm chướng ngại không cho giải thoát. Những nghiệp này làm cội gốc phát sinh ra các nghiệp khác, nên gọi là căn bản.

Đặc sanh Tịnh Độ Đà La Ni: Đà La Ni dịch là tổng trì, nghĩa là một pháp môn thâm nhiếp các pháp môn khác. Bài chú vãng sanh này là một pháp môn thâm nhiếp hết thấy pháp môn khác, có công năng dứt sạch các nghiệp chướng - căn bản, khiến được vãng sanh qua nước Cực Lạc.

E. - BA TỰ QUY

Ba tự quy là tự quy y Phật, tự quy y pháp, tự quy y Tăng. Gọi là tứ nghĩa là quy - y Phật Pháp Tăng chung cùng khắp cả pháp giới.

1) Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thế theo đạo cả, phát, lòng vô thượng: Xin quy y đức Phật cùng khắp pháp giới và xin nguyện cùng với tất cả chúng sanh, thế theo đạo cao siêu nhiệm mầu mà phát tâm Bồ đề vô thượng.

2) Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng trí tuệ như biển: Xin quy y với Pháp cùng khắp pháp giới và xin nguyện cùng với tất cả chúng sanh thấu rõ 3 tạng kinh điển, được trí tuệ rộng lớn như biển cả.

3) Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, quản lý đại chúng hết thấy không ngại: Xin quy y với Tăng cùng khắp pháp giới và xin nguyện cùng, tất cả chúng sanh, điều khiển coi sóc toàn thể đại chúng, hết thấy không gì ngăn ngại.

F.- HỘI HƯỚNG CHÚNG SANH

Bài này trong kinh Pháp Hoa là, lời nguyện đem bao công-đức tu hành tụng niệm trên của mình mà hướng về ban bố cho toàn thể chúng sanh, tất cả đều được thành Phật như mình.

1) Nguyện đem công đức này: công đức là những việc có công năng tăng trưởng phước đức cho mình, cho mọi người. Đây là nguyện xin đem tất cả công đức tu hành tụng niệm, phước sự của mình.

2) Chung cùng khắp tất cả: san sẻ chia khắp tất cả cho chúng sanh.

3) Đê tử và chúng sanh: tất cả chúng sanh và chính mình

4) Đều trọn thành Phật đạo: tất cả đều viên mãn thành tựu được chứng quả Phật.

(Còn tiếp)

tiếp theo trang 11

được trình bày như một bánh xe gồm có vành, cổ trục và 8 hoặc 12 hoặc nhiều cãm. Nếu làm 8 là tượng trưng cho bát-chánh-đạo, làm 12 là tượng trưng cho 12 nhân duyên, và nhiều nữa là tượng trưng cho vô lượng pháp giáo của Phật. Ngày nay dấu hiệu Pháp Luân ta cũng thấy in trên lá cờ Quốc gia Ấn Độ. Tuy Phật Giáo không công khai là một Quốc giáo của xứ này, nhưng Phật Giáo đã tạo cho Ấn Độ về tinh thần một vinh quang lớn lao trong dĩ vãng và ngay cả hiện tại. Có lẽ vì vậy mà dân Ấn đã mặc nhiên lấy dấu hiệu Pháp luân làm là cờ cao quý của dân tộc họ.

(Trích dịch từ báo Phật Giáo Thế giới bằng Anh văn của Đạo Hữu Nguyễn Khoa Việt)

Tân-hương, quận Mồ cày, tỉnh Bến tre rước về nhậm chức chủ trì chùa này. Từ ngày ấy, nhận thấy tăng tín đồ thất học Phật pháp, cụ tận lực giáo hóa, lấy chùa Tuyên-Linh là nơi giảng dạy. Mỗi năm có ba tháng hạ an cư của chư tăng ở nơi nào, cụ cũng đều được mời đến làm chủ giảng. Ngài hết sức lo canh tân Phật giáo. Một mặt thỉnh kinh diển từ Tàu, Nhật đem về nghiên cứu, mặt khác cứ lo trau giồi thêm văn quốc ngữ và bạch thoại. Buổi này các chủ tăng ba kỳ trang tuổi cụ, ít có vị nào rành Việt văn.

Năm 1912 xảy ra cách mạng Tân-Hội ở Trung Hoa. Tam đả n chủ nghĩa ra đời do Tôn Văn chủ xướng. Phật giáo Trung-Hoa cũng theo phong trào này nổi dậy, hô hào canh tân. Ở Thượng-Hải, Nam-Kinh đều có các cơ quan báo chí của Phật giáo và các Ngài Đê Nhân quán Tông, Viên Ảnh và Thái-Hử Pháp sư lập hội Phật học. Cụ Khánh Hòa nhận thấy tăng đồ nước người như vậy, còn nước mình tăng đồ cứ mãi ngủ yên kể từ năm 1920, cụ đi hết tỉnh này sang tỉnh khác để vận động. Không có bao nhiêu người hưởng ứng. Cụ liên hiệp cùng Hòa Thượng Tư Phong chùa Giác Hải đứng ra kêu gọi những rớt cuộc cùng chằng kết quả gì.

Năm 1926, cụ làm chủ giảng tại chùa Long Phước, Trà vinh Nhân ngày mãn mùa tu học của chư tăng, nhằm ngày rằm tháng bảy, cụ đưa ra kế hoạch để tiến hành Phật sự như sau:

- 1.- kết hợp các bậc tăng tài để cộng tác.
- 2.- cất nhà thư xã thỉnh ba tạng kinh để làm tài liệu nghiên cứu phiên dịch ra Việt văn.
- 3.- vận động tài chánh để giải quyết mọi việc và thành lập gấp rút trường Phật học để đào tạo Tăng tài.

Vì phải kết hợp thêm nhơn tài, cụ trừ tỉnh cùng Hòa Thượng Huệ Quang ra Trung kỳ. Năm 1927, cụ được thỉnh làm chủ giảng ba tháng hạ tại chùa Long Khánh, tỉnh Qui Nhơn. Cụ hiệp cùng với Hòa Thượng Huệ Quang và phái đoàn lên đường để nhân đó cổ động, việc chấn hưng Phật Giáo. Kịp lúc sứ Thiện Chiếu từ Bắc kỳ vào, ghé qua Qui Nhơn, đưa cho cụ xem chương trình Phật giáo hội Trung Hoa, tức ở Hải Triều Âm, cơ quan ngôn luận của Phật giáo nước này. Sứ Thiện Chiếu thúc cụ mau tiến hành chấn hưng Phật Giáo, không nên để trễ. Thiện Chiếu lúc bấy giờ trụ trì chùa Linh Sơn số 149 đường Douamont (nay là Cô Giang Sài Gòn), là một thanh niên tân tiến giỏi cả Pháp lẫn Hán văn, tân và cụ học ít có người sánh kịp.

Mãn hạ, cụ rời Qui Nhơn trở về Nam, ghé qua chùa Linh Sơn cùng sứ Thiện Chiếu bàn lại chương trình lập hội Phật học. Sau đó, cụ về chùa Tuyên Linh, họp toàn thể bốn đạo lại, thuyết trình vì muốn trùng hưng Phật pháp đang suy đồi, mà không tiên khó có thể tiến hành, được, nên vì chánh pháp bán ngôi chánh điện Tuyên linh để lấy tiền là việc ấy. Bốn đạo đều chấp thuận. Làng mua chùa này giá 1.000 đồng, chở về quán Ba Tri làm đình thờ thần. Sau đó, cụ nhớ thêm Hoà thượng Tâm Quán chùa Viên Giác (Bến Tre) Hòa Thượng Tư Phong chùa Liên Trì (Bến Tre) vận động thêm tài chánh.

(Còn tiếp)



THƯ CHO MẸ

Đêm rằm nghe tiếng gạ kêu
 Lòng con chưa xót trâm chiếu Mẹ đi!
 Thư đi không nói nên lời,
 Canh khuya vọng phở khung trời đau thương.
 Lũng còng một nắng hai sương,
 Mỗi mòn chờ đợi mảnh vườn héo non.

Phận con chữ hiếu chưa tròn,
 Lại thêm tình nước tình non thẹn thùng...
 Bao giờ mới được vẫy vùng?
 Chí trai nôi gót anh hùng thuở xưa...
 Xóa màn đen tối dong dưa,
 Bao trùm đất Mẹ còn chưa vừa lòng.
 Lũ người tham bạo lập công,
 Sức cùm, dân mật, tù gông nghẹn ngào...
 Bù dăng-Bù dốp-Long giao
 Ai qua Suối Máu? 21 vào U Minh?
 Nước non nào của một mình,
 Tự Do đâu thấy tội tình dân ta.
 Tử gần cho tới nẻo xa,
 Năm châu gào thét thật là thê lương!
 Mẹ ơi có phải vì thương?
 Dành lòng ngăn lệ đoạn trường con đi!...
 "Ba mươi" ngày của chia ly,
 "Tháng tư" lửa Hạ - chào mi "Hận thù".
 Vùng lên tái tạo chiến khu,
 Búa liềm bẻ nát, ngục tù phá tan!...
 Thương anh chiến sĩ hiên ngang,
 Rừng sâu núi thẳm, đồng hoang kiên cường.
 Thương em len lối phố phường,
 Dựng cơ độc lập coi thương hiểm nguy.
 Dù xa xôi chốn kinh kỳ,
 Xứ người nường tựa vắn ghi hàng dấu.
 Nhớ về Quê Mẹ thương đau,
 Góp phần bé nhỏ mau mau gói về!
 Mẹ ơi! Ngày mới gần kề,
 Con nguyện giữ ven lối thê nước non!...

Hoàng Giang Sơn.

TÌM LẠI TÌNH THƯƠNG

Đêm đêm nghe gió lạnh về
 Tâm hồn trống vắng tí bẽ quạnh hiu
 Quê xưa chứng ấy tiêu điều,
 Người đi kẻ ở chịu nhiều đắng cay
 Chiêu đi! Đứng tất năng rày
 Nghe như vụn vỡ trên vai nặng hoẵng
 Cuộc đời sao chẳng nổi nắng,
 Để ta còn được trời trần với đời
 Buồn cho tình đạo lỏng lẻo
 Còn đâu đoàn kết ở nơi quê ngỗ
 Có danh có lợi còn cái
 Còn ham vật chất là ngỗ vơ mình
 Làm thân con Phật hàng gìn
 Có không không có, tựa hình đêm mờ
 Phù sinh đấng thế bụi mờ
 Ra đi chớ ngủ giấc mờ miền trường
 Làm sao tìm lại tình thương
 Cho đời có đạo để thương an vui.

Đại chơ

Gió ơi! gió tú đâu lại,
 Và mang buồn vô ngại đến cho ta
 Tìm chi nói chốn phương xa
 Gặp nhau rồi cũng vậy mà lặng thinh
 Không hề han hỏi thừa trình
 Rằng đây tự sự quê mình ra sao
 Ai người tướng tở âm hao
 Làm ôn giải đáp khổ đau nói này
 Bao giờ nhân loại sum vầy
 Bao giờ tôi với cùng Thầy hồi hướng
 Bao giờ gặp lại tình thương
 Bao giờ người khỏi tìm đường sinh nhai
 Bao giờ hân tử phối phai
 Bao giờ ân oán trả vay xong rồi
 Cho tôi đây khỏi bồi hồi
 Buồn thường lặn lợp xa xôi quê người
 Ôn này tôi nguyện một lời,
 Tình người tôi giữ trọn đời không phai

Diệu Ân



QUỐC SỬ TẬP LỤC

Một bài sử Việt quan trọng

Ranh giới Việt Nam

(tiếp theo kỳ trước)

Bài của Học Giả Lê Ngọc Trụ
Học Giả Mặc Khách sưu lục

C) ĐẾN THẾ KỶ XIX

Triều Nguyễn, vua Gia Long cũng thọ phong nước Trung Hoa nên ranh giới không thay đổi.

Riêng vùng Tu Long không được yên. Lúc vua Lê Chiêu-Thông nhờ quân Tôn-Sĩ-Nghị vùng Lương Quang về đánh dẹp Tây-Sơn thì ở vùng Nam cũng có một đạo binh khác do tướng vùng Tu Long cầm đầu, theo ai Mã-Bạch kéo về. Khi xuống vùng Trung-châu nghe tin quân của Tôn-Sĩ-Nghị thua chạy tán loạn về xứ (tháng giêng năm Kỷ-Dậu, 1789), đạo quân ấy bèn thôi trở lại theo đảng cũ mà về Trung Hoa. Đến vùng Tu Long còn trung thành với nhà Lê, không chịu tùng-phục Tây-Sơn.

Đối với triều vua mới, dân chúng hãy còn hoang mang. Năm 1808, có Hoàng-Phong - Bút nổi lên chống vua Gia Long, và bị đàn áp dẹp. Các mỏ của họ Hoàng mãi đến đời Minh Mạng (1820) mới khai thác trở lại.

Sau Nùng-Văn-Vân (1833) đánh phá vùng Tuyên Quang, Lạng Sơn, thuế mỏ ở Tu Long thì hầu như không được nhiều.

Đến năm 1863, thổ dân vùng này thọ nạn, bị dân Mèo Trắng ở Đông Quang nổi lên đánh giết chiếm cứ đất đai. Từ đó, các mỏ ở Tu Long cũng bỏ không khai thác.

Vua Thanh muốn chiếm các mỏ ấy nên sau này, nhón có hội Việt Nam thua yếu, yêu cầu nước Pháp hoạch định lại biên giới Việt-Hoa.

HIỆP ƯỚC THIÊN TÂN
Thế kỷ thứ XIX, các nước tân liên Âu Châu

nhớ kỹ nghệ phát đạt tua đi kiếm thị trường ở Á-Đông: nước Anh sau Nha-phiến chiến tranh (1840) chiếm Hồng-Kông của Trung Hoa; nước Pháp lấy lễ binh vực các giáo sĩ Thiên-Chúa giáo sĩ bị ngược đãi, chiếm Việt Nam.

Sau khi chiếm xong Lục-tĩnh (1867), người Pháp tìm đường thông sang Trung Hoa bằng ngọn sông Cửu-Long.

Nhón vụ J. Dupuis chở muối trên sông Hồng-Hà sang Vân-Nam bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt, soái phủ Sài Gòn bèn phái binh ra Bắc can thiệp. Francis Garnier và Henri Rivière cầm đầu đạo binh ấy, đã chàng điêu đình lại đồng ý với J. Dupuis đánh chiếm Hà Nội và bốn tỉnh trung châu Bắc-kỳ (1873).

Vua Tự-Đức lo ngại, một mặt sai sứ ra Hà Nội và vào Sài Gòn điếu đình, một mặt cho quan quân hợp với quân Cờ Đen đánh phá Hà Nội (12-1873). F. Garnier từ trên: Cách 11 lâu họp ước năm Giáp Tuất (15-3-1874) trả lại đất Bắc và nhìn nhận nước Việt Nam là nước độc lập khỏi thân phục nước Tàu nữa.

Hòa ước đã ký, nhưng vua Tự-Đức vẫn cắt sứ sang triều cống Trung Hoa và cầu viện trợ. Vua nhà Thanh cũng muốn, nhón có hội sĩ chiếm lấy mây tỉnh về phía Bắc sông Hồng-Hà, nên không nhìn nhận hiệp ước 1874, và ngầm giúp bọn Cờ-Đen khuấy phá.

Nhón có vài người Pháp sang Vân-Nam bình an trở (1881) Le Myre de Villers lấy cờ rấn g triều đình Huế không giữ tròn nhiệm vụ, cho Henri Rivière đánh chiếm thành Hà Nội lập thứ nhĩ (1882). Tám tháng sau, Rivière chiếm thành Nam Định nhưng cũng bị giặc Cờ-Đen giết chết tại Cầu-Giây, gần Sơn-Tây (19-5-1883).

Vua Thanh muốn thừa cơ hội thủ lợi ở Việt Nam nên cho vận động ngoại giao tại Paris. Tổng đốc Trúc, Lê Lý-Hồng-Chương cố cho tại biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa, không rõ rệt nên bọn cướp ở biên thủy có cơ khuấy

phá, vậy phải phân chia ranh giới lại cho phân minh.

Challamel La Cour, Ngoại giao Tổng-trưởng Pháp, cũng muốn dân xếp cho mau, chống chuyện đang ranh tay lo cuộc bảo hộ ở Việt Nam, nên chịu điều đình.

Nhưng sứ Thanh đề nghị ranh giới Trung-Hoa sẽ tới Thoun-Ho-Kouan (trên sông Hồng Hạ, gần Sơn Tây). Pháp không chịu. Chính phủ Trung Hoa bên giới viện binh cho Hoàng Kế-Viên và quân Cờ-Đen tiếp tục đánh phá

Bên này, Bắc sứ Trierou thấy không thể giải quyết ổn thỏa ngoài cách, chiến kinh - đồ Huế. Vì thế ông cho Đ. Đ. Courbet đi đem chiến hạm đánh phá của Thuận An bừa 18-8 1883 và bừa 25, Triều đình Huế gặp lúc vua Tự Đức băng, phải ký kết hiệp ước nhận - nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp, và t h ù tiêu ân phong của nhà Thanh.

Tuy có hiệp ước ấy, nhưng người Pháp chỉ cai trị vùng Trung-châu. Quân Trung - Hoa thì đóng vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào-Kay giúp Hoàng-Kế-Viên tại Sơn Tây.

Bên Pháp, cảm xúc về tin Rivière tử trận, nghị viện thấy cần giới binh đánh " mạnh " thì chính phủ Trung Hoa mới không t r ố giúp Việt Nam. Một đạo binh giới qua. Các thành Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hóa lần lượt bị chiếm (1884).

Trong lúc ấy, Đ. Đ. Courbet thì đem chiến hạm phá tan chiến thuyền Trung Hoa ở Phúc châu và bắn phá Đài Loan, Trên lục địa , quân Trung Hoa đánh chiếm Lạng Sơn, song sau bị Đ. Đ. Brière de Lisie đánh bại . Lạng Sơn và Tuyên Quang mất, quân Cờ -Đen tan rã. Chính phủ Bắc Kinh thấy không thể đánh nhau mãi mà không khai chiến n ê n chịu giảng hòa.

Nước Pháp thì muốn trang trải mau lẹ với Trung Hoa để Trung Hoa nhận nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp ở Việt Nam, nên phái Fournier nhỏ giới Bắc tên Pétrung, làm quan coi việc thống chánh ở Quảng Đông, làm trung gian thống thuyết với chính - phủ Bắc Kinh. Người Trung Hoa muốn chiếm vùng Tự Long của Việt Nam, nên cố nghị p h ã p -định lại ranh giới để cho miền nam khỏi bị quấy phá.

Số ước 11-5-84 giữa Fournier và Lý Hồng-

Chống được lập, trong ấy định quân Trung Hoa đóng ở biên thủy phải rút về xứ. C ó mấy khoản:

KHOẢN THỨ NHẤT. - Nước Pháp giao kết kinh trong và bảo vệ miền biên giới miền Nam Trung Hoa, giáp với Bắc Việt chống m ọ i cuộc đánh phá của bất cứ nước nào.

KHOẢN THỨ NHÌ. - Nước Trung Hoa khi được nước Pháp vì tình lặn bang cam kết g i ữ nguyên vẹn lãnh thổ và sự an ninh biên-thủy miền Nam, giao ước sẽ rút lui lập tức quân đội của mình ra khỏi biên giới Bắc Việt, và kinh trong, biên giới và v ẽ sau , các điều ước đã ký hoặc sẽ ký với triều đình Huế.

KHOẢN THỨ BA. - Hạn trong sáu tháng, kể từ ngày ký hiệp ước này, hai nước đứng ký - kết sẽ cử một ủy ban đến tại chỗ nhận định ranh giới Trung Hoa và Bắc Việt v à đặt mốc giới cho đúng phân ranh rõ ràng

Điều ước thiết thọ ký tại Thiên Tân, ngày 19-6-1885, giữa Patenôtre và Lý-Hồng-Chung được nghị viện Pháp phê chuẩn ngày 20-11 1885.

Nhưng từ ngày ký kết hiệp ước đến k h i cầm mốc giới xong xuôi, phải mất 12 n ă m dang dang, phần lớn do sự chậm chạp cố ý trở ngại của ủy viên Trung-Hoa.

HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI

Công cuộc hoạch định không xuôi, thuận , gặp nhiều sự khó khăn phải bỏ dở tiếp nối mấy lượt. Riêng phái đoàn Pháp bị thiết mạng hết ba người: hai ở vùng biên giới Văn Nam, một ở vùng Quảng Đông.

Ủy viên Trung Hoa cứ giải đãi; Pháp phải hai lượt thúc giục, Ủy ban của hai xứ mới khởi nhóm vào năm 1886.

a) Tại vùng Lưỡng Quảng, công cuộc hoạch định khó ngày 20 tháng 3 rồi bị bồng ứng ngày 13 tháng 4.

Viên thông ngôn Haitce của phái đoàn Pháp bị bọn cướp Trung Hoa đánh giết tận nhà.

Rốt lại, sau cuộc phân chia vùng này, hai

hại tổng Bát Trạng và Kiên Diên của tỉnh Hải Ninh bị nhập vào địa đồ Trung - quốc và ranh giới vùng Quảng Đông bắt từ sông Kalong (An-Nam-giang) làm ranh, Trên sông này ngày nay bắc "cầu quốc tế Móng Cây" .

b) Còn vùng Vân Nam, khởi vào tháng 7 năm 1886, thì gặp lắm việc trở ngại.

Phải đến hội tại thung lũng sông Hồng Hà Phái đoàn Trung Hoa lấy có cho quan số tại của mình hay trước nên đi riêng trước Phái đoàn Pháp đi sau, dọc đường bị bọn cướp Trung Hoa chặn giết hai sĩ quan do đốc Geil và Henri.

Phái đoàn Trung Hoa cho rằng người Pháp không giữ được an ninh ở biên giới, nên đề nghị phân chia trên địa đồ; Phái - đoàn Pháp thấy sự nguy hiểm trên núi cao rừng rậm phải nhận lời.

Biên giới Vân Nam chia trên địa đồ, phân làm năm đoạn, theo bản phước trình ngày 19-10-1886:

- 1) Từ nhánh sông Lung-Po và Hồng Hà đến Móng-Khương.
- 2) Từ Móng-Khương đến cầu Mã-Bạch.
- 3) Từ cầu Mã Bạch đến Pou-Mei-Ho.
- 4) Từ Pou-Mei-Ho đến Quảng Tây.
- 5) Từ nhánh sông Lung-Po đến Lèo.

Ba đoạn 1, 3, 4 phân chia theo biên giới cổ truyền, không gặp việc khó khăn, đất đai cũng không bị thiệt.

Đoạn thứ năm và thứ hai thì bị mất đất. Riêng về đoạn thứ hai có mỏ đồng Tu Long là vùng mà chính phủ Trung Hoa muốn chiếm nên gặp sự trở ngại nhiều. Vì vậy, Trung-Hoa cố nài lập một đường ranh giới mới, nhưng phái đoàn Pháp không chịu, bảo cứ theo biên giới cổ truyền của Việt Nam ; và lại phái đoàn có nhiệm vụ thì - hành hiệp ước chớ không sửa đổi hiệp ước.

Những các chánh khách Pháp ở bên Pháp và ở Bắc Kinh muốn tính xong mau lẹ với Trung Hoa để rảnh tay lo việc bảo hộ một xứ VN rộng lớn từ Nam chí Bắc, nên không kể chi mấy miền núi non hiểm trở vùng biên giới, và lại lúc bấy giờ, sau vụ biến động ở kinh đô Huế (5-7-1885) vua Hàm Nghi bỏ ngôi ra Tân Sở, phong trào Cần Vương trong nước lên lên nổi lên, quan trọng nhất là Đề Thám ở Yên Thế, Phan Đình Phùng ở Thanh-

Hoá, Pháp phải lo việc bình định; vì vậy Hiệp định ngày 26-8-1887 nhượng cho Trung-Hoa phần đất có mỏ đồng Tu Long ở Tổng Vị Xuyên (xem bản đồ).

Tôn Thất Thuyết, sau cuộc chánh biến ở Huế, đến ẩn lánh ở Vân Nam lo việc chống Pháp. Nghe tin quân lính Trung Hoa đóng ở Tu - Long, Thuyết bèn ra lệnh cho Hoàng - Thắng - Lôi, chủ tướng thân binh Hoa, và Việt đuổi quân lính Trung Hoa và chiếm Tu Long cho vua Hàm Nghi (1893). Quân Trung Hoa bị đuổi, dùng ngoại giao nhờ quân Pháp chiếm cứ lại.

Những năm sau, chủ tướng Mèo vùng Phan-Vu - Xá là Hangtse (?) lấy lẽ nhà cầm quyền Pháp đòi hỏi phu dân và đánh thuế cây xuất cảng sang Trung Hoa, xin sáp nhập phần đất ấy vào bản đồ Trung Quốc. Vì thế, có hiệp định bổ - túc, ngày 20-6-1895 nhượng vùng Phan-Vu-Xá cho Trung Hoa. Ranh giới bị mất hết, vùng đất ấy. Trong hiệp định có khoản hai nước, Pháp và Hoa sẽ cử uỷ ban coi định mốc giới.

Nên cuối năm 1896, một uỷ ban Pháp được cử lo việc ranh giới, do đại tá Pennequin cầm đầu.

Có lẽ hội phái đoàn Pháp mới này không rành chi tiết địa dư miền đó, nên phái đoàn Trung Hoa theo những mẩu cũ đã gặt sự giả Việt Nam hồi 1728, chỉ sông Chảy mà cho là, sông Đò Chũ. Kết quả cuộc hoạch định so với ranh giới của hiệp định 1895 thì được thêm phần đất thung lũng Thanh Thủy Hà tới chốt miền Bắc mà mất phần đất ở mé trái sông Thanh-Thủy.

Ngày 19-6-1897, ngoại trưởng Pháp Gerard - tuyên bố xong xuôi cuộc phân định r a n h giới Việt-Hoa và khen lao kết quả tốt đẹp.

Ông nói: "Khi phân ranh đúng đắn đất đai của hai nước Hoa-Việt, Chánh phủ Trung Hoa tính duy trì chặt chẽ mỗi tỉnh lân bang, hưởng thi và giao thương với thuộc địa chúng ta ở Đệ đướng". Thế là chánh phủ Trung Hoa đạt mục đích: phân hãm mỏ vùng Tu Long nhập về Trung Quốc; chánh phủ Pháp được rảnh tay, yên tâm lo khai phá vùng thuộc địa mới; và ranh giới Việt Nam bị thu hẹp lại.

Tóm lại, nước VN khởi tách rẽ với nước Thi tứ năm 264 đời Ngô thời Tam - Quốc. Ranh - giới Việt-Hoa hoạch định như ngày nay là do hiệp ước ký kết giữa hai nước Pháp và Trung Hoa tại Thiên Tân ngày 19 tháng 6 năm 1885

Học giả Lê Ngọc Trụ

VIỆT NAM PHONG SỬ

(Kỳ 3)

Nguyễn Văn Mại bản dịch của Tạ Quang Phát

- Học giả Mạc Khách sưu lục -

CHƯƠNG 9 (tiếp theo kỳ trước)

Nữ vương thấy thế giặc quá to, tự liệu quân mình ở hợp không thể chống nổi, bèn l u i quân giữ Cẩm Khê. Quân sĩ thấy Nữ-vương là dân bà con gái không thể thắng địch, bèn chạy tán loạn. Nữ vương chống cự thế c ô rồi bại trận mà chết.

Mã Viện dựng cột đồng làm ranh giới cùng cực của nhà Hán. Nước Việt ta lại thuộc nhà Hán.

Về sau người trong vùng ấy cảm mộ Nữ vương dựng đền ở Hát giang mà thờ phụng hai Bà.

Câu phong dao nầy khen ngợi Trưng Nữ vương chống chi Thi Sách. Nữ vương vì thù chồng mà khởi binh, đuổi Tô Định, dẹp yên, v ù n g Lĩnh-biêu, tuy là dân bà con gái yếu đuối, không dám lấy việc luyện sắt mà rèn kim tự khoe mình, nhưng hai Bà là bậc anh hùng trong giới nữ lưu, cùng với Lệ-hải Bà vương (Bà Triệu) chống cự quân giặc Bắc uy danh cũng hiển hách ngàn thu.

CHƯƠNG 10

*Ru con con ngựa cho lành,
Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi bà quan tướng coi voi bành vàng.*

Thổ phong sứ nầy thuộc phủ. - Bành vật dùng làm chỗ ngồi, và chỗ dựa dành để bắc l ê n lưng voi. *Quan tướng*, người chỉ huy đội voi trận.

Lúc nước Nam ta bị Bắc thuộc, có Bà Triệu, người làng Trung-sơn huyện Nông-công tỉnh Thanh-hóa, mình cao 9 thước, vú thông 3

thước(?) tuổi 20 chưa lấy chồng, cô chỉ lớn thường nói với người anh là Triệu Quốc Đạt: "Người ta sống ở chốn bụi hồng, không kể là trai hay gái, phải tạo lập công to lớn tiếng thơm ngàn thu, há lại bắt chước theo người đời chịu cúi đầu cong lưng làm tỳ - thiếp cho người ta hay sao?"

Trong khoảng niên hiệu Vĩnh an nhà Đông-Ngô, viên Thủ mục người Tàu tham bạo, v ớ vết chiếm đoạt tài sản của người bản xứ, nhân dân sống không yên tự hợp nhau l à m trởm cướp, thường nương tựa vào Bà Triệu để trốn tránh. Bà thành thật tin dùng, họ đều mến phục.

Anh của Bà nghe được việc ấy, vui mừng nói rằng: "Em gái ta như thế, thật là sau Hai Bà Trưng lại có một Bà Trưng nữa!"

Mọi người thấy Bà có tài làm tướng sũy, bèn tập Bà làm Chúa và xin cứ sũy ngay.

Bà liền dấy binh chống cự quân Ngô, Bà mặc áo vàng ngồi ở đầu voi, thường buộc vú ra phía sau lưng và dùng lụa bó lại, uy phong lắm liệt. Quân sĩ gọi Bà là Nhụy-Kiều tướng quân. Người Tàu Đông Ngô gọi Bà là Lệ- Hải Bà-vương.

Nhà Đông Ngô sai Lục Dận làm Giao-c h ấ u Chiêu thảo sứ, đem binh xuống miền Nam.

Bà Triệu dẫn binh tiếp đánh, một ngày b ấ trận, quân Ngô đều thua chạy. Lục Dận kinh hoàng đem binh chạy vào thành. Bà p h ấ t binh vây thành đánh mấy tháng mà không hạ được. Tướng sĩ ta cô lòng biếng nhác bê trễ mà thua trận.

Bà giục ngựa bỏ chạy thẳng đến núi Hối-sơn, xã Bồ-diễn (nay là xã Phú-diễn) huyện Hậu-lộc mà chết.

Sau khi mất, Bà hiển linh. Vua Tiên Lý Nam đế phong Bà làm *Bật chánh Anh liệt hùng tể* trình nhất phu-nhân.

Ý nghĩa thơ phong dao này nói về lúc B à Triệu đầy quân, người phần nhiều đều vui thích theo Bà, đàn ông con trai thì phụng sự trong hàng ngũ, đàn bà con gái thì làm công việc giúp quân đội. Lời hát cổ thú vị đem về vui tươi xua nhau làm việc mà không có lòng oán hận. Do đó có thể nhận thấy lúc bấy giờ Bà Triệu rất được lòng người.

CHƯƠNG 11

*Nước là mà vấ nên hồ
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.*

Thơ phong sự này thuộc tỳ.

Nước Việt ta từ Triệu vương độc lập trở về sau, bị người Tàu đô hộ lấy làm quận - huyện của Trung quốc. Mạnh non sông nhỏ nhen đều bị đô thuộc, nước nhà không có quyền tự chủ. Ai là bậc anh hùng tạo nên thối thế vậy ư?

Lúc ấy có vua Tiên-Lý Nam-đế, họ Lý, tên Đì (thường đọc là Lý Bôn), người Giao-chí, có tài văn vũ, không toại chí làm quan cho nhà Lương, bèn trở về Thái Bình. Nhân quan thứ sử Tiêu Tư ở Giao-châu làm mất lòng dân vì tham bạo, Ngài bèn khởi binh chống cự. Viên Tư-trưởng Chu-diên là Triệu-Túc cùng dẫn quân theo. Ngài liền kết đ ư ợ c mây châu, hào kiệt đều hưởng ứng. Tiêu-Tư nghe được liền đem tiên của cho Ngài rồi chạy về Quảng-châu.

Ngài liền đem quân ra chiếm cứ t h ã n h Long-biên.

Năm Giáp-tý (514 sau Tây lịch) nhằm niên hiệu Đại-đồng nhà Lương. Ngài tự xưng, là Nam Việt đế, lấy niên hiệu là Thiên-đức, đặt quốc hiệu là Vạn-xuân, dùng Triệu Túc làm quan Thái phó. Tinh Thiệu làm tướng võ, Phạm Tu làm tướng văn.

Vua Vũ đế nhà Lương sai Dương Phiêu làm thứ sử Giao-châu, Trần-Bá-Tiên làm Tư- mã đem quân sang đánh.

Bá Tiên đưa quân đi trước làm tiên phong đánh một trận ở Chu-diên và đánh thêm một trận nữa ở Gia-ninh. Vua Nam đế thua chạy về Tân-xương làm nhiều chiến thuyền, đóng

đồn ở hồ Diên triệt (nay là huyện Lập Thạch)

Gặp lúc nước sông dâng lên thành linh đ ờ ồ vào hồ, Bá Tiên đem quân xuôi theo đ ờ n g nước tiên vào, quân Lương đánh trống reo hò tràn tới. Nam-đế lui về giữ động Khuất-Liên bị lam chướng mà mất.

Người trong nước nhớ công của Nam-đế, kể lại việc của Ngài mà hát như thế.

Này, Lý Nam đế là một người dân nước Việt, cường thơ đất đai bị Bắc thuộc, giáp binh là binh sĩ bị Bắc thuộc mà cuối cùng đ ấ c ã cầm binh xe đất xưng hùng giành độc lập, tuy chưa được 50 tuổi mà phải lui về giữ động Khuất-Liên, nhưng cũng là người có vũ công bậc nhất của nước Việt Nam ta vậy.

Trong sách *Khâm Định Việt-sử thông giám cương mục*, vua Tự Đức phê: "Lý Nam Đế t u y sức không chống nổi, sự nghiệp không thành nhưng đã thua cơ phần khởi tự làm vua nước Nam, đáng là tiếng bác hiệu trước cho những triều tự chủ nhà Đinh nhà Lý về sau vậy".

CHƯƠNG 12

*Gáo vàng múc nước giếng tây,
Khôn ngoan cho lắm, tớ thấy người ta !*

Thơ phong sự này thuộc tỳ.

Gáo vàng là cái gầu bằng vàng dùng để múc nước. Giếng tây, giếng nước ở nhà lãn c ã n phía tây.

Nước Nam ta núi sông anh tú, hào kiệt sinh ra hơn người, đối đối không thiếu. Lý-Ông-Trọng, người huyện Tư-liêm làm quan c h o nhà Tần làm Tư-lệ hiệu úy, đem quân g í ữ Lâm Thao, tiếng tăm chấn động Hung-nô, về sau trở về làng mà mất. Tần Thủy-hoàng đức, tượng đồng hình Ông đặt nơi cửa Tư-mã ở Hàm-dương. Quân Hung-nô cho là quan Hiệuyúy còn sống, kiêng sợ không dám xâm phạm.

Khương Công-Phu, người huyện An Định đ ấ t Cửu-chân có tài cao thi đỗ Tiên sĩ đ ờ i nhà Đường thương bị mất xin vua Đường giết Chu-Thứ, nhưng Đường Đức-tông không nghe theo. Ông lại xin thâu nạp binh mã đ ớ c ã c đạo làm quân phòng bị.

Về sau quả nhiên Chu-Thư làm phản. Vua Đổng Đức-tông cho là Ông liệu đồ rã t đúng một cách lạ lùng mà quý trọng ông, thăng ông lên chức Trung-thư môn hạ Bình chương sự.

Hai ông là người Nam Việt ta. Người Nam mà làm quan cho triều đình phương Bắc. Bắc chỉ sĩ nhân hầu cho hai ông là không đáng kể mới làm thơ chế cười rằng:

*Gáo vàng mức nước giếng tây.
Khôn ngoan cho lắm tớ thấy người ta.*

Gáo vàng mức nước giếng ở nhà lân cận phía tây ngụ ý dùng tài không đúng chỗ thì tài quý báu mất về quý báu đi.

Ngô-Giáp-Đậu nói: ""Kẻ công lao đối với Trung quốc là khen ngợi. Còn đối với nước Nam ta thì sao? - Thật có như lời người Dương thời đã hát vậy!""

Tuy nhiên, nhân tài phải tùy thời tùy chỗ mà lập công danh. Nước Nam ta bị Bắc thuộc đã thành lâu đời, nếu cứ giữ thành kiến là dân nô lệ thì phải chịu mục nát với cỏ cây. Thế thì Tư Thức và Đạo Hạnh có bổ ích gì cho người trong nước?

Nếu tư sinh hùng tài muốn phụng sự cho việc chiến đấu, mà thời chưa thế, làm thế chưa thế, nắm thì cơ hội sẽ không khi phải đổ vỡ thất bại như Bồ-cái-Đại-vương Phùng Hưng và Hắc Đế Mai Thúc Loan.

Chỉ xét về ý nghĩa của sự tùy thời, như hai ông Lý Ông Trọng và Khương Công Phụ đây thì công lao đã hạch dịch một thời ở triều đình phương Bắc.

Hán nước Nam ta còn lắm người như thế, như Lý-Tiền là người nước Nam mà cai trị với về người nước Nam, Lý Cầm là người nước Nam đã tiên cứ người nước Nam, thì làm quan phụng sự cho triều đình phương Bắc có phụ chi nước Nam đâu?

Ý tứ của nhà thơ trong câu phong sự này thật nông cạn đối với hai Ông vậy.

CHƯƠNG 13

*Chim chích (1) mà ghẹo bở nông,
Đến khi nó mở, lạy ông tôi chúa.*

Thơ phong sự này thuộc tý.

Chích là thú chim bé không đầy năm tay, mỏ và hai chân đều màu đỏ, *bở nông* là loài chim to, đầu lớn, mỏ dài, hình dáng giống con ngỗng mà to hơn, trong khoảng mùa thu mùa đông, ruộng lúa có nước thường tụ tập lại ăn lúa. (2)

Nước Nam ta vào thời tôi ở biên thủy phương nam có nước Lâm Ấp (lãnh vực từ Quảng-bình đến Nam-kỳ lục tỉnh), trong thời nhà Tần thuộc đất Tượng quận, trong thời nhà Hán thuộc đất Nhật-nam. Cuối đời Hán, Khu-Liên, con quan Công tào, giết quan huyện lỵ, tự lập làm vua nước Lâm-ấp. Về sau người cháu ngoại của Khu-Liên là Phạm Hùng lên nối ngôi. Phạm Hùng truyền ngôi cho con là Phạm Dật. Dật mất, người đầy tớ là Phạm-Vấn soạn ngôi. Vấn mất, con là Phật nối ngôi. Phật mất, cháu là Hồ Đạt lên ngôi. Đến người cháu của Đạt là Văn Hiến lên ngôi gọi là Phú-nam-vương.

Trong niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, vua Lâm Ấp là Phạm-Đầu-Lê mất, người trong nước lập con của người cô là Cát Địa làm vua. Cát Địa đổi tên nước là Hoàn-vương quốc, bị quan Đổ-hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá, bèn bỏ nước Lâm Ấp đổi về đất Chiêm Thành và gọi nước là Chiêm Thành quốc (Nay ở xã Nguyệt-biểu Huyện Hương-Thủy tỉnh Thừa Thiên cũ thành Phật thế, và ở hai huyện Tuy-viên và Phú cát tỉnh Bình-Định cũ thành Đổ Bàn).

Đến thời Trung hưng triều nhà Nguyễn ta mở mang bờ cõi xuống miền Nam thì dòng giống người Lâm Ấp đã tuyệt.

Này, Lâm Ấp là một nước xưa ở A Đông, đất đai không phải là không rộng, nhân dân không phải là không đông, chỉ giữ đất mà tự tự lại không lượng sức mình, không đợi thời thế, làm xằng khai hãn với nước láng giềng mà bị triều đình phương Bắc đánh đuổi?

Tra cứu sử nước Nam, trong niên hiệu Vĩnh Hòa, Khu-liên vào cướp phá nước ta, bị quan thứ sử Trương-Kiều dẹp yên.

(1) Nguyên văn chép tay viết diệp là chim diệp, loài chim ăn cá to bằng con ngỗng, mỏ dài, chân cao sống trong đồng ruộng hoang vu. Đây đã chép sai.

(2) *Bở nông* là chim già đầy có cái ở ở ỹ dựng cá dưới cổ, là chim ăn cá chỗ không ăn lúa như soạn giả giải nghĩa.

xem tiếp trang 45



HÙNG ĐẠO VƯƠNG

(Kỳ hai)

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn
in lần thứ nhất tại Đông - Kinh
ấn quán Hà Nội 1914

— Học giả Mạc Khách sưu lục —

HỒI THỨ HAI

*Khéo dùng mưu, thế bại thành thế thắng,
Chịu thông hiếu, cuộc chiến đổi cuộc hòa.*

Bây giờ vua Thái-tôn đóng quân ở sông Thiên-mạc, cự nhau với quân Mông-cổ nửa tháng, sức lại có hai sứ giả của Ngột-lương-cáp-Thai sai đến dụ hàng. Vua giận quận Mông-cổ độc ác, sai trói hai sứ giả đuổi về. Liên hội các quan thương nghị kế phá giặc:

Trần-thủ-Độ hiến kế rằng:

- Quân Mông-cổ tứ khí sang đây, đánh trận nào được trận ấy, tướng sĩ sinh bụng kiêu căng, coi ta rẻ rúng, chắc không phòng bị, vậy đêm hôm nay xin đến cướp trại giặc thì tất phá được.

Vua nghe lời, sai Thủ-Độ, Nhật-Hiệu, Lê-phụ Trần lĩnh 5.000 quân, dẫn 50 chiến thuyền kéo tự đây lên bên Đông-bộ-đầu. Một mặt sai Hùng-Đạo-vương, dẫn 3.000 quân mã men bờ sông tiến lên. Còn vua tự dẫn 30.000 quân tiếp ứng.

Chiều vàng vàng mặt trời, Thủ-Độ truyền quân ngả có im trống dần dần tiến lên bên Đông-bộ-đầu. Bây giờ vào đầu hạ tuân tháng chạp, thuyền đi mặt nước, lấp loáng bóng trắng, mây chòm u uất bóng cây xanh, một giải mông mênh màu lụa trắng, bốn bề lặng ngắt, thuyền đi vùn vụt như tên. Khi canh hai gần đến trại giặc, cách ba dặm mặt sông, gấp mười chiếc thuyền tuần tiêu của giặc mỗi thuyền ước chừng 30 người. Thủ-Độ nổi hiệu còi, dàn thuyền vây, bắt được tám chiếc, còn 2 chiếc chạy thoát về phía bắc. Thủ-Độ thúc thuyền bơi ủa vào đuổi mãi đến tận trại giặc, quả nhiên giặc không phòng bị trước. Lê-phụ-Trần trước hết xông vào, phóng hỏa đốt thuyền giặc, quan quân dàn thuyền ra ba mặt đánh thốc vào. Quân

Mông-cổ đứng giấc ngủ mê, choàng đứng dậy, kinh hồn thất đảm, xô xác dẫm nhau, kẻ thì chạy lên bờ, kẻ thì nhào xuống sông, chỉ tìm đường thoát thân, không ai bụng nào kháng cự.

Đêm hôm ấy, trên mặt sông, lửa sáng rực trời trông đánh vang sông, Ngột-lương-cáp-Thai ở trại trên cạn, vội vàng thúc quân xu nước chiến thuyền ra đánh, lại gặp phải đại quân của vua Thái-tôn, vừa đến, hợp binh đánh giết quân Mông-cổ chết hại rất nhiều.

Ngột-lương-cáp-Thai thấy núng thế, lại kéo quân lên bộ tháo đường chạy. Quan quân chia làm hai mặt, một mặt đánh dưới sông, một mặt lên bộ đuổi theo.

Ngột-lương-cáp-Thai dẫn bại quân tất cả cầm đầu chạy, đến đầu canh tư bỗng thấy một tiếng pháo nổ, lửa cháy bùng bùng, quân ở dưới bên đường kéo ra đánh. Ngột-lương-cáp-Thai thấy hiệu cờ Hùng-Đạo vương có sức chống cự một hồi, rồi vừa đánh vừa lui, chạy thoát vào thành Thăng Long.

Thuyền giặc phần bị cháy, phần bị đắm mất nhiều, chỉ chạy thoát được một ít, mà thôi, còn bao nhiêu thì bị quan quân bắt được cả.

Sáng hôm sau, vua Thái-tôn đốc quân thẳng-trên lên sông Phú-lương, khôi phục kinh thành. Ngột-lương-cáp-Thai rút quân lên mặt, thượng du. Vua Thái-tôn thu phục kinh đô, mở tiệc khao thưởng các tướng, phủ dụ ba quân. Cát Lê-phụ-Trần làm Ngự-sư đại-phu, và gả Thiên-thánh công chúa họ Lý cho.

Vua lấy lời an ủi rằng:

- Trẫm khen người cả gan xông đột, nếu không có người thì sao có lúc bây giờ, vậy người nên cố gắng thêm lên, để cùng hướng súng - sớng với nhau mãi mãi.

Lê-phụ-Trần lạy tạ ơn vua.

Vua lại xá tội cho tên tiêu hiệu Hoàng-cự Đà. Nguyên khi trước vua có ban cho tá hữu mỗi người một quả muôm, Hoàng-cự Đà không được, mang lòng căm tức. Đến khi đại quân cự nhau với quân Mông-cổ ở Đông-bộ-đầu. Cự-Đà đi một chiếc thuyền lên về trước. Đi đến sông Hoàng-giang (thuộc về huyện Nam-sang) thì

gặp Thái tử đi thuyền ngược lên, Cự Đà bơi thuyền lánh vào ven bờ. Quan quân trông thấy gọi to lên rằng: "Quan Mông-cổ ở đâu" Cự Đà vốn lòng căm tức đã lâu, nhân dịp nói cho hả, liền đáp lại rằng: "Không biết hỏi những thằng ăn muối ấy!" Thái tử nổi giận, muốn bắt tội ngay, nhưng còn mắc việc đánh giặc là quan hệ lớn, vậy mới để tội ấy không hỏi tội. Đến khi nay bình - định được rồi, Thái tử xin bắt tội Cự Đà. Vua thường hại đứa nọ đại, vì một miếng ăn nên oan, coi quả muối to hơn quả núi Yên-Viên, quân bưng trung vua yêu nước, dù có giết đi cũng chẳng làm gì, vậy vua xá tội cho thân sâu bọ ấy, để cho khi khác biết khôn đánh giặc mà chuộc tội.

Nói về Ngột-lương-cáp-Thai kéo quân về mặt thượng du, qua địa phận Hưng-Hoá đến về Vân-nam. Khi qua một cánh rừng, bỗng thấy hai bên sườn núi, trông thấy thùng thùng, rồi thấy một đội quân mã, ước chừng 3.000 người, đầu đội nón buồm, mình mặc áo xanh, mỗi người tay cầm một dùi binh khí, lưng đeo một bộ cung tên, kéo tràn xuống núi, một tướng đi đầu mắt lồi, râu rậm, mặt sạm sạm đen, tướng dữ như cọp, một tay cầm lá chắn, một tay cầm mã đao, quát ngựa xông vào, quát lên rằng:

- Quân kia đi đâu?

Ngột-lương-cáp-Thai sai tên ti tướng múa thương ra đánh, vừa nhảy vào thì đã bị tướng ấy chồm quay xuống ngựa. Quan Mông-cổ kéo búa vào đánh, quân bên kia bắn tên ra như mưa, trên đầu tên có thuốc độc, ai hít tin phải thì buốt vào đến xương rồi chết. Hai bên đánh nhau lộn bầy một hồi, Ngột-lương-cáp-Thai, tháo gươm chạy được thoát. Quan Mông-cổ chết hại rất nhiều.

Tướng ấy nguyên là chúa trại Quý-Hoá họ Hồ tên Bồng, xưa nay vẫn là người hùng - dũng vùng ấy. Hà-Bồng biết tin quân Mông-cổ thua trận, tất do tướng ấy về Tàu, cho nên họp tập quân Mông, đón tướng đó ở nhà chẹn ngang.

Ngột-lương-cáp-Thai dẫn quân về Vân-Nam. Hà-Bồng thì sai người về kinh đô, báo tin thắng trận, và nộp các đồ bắt được của giặc.

Vua thấy người can đảm hùng dũng làm vậy cả khen và phong cho Hà-Bồng tước hầu, lại ban thưởng cho rất hậu.

Quan Mông-cổ từ khi thua trận ấy trở về, phần là thua thì sinh chán, phần là mới lấy được Vân-Nam, chỉ mong về cho chóng, không bụng nào tranh chiếm gì nữa, cho nên đi đến đâu không những nhiều gì đến dân sự. Dân thì còn biết bụng giặc là thế nào, thấy nó không quấy nhiễu, thì cho là giặc hiền lành, nhân đức, gọi là Phật-tặc, nghĩa là giặc hiền như Phật. (1).

Vua Thái Tôn bình định xong giặc Mông-cổ, sai sứ sang Tống triều thông hiếu, cống một đôi tượng, vì bấy giờ nước ta vẫn phải cống về Tàu. Mông-cổ thấy vậy cũng sai sứ sang bắt ta phải cống. Vua nghĩ nước mình hẹp nhỏ, mà Mông-cổ tuy tạm thua một lúc, nhưng vẫn có thể hùng cường, mà mình không có thể cường mãi được. Nghĩ như thế mới sai Lê-phụ-Trần sang sứ, dặt ba năm xin nộp cống một lần.

Tháng hai năm Mậu Ngọ, vua nhường ngôi cho Thái tử Hoảng. Thái tử lên ngôi, tức là vua Thánh tôn, cải niên hiệu gọi là Thiệu-long Tôn vua cha lên làm Hiền-nghiêu-thánh-thọ Thái thượng hoàng đế.

Vua Thánh Tôn lên ngôi phong cho em là Quang Khải (con thứ hai vua Thái tôn) làm Chiêu-minh đại vương. Cát Nguyễn-giới-Huân làm Đại hành Khiển, Lê-phụ-Trần làm Thủy-quân Đại tướng quân.

Năm Cảnh-thôn niên hiệu, Thiệu Long thứ ba (năm Cảnh-thôn thứ nhất nhà Tống và năm Trung Thống thứ nhất vua Thế-tô nhà Nguyên lịch Tây 1260) Mông-cổ sai Nạp-xích-Đinh-mag chiêu thứ sang dụ rằng:

"Khi trước sai sứ sang thông hiếu, dăm năm chấp lại không cho về, cho nên năm ngoái mới sinh việc binh nhưng. Khi sau sai hai sứ sang chiêu an, lại dăm năm mà đuổi về. Nay lại cho sứ sang khai dụ lần nữa, nếu biết dặt dạ dặt lòng nội phụ, thì phải thân sang châu"

(1) Có trong Nguyên sử thì Ngột-lương-cáp-Thai bình xong Đại-Lý, đem quân tràn sang nước Nam, vì là sai sứ đến dụ hàng không thấy sứ về Ngột-lương-cáp-Thai chia đường kéo quân vào nước Nam, thừa thắng đến tận kinh thành, đóng lũy ở ngoài, vì nắng nồm lắm mà phải rút quân về Tàu. Cự Nam sứ, thì bấy giờ đang thắng chấp, làm gì có nông nịch-oặc giả tướng Nguyên kiêu nói sứ thua, mới nói khác ra thế.

Vua Thánh tôn tiếp được thư, phục thư lại rằng:

- *Đời khi nào cô chiêu mạng đưa đến, sẽ xin đưa tử đề "vào, làm tin"*

Nguyễn Thế-tổ tiếp được thư trả lời, bèn sai Lê-bộ-Lang-trung là Mạnh-Giáp và Viên ngoại-lang là Lý-văn-Tuấn lại đem t h ú sang dụ rằng:

"Phàm các quan liêu, sĩ, thú bên An-nam, áo mũ, phép, tắc, mặc y cho tuân tuc bản quốc. Trung quốc cũng đã răn bao các quan ngoài biên cương, cấm không được tự tiện x a m nhiều, vậy cứ yên trí như xưa."

Vua nghĩ nước mình nhỏ, quý hồ giữ được trong nước yên ổn, không ai xâm phạm đến quyền mình thì thôi, vả lại việc thông - hiểu cũng là việc thương, mà người ta đang mạnh thế, mình cũng không thể vượt được. Ngại mới mở tiệc yến trong cung Thánh-tứ thiết đãi ban sứ giả, rồi lại sai Đại- phu là Trần-phụng-Công, và viên Ngoại-lang là Nguyễn-Diên sang sứ Mông-cổ đáp lễ.

Vua Mông-cổ thấy nước ta xử tử tế chịu phục, mới sai sứ đem sắc sang, phong vương cho vua Thánh tôn và ban thưởng ba cuộn gấm Tây-thực, 6 cuộn gấm hoa vàng, định cho nước ta ba năm phải một lần vào cống, mỗi lần cống phải nộp một vài người nhỏ si, và thầy thuốc; thầy bói, thầy toán số, thợ thuyền mỗi hạng 3 người; lại phải cống đồ sản vật, như các hạng trầm hương, sừng tê, trân châu, đồi mồi v.v.. Lại sai Nạp-xích-Đĩnh sang làm đặt-lộ-hoa-xích (tiếng Mông cổ tức là quan chưởng ấn) để giám trị các châu quận nước Nam.

Vua sai Dượng-an-Dượng sang Mông cổ t a đ n. Mông cổ lại tặng thêm một bộ đai ngọc thể lụa và các vị thuốc.

Vua tuy sợ thế Mông-cổ, bất đắc dĩ, phải chịu nhún, nhưng vẫn có bụng căm tức, thág ba năm Nhâm-tuất, vua xuống chiếu hội tập các tướng và quân sĩ các nơi, tập chiến-trận ở bãi Phú-sa sông Bạch-hạc (thuộc về tỉnh Vĩnh-an bây giờ), sửa sang đồ k h í giới, ch e tạo chiến thuyền, có ý dự phòng việc chinh chiến.

Bấy giờ Thái-sư Trần th-Độ đã già, eulắm Dượng mùa tháng chạp, trời bỗng nhiên nổi bão to, cây cối đổ ngổn ngang, dân gian tàn hại, mà Thủ-Độ phải bệnh mỗi ngày m ô t nặng thêm, đến tháng giêng năm sau t h í mất.

Thủ-Độ tuy là người thiên học, thơ nhà Lý thị thực là một tay gian hùng tàn ác, nhg đến làm tôi nhà Trần, thì lại ra người hết lòng hết sức với vua, mà cầm quyền thì rất là công bình. Vua Thái-tôn được thiên hạ, toàn là mưu mô từ Thủ-Độ cả; về sau Thủ-Độ vững lòng lo việc nước, khiến cho nhà nước nguy lại yên, kể ra thì cũng là một tay tài cán giới.

Có thơ khen rằng:

*Sông gió ùng ùng vậ nhiêm gian
Mặt tay xoay xó chông giang sơn
Còn đâu còn vắng lòng, lo nước,
Ấy mới anh hùng ấy mới gan!*

Năm Bính-dần thứ chấp, (niên hiệu Hà m- thuân thứ hai nhà Tống, và Chí-nguyên thứ ba nhà Nguyên, lịch Tây 1266). Mông cổ sai sứ, đến ban chiếu cải nguyên và ban lịch mới năm ấy.

Tháng hai, vua lại sai Dượng-an-Dượng sang sứ Mông-cổ, xin định lại các thứ nộp cống và xin miễn cho không phải cống các hạng nho sĩ, bói toán, thợ thuyền, lại xin l ú u Nạp-xích-Đĩnh làm đặt-lộ-hoa-xích mãi mãi

Vua Mông cổ tuy hứa, lời ứng cho, nhưng khô bao lâu lại cò chiêu sang bắt ta phải chịu sáu khoản sau này:

- 1) - Phải thân vào châu;
- 2) - Sai con, hoặc em sang làm tin;
- 3) - Biên số dân nộp sang;
- 4) - Phải chịu việc binh dịch;
- 5) - Nộp thuế má;
- 6) - Vấn cứ đặt quan giám trị.



Vua Thánh tôn thấy Mông-cổ bắt phải chịu sáu khoản như thế, tuy ngoài mặt vẫn lời những vẫn dùng, dưng không chịu. Cách hai năm sau, Mông-cổ lại sai Hốt-lung-hải-Nha

sang thay cho Nạp-xích-Đình làm đat-lộ - xích, mà Trương-dinh-Trần thì làm p h ó đat-lộ-hoa-xích. Hai người mang chiếu thư của vua Mông cổ đến, vua nhận chiếu không bái mạng, mà cũng không xuống chào m ó i bọn sứ thần. Vua bảo với bọn ấy rằng:

- Các người là một chức quan trong triều ta đây là một vị vua ngoại quốc, các người ngang hàng thế nào được với ta?

Trương đình-Trần nói rằng:

- Chúng tôi tuy làm quan, nhưng là người của thiên tử; người của thiên tử tuy rằng nhỏ, cũng còn ở trên hàng vua chư hầu.

Vua nghiêm nhiên không đáp lại. Bọn ấy biết ý vua không nghe, từ giả ra về.

Không bao lâu tòa Trưng-thụ bên Mông-Cổ lại viết thư sang dân nghĩa xuân-thu nói "Nguyên, là Trung-quốc, mà Nam-việt là chư hầu nghĩa tất phải kính trong thiên tử." Vua cũng nhất định không chịu, sai Lê-Đà và Đinh-củng-Viên sang sứ Mông-cổ biện bác nghĩa ấy.

Lê-Đà, Đinh-củng-Viên, hai người đều cò tài ứng đối, khi ấy phụng mệnh đi sứ, sang đến triều đình Mông-cổ, vua Mông-cổ mắng rằng:

- Các người là sứ thần Nam-man có p h ái không?

Lê-Đà tâu rằng:

- Tâu thiên triều hoàng đế, mọi rợ mới gọi là man, nước chúng tôi là nước văn hiến, không tranh bố lẫn cõi nước nào, mà cũng không hã-hiệp ai, không gọi là man, được. Chúng tôi là sứ thần Nam-quốc, chứ không phải sứ-thần Nam-man.

Vua Mông-cổ thấy nói có ý xỏ xiên, tức giận quát rằng:

- Nam chúa nhà các người không biết sức mình, làm sao dám ngạo-nghe cả với thiên triều?

- Chúa chúng tôi cũng chịu thiên triều là to lớn hơn, mới phải cống hiến, sao lại gọi là ngạo-nghe?

- Vậy chớ sao chiếu thư đến, không lạy, mà lại không kính trọng sứ thần?

- Lê-Đà, chẳng qua là hủ văn, che mặt thể gian ở ngoài. Chúa chúng tôi kính trọng thiên triều, là cốt tử trọng lòng. Thiên-triều nếu xử nhận đực với ngoại quốc, thì dù chẳng lẽ những văn kính trọng m u ó n phận; nếu không có bụng kính trọng thì cho rằng bày hướng án, áo mạo lễ thì, thục, cũng chẳng ra gì. Tôn như sứ thần chẳng qua là một người của thiên triều sai sang, Hoàng đế là vua một nước lớn, chúa tôi cũng là vua một nước nhỏ, có chịu thì chỉ c h i, u kìm hoàng đế mà thôi, có lẽ đây lại phải kèm đây to của thiên triều nữa?

Vua Mông-cổ thấy hai người cãi gân, l a i càng giận lắm, hầm hầm quát rằng:

- Quân tao đi đến đâu, tan vỡ đến đây, chỉ sông, sông cạn, chỉ núi, núi tan, chúng b a y có biết không?

Đinh-củng-Viên tâu rằng:

- Hoàng đế, đem nhân nghĩa ra trị thiên hạ thì ai chẳng kính phục; nếu chỉ cậy binh-hung tướng dũng, thì nước nào chẳng có binh có tướng, có sông núi hiểm trở? nước chúng tôi tuy nhỏ, cũng đủ binh thương c h ó ra tiếp ứng quân của thiên triều.

Vua Mông-cổ thấy hai người ứng đối cũng cỏi, mà nói cũng có lý lẽ để nghe, biết là không ăn hiệp nổi, mới dịu sắc mặt dụ rằng:

- Các người nói tuy có lý, nhưng phép xưa nay khi có chiếu mạng thiên triều đến thì phải lạy, mà phải trọng đãi sứ thần. N ó u tứ sau còn cứng nữa, thì trăm sẽ cắt quân đến hỏi tội đó.

Hai người lạy từ trở ra.

Sáng hôm sau. Mông-cổ mở tiệc yến trên đài cao. Chờ có một cột cao ló, trướng, ở trên cầm một đôi tàn, mới hai sứ lên ăn yến.

Hai người biết Mông-cổ muốn thử tài, không lên thì tất bị chúng cười, mới treo thang lên ăn yến. Vua lên khỏi, quân Mông-cổ ở dưới cất thang. Hai người cứ vững vàng ấ n

uống như không, no say đều đây, mỗi người cầm một cái tàn, từ trên chòi nhảy xuống. Tàn hứng gió cứ từ xuống đất, quân Mông-cổ ai cũng chịu là có trí.

Mông-cổ thấy vậy lại bắt hai người giam vào một cái chùa, không cho thức gì ăn cả, khóa kín cửa bốn bề, hẹn rằng: "hết một tháng thì cho ra". Hai người ở trong chùa, c h i thấy có hai ống bụt và một chum nước.

Lê-Đà bảo với Đinh-củng-Viên rằng:

- Có nước thì tất phải có cái, hai ống bụt này chắc là đồ ăn của ta đây!

Hai người mới bẻ ra xem, thì quả nhiên bụt làm bột nhào với đường, ngoài thì sơn son thếp vàng. Hai người từ đó mỗi bữa bẻ dần ra ăn, rồi múc nước trong chum ra uống.

Đầy một tháng, quân Mông-cổ mở cửa ra xem, thì thấy hai người vẫn mạnh khỏe, mà b ụ t thì biến mất.

Quân Mông-cổ hỏi rằng:

- Chớ nào hai ông bụt trong chùa ở đâu?

Hai người thưa rằng:

- Nhân sinh thành Phật, Phật tử thành nhân. Hai ông bụt ấy tức là hai chúng tôi đây. Quân Mông-cổ vỗ tay, cười ầm cả lên, khen hai người có tài ứng biến, mới tâu với vua Mông-cổ cho về.

Từ bấy giờ đôi bên lại hòa hiếu như trước.

Sang năm Tân-mùi, Mông-cổ cải quốc hiệu gọi là Đại-Nguyên, sai sứ sang dụ vua Thánh-tôn vào châu, vua từ rằng một yếu không đi được.

Tháng tư năm sau, Nguyên sai sứ sang hỏi cột đồng-trụ ở thời Mã-Viện dựng lên về xứ nào. Vua sai viên ngoại-lang là Lê-kính-Phu hội đồng với quan Nguyên đi khám tìm tra lâu ngày không thấy, rồi nói là cột ấy lâu năm đổ mất, nay không tưởng về xứ nào. Việc ấy rồi cũng thôi.

Cách ba năm sau, Nguyên lại sai Diệpthúc-Nghê sang thay làm đát-lô-hoa-xích.

Nhân dịp ấy, vua sai sứ sang Nguyên thướng thuyết rằng:

"Chức đát-lô-hoa-xích nên đặt vào các nước mông rợ; chứ như bản quốc là một nước chư hầu, lẽ đâu lại sai quan giám-trì. Vậy xin đổi chức ấy gọi là sứ đả n tiên."

Nguyên không nghe, lại trách phải chi sáu khoản triều cống kể trước, và có ý nhân sự ấy gây việc binh đao, thướng thướng sai quân đi tuần kiểm xem xét địa thế.

Đó là:

*Thông hiếu muôn yên trong một nước,
Thị hùng lại chắc ép muôn phân.*

Chưa biết đôi bên rồi ra làm sao, sẽ xem hồi sau phân giải.

Dư âm

những giọt kính xưa
còn ngân thánh thốt
đêm chong ngọn bắc
ngâm đời gió mưa

nghe những cơn mưa
rã rời những cánh
tháng ngày hiu quạnh
lạnh mấy giây tờ

thoảng lại ngẩn ngơ
buồn muôn năm cũ
buồn gieo nước nở
ôi mây vẫn thơ

Phạm Hoàng Thái



Nghe đời hư vô

trong sông này hai mươi năm
tôi cứ chọi hoài một nước
chuyện lời lộ thua ăn
tôi không mừng không tiếc

tôi chọi là chọi vầy
cho ngân nhúng đêm dài một tôi
đổi coi như canh bạc
sông nào cũng thế thôi

được tiền tôi nán lại
làm cứ diêm giao tranh
cho bạo trở biên lân
bao đường gồm mũi giáo không tình

sạch tiền tôi đứng đây
sông nào giữ tay thua
nghe xa dân còn sát phạt
nghe đời mình hư vô

Nguyễn Hồng Kỳ



ƯỚC NGUYÊN

Dường như sương đã xuống đêm qua
Đề lại vón xanh những ngọc ngà,
Sáng nay nắng mỏng run vì gió
Gợi nhớ bao ngày Xuân chóng qua.

Mỏi đây mà đã mấy mươi năm!
Mỏi gót, chộp chân mây neo trần...
Dành tài nửa kiếp thêm bận bịu
Rồi cũng về yên một chỗ nằm.

Ta muốn tan vào trong khói sương
Cắt gánh trần ai rũ bụi đường...
Mà lên xứ Giác thăm hầu Phật
Cho thỏa hai nghìn năm ước mong.

Đặng Trinh Wallenstätter.

Một cô bạn thân tình Amiens trách tôi:

- Ở đây có hàng nghìn thứ bánh ngọt, hàng trăm bánh biscuit, anh còn tiếc chi hoài các thứ bánh cúng rằm ở quê nhà?

Tôi không hề có ý nghĩ hơn trách cô ta. Cô vốn là thị dân khi còn ở bên nhà, lại qua Pháp sinh sống trên hai mươi năm rồi. Ký ức của cô lại vốn kém tinh nhạy nên quên hết phong vị các loại bánh cúng rằm ở quê nhà. Trên đất Pháp, bánh ngọt rất thịnh soạn gồm nào kem, nào bơ, nào sữa, nào mứt trái cây và còn ướp thêm nhiều hương liệu ngoài bột vanille, bảo sao mà không làm cho cô bạn tôi quên bánh cúng rằm ở quê hương?

Tôi dịu dàng bảo cô:

- Tôi không phải chỉ thích bánh cúng rằm mà tôi còn thích cái phong vị ngày rằm ở bên quê nhà nữa kia. Đêm rằm ở đó đẹp lắm, trăng thật là tròn và sáng như gương.

TRAI BÀNH NGỌT RẪM

Cô bạn tôi không lộ một chút cảm động nào. Bóng trăng rằm ở quê nhà chỉ chớp chòn hiện lên ký ức của cô rồi mất hút vì mấy ai thích ngắm trăng đô thị, đâu khi chưa ra ngoài quốc sinh sống?

Bạn ơi, bạn có nhớ chàng cái Tết Nguyên - Đán thoáng qua dần? Những đêm hội sóc, những đêm thượng huyền tuần tự lướt qua và bóng trăng tròn đầu tiên của mùa Xuân hiện lộng lẫy trên nền trời tạnh ráo đêm nguyên tiêu. Đây là kỳ rằm lớn mà người Đông Nam Á chúng ta gọi là kỳ rằm thượng nguyên (hoặc rằm nguyên tiêu cũng thế).

Vào ngày mùng ba tháng giêng, ngoại ô nói với má tôi và các dì của tôi:

- Phải sửa soạn đường, đậu, bột mè để làm bánh, nấu chè.

Má tôi và các dì của tôi ngâm gạo tẻ, gạo nếp để xay bột, ngâm đậu xanh để làm nhân bánh, và ngâm đậu đỏ, đậu trắng hay đậu đen để nấu chè. Ngoài ra ngoài tôi còn chuẩn bị thực phẩm để nấu mâm cỗ chay.

Hồi tôi còn nhỏ, khoảng năm 1948, đường cát

trắng còn mắc lắm, vì kỹ nghệ làm đường chưa phát triển. Làng tôi ở chỉ có một lò đường mía mà thôi. Cách ép mía lấy nước cốt phải do trâu kéo, và nước cốt dứa ở c nầu trong những cái chảo gang lớn. Đường mía màu nâu đỏ, tuy không trắng tuyết, lấp lánh ánh pha lê như đường cát, nhưng giữ nguyên vẹn mùi mật mía đậm đà. Ngoài ra ngoài tôi cũng thích đường thốt nốt chế tạo thành những miếng tròn tròn, lớn cỡ miếng chén, được gói lại thành một dòn dài như đòn bánh tét, gọi là một xéc đường. Đường thốt nốt còn được đựng trong những cái hủ bằng đất nung, lớn cỡ một cái ché; thứ đường này sền sệt, hậu vị lại chua chua, kém xa đường tán, nói chỉ tới việc so sánh với đường thẻ làm bằng mật mía.

Ngày rằm thượng nguyên! Ngoài tôi trút bao tâm cơ vào các loại bánh hộp. Bánh hộp như đậu gồm một lớp bột trộn đường mía ôm lấy cái nhân đậu xanh tán nhuyễn, béo ngậy. Bánh hộp như dừa thì gồm một lớp

Hồ trường An

bột nếp lạt, trắng nuột nà ôm lấy cái nhân nạo xào đường thẻ nâu đỏ và ngọt xốt. Bánh hộp, bánh cặp từng lọn dài cỡ ngón tay cái bằng bột gạo trộn nước cốt dừa cũng rất béo. Đây là những thứ bánh hộp được gói trong lá chuối, có thoa dầu dừa trước khi đặt vào xúng để hấp chín.

Các loại bánh hộp khác không gói trong lá chuối gồm có bánh bò, bánh da lợn, bánh thuẫn, bánh qui... Bánh bò bằng bột gạo pha thêm một chút bột nếp cho dẻo, thường làm bằng đường đỏ (đường thẻ, đường tán, đường hũ) đối với người miền Nam không đẹp bằng bánh bò làm bằng đường cát trắng để có một vẻ nuột nà, óng ánh như bông bưởi, bông cam. Riêng tôi, tôi vẫn thích loại bánh bò đường đỏ, vì nó giữ bền bỉ và nguyên vẹn mùi thơm của mật mía; tôi vẫn thấy nó có cái đẹp riêng với màu nâu của loại ngọc mã não, và nếu được chan với nước cốt dừa trắng như sữa đặc, hương vị của nó càng thêm đậm đà... Riêng loại bánh bò trắng nuột nà kia được đúc theo hình cái chén, cái chum, xếp như bông đá, mát

rươi khi đưa tay sờ vào, không ăn với nước cốt dừa, nhưng người nội trợ cho thêm vào một chút bột Vanille để bánh thêm hương ngào ngạt. Bánh da lợn làm bằng bột mì tinh gồm ba lớp: một lớp màu tím lá cẩm trong vắt và một lớp màu xanh lá dứa trong ngời như bích ngọc ôm lấy một lớp đậu xanh tán nhuyễn màu ngà, nuốt vào cổ là chúng ta cảm nhận ngay cái mát rười rượi. Bánh thuẫn cũng giống như bánh da lợn, nhưng mỏng hơn được đúc bằng những khuôn hình sao, hoặc hình tròn chạy rãnh cửa. Bánh gui thì làm bằng bột nếp, tròn tròn như bánh trôi nước nhưng không đẹp mà lại vun chùn lên, ôm lấy cái nhून ngọt bằng dừa nạo xào đường. Người nội trợ muốn trang điểm cho bánh gui, bèn hái một chùm bông trang đỏ, ngắt một bông đẹp hình sao gắn lên chót bánh. Nếu không có bông trang, họ làm một chấm bột nhuộm phẩm đỏ, to bằng múc dừa gắn lên chót bánh trước khi đem hấp chín, và tôi tưởng chúng như đó là một nút ruồi sơn nổi bật lên trên gò má trắng trẻo của một cô Xuân nữ nào. Có nhiều nơi làm bánh gui màu đỏ trái gấc; nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội trong quyển "Dưới Mái Trắng Non" so sánh đó là những chiếc ân son.

Bánh hấp đã làm xong rồi đây, bà ngoại, mẹ và các dì xếp tất cả vào những ngăn tủ gỗ sơn son tước thắm, hay những ngăn tủ sơn đen bóng loáng, đợi tới ngày rằm. Ngoại còn nấu chè đậu trắng với nếp và đường đỏ. Đôi khi ngoại làm bánh trôi nước... Chè và bánh trôi nước thường được dùng trong những chén kiêu màu lam nhạt trước khi bày cúng ở nhà. Tôi thích bánh trôi nước hơn chè vì cái mềm dẻo của nó, cùng mùi gừng, mùi lá dứa bát ngát trong nước đường và vị béo bùi của mè rắc lấm lấm trên từng viên bánh.

Ngoại, mẹ và các dì từ ngày mười bốn âm lịch bắt đầu trai giới. Họ tắm bằng nước lá thạch xương bồ, gội đầu bằng nước nấu với trái bồ kết. Đêm đêm, Ngoại tụng kinh Phổ Môn cùng với kinh Dược Sư trong khi mẹ và các dì quỳ trên chiếc chiếu bông, cúc cung lạy từng chập trước bàn thờ Phật.

Mỗi năm có bốn cái rằm lớn và tám kỳ rằm nhỏ, cha mẹ ăn chay cầu phúc cho con. Giở đây con lưu vong xứ người. Ở bên quê nhà, cha đã khuất núi, mẹ thì đau ốm suốt năm. Trong bốn kỳ rằm lớn gồm có rằm thượng nguyên (rằm tháng giêng), rằm Trung nguyên

(rằm tháng bảy), rằm Hạ nguyên (rằm tháng mười), rằm Trung Thu (rằm tháng tám dùng làm Tết Nhi đồng), nơi đất Pháp, đứa con lưu lạc ít có dịp thưởng trăng. Trăng xứ hàn đời thường bị mây án sừng che. Trong tiết trời lạnh lẽo làm sao người lưu lạc có thể đi bách bộ trên con đường đêm ánh trăng, để sống với sinh hoạt của thiên nhiên, trong niềm giao cảm của đất trời?

Trăng quê nhà đẹp lắm! Biết lấy gì để so sánh đây? Một cái đĩa bạc? Một vành pha lê? Một mảnh gương sáng lộng trên nền trời xanh nước biển? Biết bao cam ngôn mỹ tự để chỉ cái đẹp, cái tươi sáng, trong treo của trăng vùng nhiệt đới. Nhưng mà hỏi anh bạn Tây phương, anh có dịp thức cùng trăng, đôi âm với trăng, để thưởng thức trọn vẹn cái phong vị của một đêm rằm trời trong, mây tạnh chưa? Khi tôi ở Việt Nam, vào những đêm trăng thanh bình, gặp lúc tiết trời tạnh ráo, cả nhà tôi đều thức chờ trăng cho tới nửa khuya. Ánh trăng miền nhiệt đới đổ mát dịu, giắt ánh bạc trên sông, hồ, ao, rạch, trải lớp thủy tinh mỏng trên tàu chuối, tàu cau, tàu dừa, rắc lớp phấn tuyết nhung trên áo trắng các cô gái chơi trăng. Mọi người trong nhà trải chiếu ở ngoài sân, ngoài thềm, dưới bóng cây mận, cây ổi, cây chùm ruột, lắng nghe côn trùng rì rả dưới các gốc cây, trong đám cỏ...

Bạn có biết dấu ánh trăng mịn màng, êm dịu như vậy đó, nhưng nó để làm cho mọi người thưởng trăng thao thức say trăng. Bánh đã cúng xong, bày trên chiếc bàn tròn ở trong nhà, ai muốn ăn thì vào lấy mà ăn. Sân trăng, thêm trăng vang tiếng cười nói, tiếng đùa, giọng hát. Thoảng đâu đây mùi khò mực nướng, mùi bánh phồng nướng, mùi kẹo mạch nha lẩn trong hương hoa cau, hoa bưởi và nhất là mùi róm và mùi đất xối kết hợp lại thành hương đất mẹ thân yêu.

Ngoại thường làm chè bánh trong ngày rằm, để hội họp lũ con, lũ cháu. Ngoại thường nói:

- Cửa không ngon, nhiều con cũng hết. Nhưng mà chè bánh của ngoại rất ngon. Tuy nhiên, xôi của ngoại để ngăn. Ngoại làm bốn thứ xôi đó, tím, vàng, lục cộng với xôi trắng làm thành năm màu. Ngoại lấy trái gấc nhuộm đỏ cho xôi, lấy nước cốt lá cẩm nhuộm xôi thành màu tím, lấy nước cốt lá

đưa nhuộm xôi thành màu lục, lấy nghệ mài nhuộm xôi thành màu vàng. Năm màu xôi sắc sảo trên chiếc sàn lát lá chuối như màu tự trong những bức tranh nhân gian lợt lạt ngoài, mới nhìn qua là tôi đã ngán ngược đi rồi. Má tôi và đi út tôi đợi cho kỳ rằm qua, vào ngày mười sáu âm lịch, khom một lứa cá nục, hoặc cá mè, hoặc cá bống trứng để ăn với xôi còn lại. Nhờ đó mà xôi của ngoại mới tiêu thụ hết.

Khi biết lũ con, lũ cháu phấn đấu ngâm về xôi năm màu của mình, ngoại chuyên qualàm xôi vò, cơm rượu và xôi cốm đẹp. Xôi vò của ngoại bùi, béo, bọc một lớp áo dậ u xanh màu ngà, từng hạt xôi bời rời, mềm dẻo. Cơm rượu của ngoại cũng mềm dẻo, từng viên tròn tròn, trắng muốt như ngọc sen lặn trong lớp nước trong vắt, ngọt lịm và nồng ngát, say sưa. Hai món này được mọi người hâm mộ nhất. Riêng về xôi cốm đẹp thì ngoại chỉ làm trong bốn kỳ rằm mùa xuân mà thôi. Ngoại làm xôi cốm đẹp bằng đường mía, đường thẻ và phấn dôi làm xôi cốm đẹp bằng đường cát. Ngoại bảo:

• Món xôi cốm đẹp là món nhà quê, làm bằng đường cát coi có vẻ thị thành, không trúng điệu. Xôi cốm đẹp trộn đường do thóc hơn, ngọt đậm hơn. Ai không chịu thì cứ đi kiện, tao vác chiếu theo hầu.

Ai cũng tức cười. Nhưng khi nhìn vào màu cốm đẹp nâu đỏ, nổi bạc lên xác dừa nạo trắng muốt, ai cũng phải công nhận là xôi cốm đẹp của ngoại rất đẹp mắt, trước, khi nếm cái hương vị thâm thiá đậm đà của nó.

Ngoại đã chết năm 1948. Cái khéo léo của ngoại được truyền lư qua các bàn tay của mẹ và của các dì... Một gánh xôi dậm bánh dầy và bánh phồng của mẹ đã nuôi chị tôi trở thành một nhà văn (1), nuôi cho tôi tới tuổi trưởng thành để giữ mãi niềm tin yêu về đất nước, vào giòng giòng khi bước vào quân ngũ. Một gánh bánh hấp đã giúp cho các dì đỡ dần một phần nào gánh nặng cho chồng. Hai người đi, chung một hình ảnh với mẹ, cần cù, quán xuyến, gánh vác gian khổ nhà chồng với một niềm tự hào mãnh liệt. Bàn tay của ba chị em mẹ chứa hể biết giới phân, thoa son mà chỉ biết nhồi bột, làm bánh, chỉ biết làm việc tề gia nội trợ không hề nhàm chán, biếng lười.

Tôi còn nhớ đi út tôi mắng cô em họ tôi vì cô này thích ăn hiệp chồng:

- Ngoại mày tập tay tao làm bánh, làm trái, Tao không ngờ tay mày chẳng những không biết làm bánh ngon, vật khéo mà lại háy quào mặt chồng, xé quần xé áo chồng. Tao mà biết cố sự như vậy, hồi mày còn nhỏ tao chặt tay mày phút cho xong.

Thế hệ của ngoại đã tàn tạ tứ lấu. Các loại bánh trái cổ truyền tới lớp thế hệ của ngoại là chấm dứt. Chiến tranh can quét lớp thế hệ của chúng tôi mỗi người một nơi. Các chị em con bạn đi với tôi và chị tôi vì bị sinh kế vùi dập, còn rảnh rồi đâu mà học làm các loại xôi bánh ngày rằm?



Giờ đây nơi một phòng trọ tại quận 17 ở Paris, tôi hình lại từng thứ bánh, từng sắc xôi của ngoại. Bánh xôi đã thất truyền tứ lấu. Bóng trắng rằm quê hương chỉ còn sống trong chiêm bao hay thao thức trong ký ức, trong kỷ niệm.

Nhưng một tiếng gọi huyền bí hằng đêm giục giã tôi, bảo tôi đem tình yêu quảng dãi đi vang để tìm lại ở một ngày mai dãi m ở i trên đất nước. Hẳn là ngày đó, tôi không còn nằm trong căn phòng xú lạ, nhìn ra bóng trắng xú người thương chìm đắm trong lớp mây áng sương che hoặc bị lu mờ bởi trăm ngàn ánh điện. Tôi phải hòa mình vào dân tộc tôi, giành lại chủ quyền đã mất, để trở về quê cũ, để được sống lại những đêm trăng thanh bình xưa. Dù lúc đó, tôi ăn những thứ xôi bánh thất truyền đi nửa, nhưng tôi cũng nếm được hương vị của đường mía, của bột gạo, bột nếp, đậu xanh đã từng được n u ở i sống bằng mạch đất của quê cha đất tổ tôi. (1) nhà văn nữ Nguyễn thị Thụy Vũ.

ĐƯỜNG QUA XUẤT TUYÊN



— Thích Như Điển — (tiếp theo kỳ trước)

Mọi người ngồi trong gian phòng yên lặng nghe tôi nói và cũng cảm nhận được điều đó, nhưng, mọi người đều hy vọng rằng Ottawa sẽ là đất lành có nhiều người tham gia và có nhiều vị tu sĩ sẽ đứng chân nơi đó.

Cuộc họp vẫn còn tiếp diễn, những ngày hôm sau vì còn bận nhiều việc khác nên chúng tôi cáo tử về trước và hẹn gặp lại Quý vị Phật Tử nơi đây trong những ngày đầu tháng 10 đến để thảo luận tiếp tục.

Chuyến hành trình còn dài và đây mới chỉ là bước đầu mà gần như đã thấm mệt. Những ngày sau đó chúng tôi đã dùng xe hơi để đi Toronto, thác Niagara—một trong những kỳ quan của thế giới.

Cổ đi nhiều tôi mới thấy cái bao la của vũ trụ và cái rộng rãi của đất trời. Ngày xưa khi còn ở Việt Nam thấy Sài Gòn đã là vast minh, rộng lớn, nhưng khi qua đến Tokyo tôi thấy mình như người nhà quê vừa đến tỉnh. Rồi từ Tokyo sang Đức như từ tỉnh xuống nhà quê trở lại. Đến hôm nay từ Đức qua Canada tôi thấy như mình không nhà quê mà cũng chẳng tỉnh thành. Tôi hòa mình với đất trời rộng bao la, hùng vĩ đó. Một xứ giàu có rộng rãi với diện tích chỉ hơn 6 triệu, Nga mà dân số chỉ trên dưới 30 triệu, chỉ có một điều là bằng giá quanh năm—chỉ có thể thôi. Trời vào đông có thể lạnh đến trừ 40 độ là chuyện rất thường. Những người già cả sống nơi đây thật là cực nhọc.

Chúng tôi đến thác Niagara vừa đứng 1 lúc, phố đã lên đèn, khách du lịch cũng 1 ã m người, nào người đi chung, nam thanh, nữ tú. Họ đưa nhau đi xem những ánh đèn màu chiếu lên thác. Tôi đi lên lang cang hai bên giống thác nhưng có một cảm tưởng sợ sệt làm choáng váng cả mắt mày. Vì độ sâu thăm thẳm của nó.

Bên kia là biên giới Mỹ và bên này là Canada, có tự do chứ không, như Đông và Tây Bá Linh như tôi miên tưởng.

Đi đến nơi có ngọn thác cao nhất, chẳng biết người ta gọi tên của nó là gì, khiến tôi rung mình và liên tưởng đến những người đi trăm mình tự tử nơi đây, những hình ảnh tự sát lại hiện ra lớn vồn trong đầu óc mình như những bóng ma chấp chôn trong những vùng tử địa.

Tôi trọ lại khách sạn đêm đó đã thấm mệt, trong đầu, óc cứ lớn vồn những bóng ma vô nguyên cớ đó, đến rồi đi như không một lỗi nguyên do.

Ngày hôm sau chúng tôi rời địa phận Canada, đi qua biên giới Mỹ. Lại một lần nữa đối diện với bên tế. Hôm qua chúng tôi đã đối diện với bên ni rồi và bên ni là hiện hữu còn bên tế là vô hiện thức. Từ những ngọn thác bên ni nhìn sang bên tế của Canada không có gì đẹp như bên Canada nhìn sang.

Qua khỏi biên giới chúng tôi tìm đến một chân bờ suối để nghỉ mệt. Lúc chưa đến thì tôi mong rằng sẽ đến đó, nhưng khi gần suối rồi tôi vẫn thấy suối là suối tôi là tôi chẳng có gì hoà hợp cả.

Chúng tôi phải mất trọn một ngày nữa mới đến Washington DC bằng đường xe hơi. Đây là một thành phố được gọi là thủ đô của Mỹ—quốc nhưng sao nó dở hơn hẳn đường Nguyễn Văn Thoại Việt Nam. Đặc biệt nhất là khứa đen. Tôi đâm ra hỏi chán và nghiêm lại lời Thầy Minh Tâm là đúng. Lúc tôi còn ở Paris trông chưa cho Thầy ấy đi dự Hội Nghị PG ở Nhật, trên đường sang Mỹ Thầy ấy có viết một danh thiếp về Pháp thăm và có báo rằng: Xứ Mỹ, nhất là Washington DC nhà của thua Đức và Pháp xa, còn dở dầy hơn ở Sài Gòn nữa. Lúc ấy chưa tin và nghĩ rằng Thầy ấy đùa cho vui chứ lý gì mà có chuyện ấy. Hôm nay thì tôi đã chứng như thực, là sự dở dầy ấy còn hơn điều Thầy Minh Tâm đã viết. Không cần hỏi ai, người ta cũng biết rằng ở thành phố này dân da đen chiếm đại đa số và sự dở nhóm đó là chính dân da đen

sống một cách bừa bãi, vô kỷ luật, thiếu học thức và do sự làm biếng gây nên. Do đó cho nên những người Việt Nam ở đây, thường gọi họ là dân lọ nôi để ám chỉ những người da đen một cách kính tởm. Khi người Việt Nam ở đây gọi những người da đen là lọ nôi thì không có ý như những người Việt Nam ở Âu-châu gọi những người A Rập là Rệp và những người Nam Dương là Năm. Không rõ sự xuất-xứ, của, những danh từ này từ đâu, nhưng khi đến Đức tôi hơi ngạc nhiên khi nghe những tiếng ấy, và ngày nay đã trở thành một thói lệ, khi gọi những danh từ này là muôn âm - chỉ ai rồi.

Ngày hôm sau đi chùa Phật Giáo Việt - Nam tại Washington DC. Chùa này đã có tiếng xưa nay như bao người đã đồn đại - dẫu, tiếng tốt hay, tiếng xấu - ta cũng phải lắng nghe để biết sự tình. Ở đời xưa nay vẫn là vậy cái tốt, cái hay thì ít người thấy, những cái dở thì không cần mách bảo cũng rĩ tai với nhau từ xóm này qua xóm nọ, từ thành phố này đến thành phố khác, từ nước này đến tận nước kia. Đối với tôi - nhất là ở chỗ này thì thường phải nghe đi nghe lại lắm lần như là ăn cơm bữa, nên cũng không có vẻ ngạc nhiên gì mấy, mặc dầu thế tôi cũng cố đến tận nơi xem tận mắt về những cái hay, cái đẹp, cái không nên nói là như thế nào.....

Tôi cố ý tìm gặp và vấn an Thầy Giác Đức, nhưng không may hôm đó không có Thầy ở chùa, nghe đâu Thầy đi giảng ở xa và tối hôm sau mới về lại chùa. Chỉ được gặp Thầy Thanh Đàm - Thầy Tâm Thọ, Thầy Trí Tuệ và Thầy Minh Đạt mới đến từ Việt Nam. Hỏi ra mới biết tông tích ngon ngành là quý, Thầy này trước đây đều ở Phật Học Viện Huế - Nghiêm.

Ngôi chùa tọa lạc trên, con đường chính dân chạy dài vào tòa Bạch Ốc trông thật trang trọng và cao quý, có vườn rộng và có nhiều cây thông cao vút đến tận trời xanh trông thấy hợp với cảnh chùa vô cùng. Tôi đi dạo quanh vườn chùa được sự hướng dẫn bởi Thầy Minh Đạt và Thầy Trí Tuệ, chúng tôi nói chuyện thật, nhiều về quê hương, về hiện-tình của đất nước, về những kẻ mất người còn và về hiện tình Phật Giáo tại Âu châu. Sau đó vào dự khóa lễ - cũng như mọi lần và mỗi nơi ít có gì đổi mới ngoài những nghị thức thông thường, nhưng tiếng tụng niệm trầm hùng trong lối kính hòa nhịp với điệu mở làm tôi liên tưởng về quê hương trong vô vàn thống tiếc.....

Tôi rời ngôi chùa ấy để đi đến phi trường Washington DC hướng về phía Miami trong chuyến đi vội vàng đó. Tiên cảnh tôi 1 ă n này có một vài người Phật Tử nữa.

Đón tôi tại phi trường Miami chiều hôm đó có anh Sơn, anh Hoài và anh Hùng từ Gainesville đến, chúng tôi chào hỏi nhau và bắt đầu nói chuyện.

- Các anh đi đứng để đón tôi có xa khg?
- Từ đó xuống đây hơn sáu tiếng đồng hồ xe hơi.

- Lẽ ra tôi có thể đổi vé tại Washington DC để đi phi trường gần hơn và nhờ các anh đón, nhưng hôm qua không có thì giờ, và lại làm biếng nên để giấy nguyên như cũ luôn. Lâu lâu mới có cơ hội để hành các anh một chuyện có sao đâu phải không anh Sơn?

Sơn nhìn tôi mỉm cười và không trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi. Tôi đang tự nghĩ rằng có lẽ Sơn đang bảo tôi là "cái ông - Thầy này hạnh con người ta quá", những câu thốt nên lời. Tôi chậm rãi bước đi và gọi chuyên cùng anh ta, mới phân, trần rằng: Khi tôi mua giấy máy bay tại Đức tôi đâu có thấy địa danh của anh đang ở nằm trên bản đồ mô tả chi đâu, nên mua đi Miami cho tiện ai ngờ từ nhà anh đến đây lại hơn cả sáu tiếng đồng hồ.

Thật ra khoảng cách không xa là bao nhiêu nhưng ở Mỹ chạy xe chậm quá, chỉ được phép chạy tối đa, là 90 km/giờ. Trong khi đó ở Âu châu - như là Đức - thì tha hồ mà xả tốc lực, nêu trên xa lộ người ta chạy, ít nhất cũng là 120 km/giờ. Nếu đi với tốc độ như bên Tây Đức thì ở đây chỉ cần 3 tiếng đồng hồ là đến ngay.

Từ trên máy bay nhìn xuống thấy thành phố Miami đẹp vô cùng, nào nhà lầu cao chót vót nào đường sá thẳng tắp khắp phố phường, vịnh Miami đẹp trông bao la bát ngát..... thế mà khi ngồi vào xe hơi của anh Hùng cảm thấy như mình bị thu hẹp lại trong cái vỏ không gian ấy. Gió biển chiều nay thổi mạnh, như báo trước có mưa sang. Tầng mây vàng, đen, xanh, đỏ bay là là trên đầu chúng tôi như chớ sần có hội để "nhả ngọc phun châu" với chúng tôi.

Trên đường từ phi trường Miami về Gainesville chúng tôi đã nói cho nhau nghe thật nhiều về những hoạt động cũng như sự làm việc của người Việt Nam tại Âu Châu - trong quá khứ cũng như trong hiện tại - ở Nhật cũng như ở Úc.....

Thành phố Gainesville, một thành phố nhỏ ở những rất yên tĩnh nằm về phía Bắc của tiểu bang Florida, một thành phố để thưởng nhiều cây, nhiều cỏ. Ở đây cũng có khoảng - mấy trăm người Việt Nam, kể cả Sinh - viên cũng như Kiều Bào. Với anh Sơn thì tôi có báo trước, những đồng bào Phật Tử ở đây mãi đến khi tôi về họ mới hay. Anh Sơn Hiền và một số anh chị em Phật Tử khác có ý nhờ tôi quy y cho những người con của họ những sau đó được đổi lại một buổi họp mặt làm lễ, nghe thuyết pháp và cử hành lễ quy y luôn. Chỉ trong một thời gian ngắn mà mọi người đã huy động đông, đủ cả con Phật Tử ở thành phố này lại để cử hành lễ cầu an cho những người sống được an lành và cầu siêu cho những người mất tại Việt Nam hay trên biển cả được siêu sanh Lạc quốc.

Trong phần phát biểu cảm tưởng, tôi đã đề cập và nhắc nhở đến người Việt Nam chúng ta hiện ở tại ngoại quốc, dù sống ở nước nào, đang làm việc gì, họ cũng đều luôn nhớ nghĩ đến quê hương và giữ trọn niềm tin của họ. Tôi thật cảm động và cũng chính từ sự cảm động này đã làm cho tôi có nhiều chất xúc tác để thuyết giảng trong buổi nói chuyện hôm đó.

Trong phần lễ quy y tôi đã giảng về ý nghĩa của sự và lý, về quy y Tam Bảo và việc thọ trì 5 giới cấm của Phật chế cho người Phật Tử tại gia. Mọi người đều tận tâm để lắng nghe và cố gắng giữ gìn để trở thành một Phật Tử chân chánh với Đạo.

Qua thời khóa lễ cầu an, cầu siêu, lễ quy y và thuyết pháp tôi đã trở lại căn phòng yên tĩnh để ngồi thiền và quán xét tư duy

Những ngày kế tiếp anh Sơn và Hiền có đưa tôi đi thăm một vài phong cảnh gần đó, nhưng cũng chả có gì đặc biệt ngoài chuyện con người và sự vật.

Tôi rời Gainesville để đi đến Shreveport, một thành phố nhỏ nằm trong tiểu bang Louisiana. Tôi phải đợi máy bay tại phi trường New Orleans cả 3 tiếng đồng hồ mới có một chuyến bay cuối cùng ngày ở đó.

Gặp Phúc - người em nuôi chưa một lần gặp gỡ tại phi trường. Bao nhiêu cảm tưởng mừng vui lại đến rồi cũng vội đi như nhùng nhùng gì tôi vẫn hằng ôm ấp sự trùng phùng ấy. Nhiều lúc người ta ở xa thì nhớ nhung, mong

gặp gỡ, nhưng khi gặp nhau rồi thì cũng chả còn cái gì để có thể giữ chân họ lại được. Họ lại ra đi như trời vào trong một chân trời vô định. Tôi cũng lại là người như thế, đến rồi đi, đi rồi đến như bao sự thương tình của nhân thế đã đổi thay.

Phúc đưa về nhà bằng xe hơi, sau đó nói chuyện với những người có tuổi trong gia đình, tôi nhận thấy ở người chú của Phúc ông ta thật có tài, nhưng có lẽ vì ông ta lỡ thời, lỡ vận nên không tham gia vào một tổ chức nào cả ngoài chuyện ông đem tài của mình tháo vát với nghề thuật mả thôi. Ông ấy hơi gàn gẫn, nhưng nhiều khi cũng có lý ngay, cả về ngôn ngữ của tôn giáo - hay của bất cứ ở lãnh vực nào. Nhiều lúc tôi cũng muốn cãi lý lại với ông tanh hưởng thấy ông ấy hơi khó tánh, nên lại thôi và yên lặng, cố gắng nghe những gì nói ông ta nói nốt.

Mấy ngày sau Phúc có dẫn tôi đi thăm một vài nơi, ngay cả khu dân da đen. Tôi cũng vẫn đứng đững và không có lời bình phẩm nữa. Phúc đưa tôi đi ăn kem ở một tiệm gần nhà, lần đầu tiên trong đời tôi thấy 1 y kem cao giá quá mũi, tôi cười và bảo Phúc chắc lần này về lại Đức lại có chuyện để viết mà quả thật, hôm nay, tôi đã viết điều đó. Chắc Phúc đọc điều này cũng cười cho cái việc viết văn của tôi không ít.

Tôi có bảo Phúc rằng: Mấy người Mỹ họ ăn như thế này cho nên kẻ nào người này đều to con quá phải không em?

- Chúng ấy ghê, có gì đâu, cả bắt đầy ở ở chứ. Phúc trả lời như không có gì ngăn ngại và chả lộ vẻ ngạc nhiên gì cả. Tôi thấy có lẽ đó là một chuyện hiển nhiên, nên không tiếp tục hỏi và chăm chú vào ly kem của mình để dùng cho hết. Ăn một ly kem mà cả cở thể đều chuyển động như làm thay đổi một đời người. Chắc mai cho đến bao giờ tôi cũng sẽ không quên 1 y kem này tại Shreveport mỗi lần tôi kể chuyện cho bạn tôi hay cho những người thân nghe về chuyện đi Mỹ của tôi lần này.

Những ngày ở lại Shreveport giống tổ phủ phàng, thời tiết trở nên xấu, ít có đi đâu được nên chỉ ở trong phòng rồi những ngày sau đó tôi rồi nói đây trong những cơn mưa dầm nặng hạt.

(còn tiếp)

Thơ



Vô thường như đời lá

Hàng cây khô cằn cõi
Khung trời xanh cổ liêu
Nhà sắp hàng yên lặng
Phố hiu quạnh tiêu điều

Lá thu tràn lối nhỏ
Chiều thu sâu dăng cao
Nổi lòng vương tóc gió
Rào cõi mộng xanh xao

Bước chân khua đôn đốc
Bàn tay buồn chớ vỗ
Giờ lạnh ran gỗ má
Ta đi hồn trong mõ

Đến em trên lối nhỏ
Đây hoa thắm lá tươi
Thoang thấy ta trước ngõ
Mỏi em nhẹ nụ cười

Ta cô em trong mầu
Và trong tùy sống này
Ngay trong cơn mở vội
Trong những lúc nồng say

Đời em như chiếc lá
Chưa tận đã liã cây
Ta biết mình có úa
Như thắm gang vườn tay

Ta sợ ghê làn gió
Chức cuộn lá bay xa
Ta mong người phu quét
Quên chiếc lá ngọc ngà

Phan Thạch

kiếp người

Ướt cón sông vô ghênh
Nổi buồn đại dúng xanh
Tan thành viên lệ nhỏ
Nghìn giọt hồn long lanh
Một mùa nào bão tố

người trông chỗ héo hon
điều ru con mối mồn
thuyền đi sâu tắc đả
một đời người băng khương
trông ngàn khói lệ nhỏ

lạnh chần chiều nào đây
chàng ơi một mai về
xin lỗi ru nho nhỏ
con mình rồi say mê
lệ trùng dúng vai áo

hồn em nguyên thiên thu
lâm cón gió vi vu
buồm thuyền chàng vừa gió
con mình gỏ nhịp đi,
biển đời yên bão tố

Con mình rồi say mê
lệ trùng dúng vai áo.

_____ Mai Vi Phúc _____

TIẾNG ĐÊM

Đêm nghe thảo mộc đằm chỗi,
Đời theo tiếng lướt của thối giantrôi
Mơ màng tượng tiếng sương rơi,
Tỉnh ra mới biết mình ngồi nhớ quê.

Nghìn trùng cách mấy sơn khê,
Nơi đây lâm lữ đi về cô đôn.
Vọng nghe kiếp sống túi hồn,
Của người còn lại tưng cón quặng lòng

Nguyễn Văn Sâm
Texas



Dương kéo cạnh tấm khăn trải bàn lần nữa cho ngay ngắn, xong chàng lần lượt xếp đặt các vật trở lại theo thú vị cũ. Chàng lâm bầm nhỏ nhỏ trong mồm khế thành tiếng. Chàng đặt bình hứng giữa bàn thờ và đứng ngắm theo phép cân xứng, xong rút b a cây hương, đốt lửa, vài vài cái, rồi cắm vào bình. Chàng đưa mắt ngắm một lần nữa, rồi đi về phía cửa sổ, tỉ tay trên thành cửa, phóng tầm mắt ra xa.

Làn tuyết trắng nhập nhằng dưới ánh nắng; chạy dần theo sức nóng thành những giòng nước nhỏ, rí rí ra dọc theo con đường. Ánh nắng lấp lánh; nắng rực rỡ, nắng chan hoà, nắng tràn qua mái nhà; hàng cây, mọi vật; rồi xa tít trong không gian. Nắng chạy dài cứ như thế rồi xa mãi đến một vùng trời nào đó, nơi đó là quê hương. Quê hương với một chuỗi quả khứ đau buồn, quê hương với bốn mùa nắng hồng, lộng trong những cánh hoa soan rực rỡ, và những cánh phượng đỏ đỏ đầu mùa mưa. Quê hương với những ngày nắng vàng nồng nàn kèm theo những cơn mưa lúot-thút, lê thê, chột tạnh, chột đờ sập xuống thành phố như trút bỏ những giận hờn, những đắng cay, những đờ vớ. Cơn mưa chột tạnh để lộ mặt những chùm hoa băng lẳng tím cùng những hàng cau lá xác xơ và bầu trời m âm xanh trắng lẩn lộn. Dương nhớ đến những ngày còn ở Kontum, Ban Mê Thuột, những đêm hóa - châu soi sáng khung trời đen. Những phút giây hãi hùng khi giao tranh với địch. Những nghẹn ngào, thốn thức lẫn tiếc thương cho các bạn đồng đội trẻ sớm vắng số. Những tâm tình vụn vặt, những bữa cơm đạm bạc bên lò - cốt. Dương thường có thói quen, nếu những ngày nào "trời quang mây tạnh", sau buổi cơm chiều, chàng thường lang thang lên đỉnh đồi cao đưa mắt về bốn hướng; chỉ có sự yên tĩnh và hoang vu. Chung quanh chỉ là những ngọn đồi rải rác cách nhau, với những cụm m âm chiều lúc thấp lúc cao theo chân trời. Hàng cây mở áo dưới nắng chiều; màu xanh của thườn nhiên chen lẫn những ánh xám cháy vì lửa đạn do loài người gây nên. Dương thadai theo con dốc, chàng thấy tâm hồn mình thanh thản lạ thường. Nhưng lúc đó là những lúc chàng sống thực với chính chàng. Dương hình dung đến gương mặt người bạn thân lúc lâm chung; cái cười ròn rã như pháo Tết của Khiêm vì tài kể chuyện tiêu lâm trào lộng khá ăn khách của Vĩnh; tiếng thơ dài hàng đêm của Luyện mỗi khi nhận được thư vợ con. Hình ảnh Thục thấp thoáng hiện về trong tâm



Nắng Thiệu Tinh

— Khủng Thủy —

trí Dương.

Thục người con gái tóc ngắn lơ là trẻ gương mặt sáng rực rỡ, với nét cười cùng cách trò chuyện thật tự nhiên.

Thục đến vùng núi đồi hoang vu này trong cùng một tập thể sinh viên, học sinh với danh hiệu "trại nổi vòng tay lớn".

Sau lời giới thiệu của Thiếu Tá chỉ khu về tính cách của trại, tiếp theo đó là buổi ăn trưa thân mật của hợp thể "quân, dân". Sau buổi cơm trưa là buổi thăm viếng căn cứ đồi 312 của vùng. Sau buổi thăm viếng trại đoàn người nghỉ giải lao trên sân cỏ đồi; với mục sinh hoạt văn nghệ cộng đồng tiếp nối. Những bài hát với âm thanh trầm bổng, đều đặn lúc thấp lúc cao trong không gian, u tịch của một buổi chiều vàng cuối năm. Để thay đổi chương trình, Thục xuất hiện giữa sân với bài hát "Đồn vắng chiều xuân". Bài nhạc cùng lời hát nhẹ nhàng của Thục như một luồng gió thoáng tâm hồn các chàng chiến sĩ xa nhà trong chiều hôm ấy.

Ngày trại tàn qua nhanh như cơn lốc. Thục theo đoàn người về thành phố hay lại tiếp tục cuộc hành trình! Dương chỉ im lặng lúc chia tay.

Ngọn lửa lại bùng cháy trên căn cứ đồi 312 Màu xanh của cây, của lá, của cỏ non, được dịp biến mất dần những chỗ cho màu xám tro của lửa đạn. Đỉnh đồi xanh um cụ thể theo phong ba của cuộc đời, được biến thành những đỉnh trọc phủ đ. Vài người bạn đồng đội nhân cơ hội ngã gục một cách vô lý cho cuộc chiến tưởng tàn. Những tiếng nổ chát chúa của lựu đạn, tiếng ì ì của đạn pháo, chen lẫn tiếng rền vang của những giàn liên thanh. Ánh lửa cháy lan dần mùi khét để rồi, Dương ngẩng đi lúc nào không biết.

Khi tỉnh lại, thấy chung quanh mình lạnh

chiếc giường với chăn nệm trắng ngà. Mùi ê-te nồng nàn của quân y viện. Chàng cảm thấy ê-âm cả người; chàng tư-tử nhấc cao cánh tay lên, trạng thái đau buốt chạy dần dưới làn vải băng khép kín. Tiếng mưa rơi tí tách, êm đềm trên mái, bầu trời thánng tám buồn vẫn đục, những cơn mưa xám vây kín phố b u ò n tĩnh lẻ. Dương nhướng mắt nhìn ra sân, chàng cảm thấy đầu nặng như búa bổ. Chàng buông thõng tất cả lẫn vào cơn mê thiếp.

Sau ba tuần điều trị tại quân y viện, v ẽ t thường đã tạm lành, Dương được phép xuất - viện và được thêm hai tuần nghỉ phép. Chàng tìm đến thăm gia đình các bạn bè cũ, tìm gặp lại các bạn đồng đội. Tiếng khóc nức nở của Quyên - vợ Khiêm - với vãnh khăn tang trên mái tóc đen huyền làm Dương xót xa, không ít; những lời thôn thức nhẹ nhàng của người qua phụ trách như cơn xoáy giá buốt nói tim chàng; cuối cùng Dương đứng dậy cáo từ Quyên

Chàng đáp chuyến xe Bus ban trưa về khuôn-viện đại học cũ. Thành phố trong những ngày vắng chàng vẫn không có gì thay đổi. S ả n đại học vẫn ồn ào tiếng nói cười của c á c thanh niên trẻ; trên các dãy hành lang thấp thoáng những tà áo dài lẫn trong cùng nhũg nếp áo trắng nâu của quý Thầy. Vài cặp mắt đưa về hướng chàng, Dương lặng lẽ rẽ lối, lên cầu thang đi về phía thư viện của phân khoa Phật Học. Một bàn tay nhẹ nhàng đ ẽ t trên vai chàng, Dương quay đầu lại, vội chấp tay:

- Chào Thầy ạ!
- Con mới về hả Dương? - Giọng nhẹ nhàng và rõ ràng của Đại Đức Thiện Toàn.
Dương trả lời:
- Dạ thưa Thầy, con vừa được xuất viện cách đây hai ba hôm.
Thầy Thiện Toàn đưa mắt nhìn theo cánh tay chàng với lớp băng mỏng còn lại.
- Con bị thương à! có nặng không?
Cặp mắt buồn xa xôi Dương mỉm cười đáp lời Thầy:
- Không nặng lắm Thầy ạ! nhưng may mắn nên con còn sống sót. Thưa các Thầy vẫn mạnh ạ!
- Cảm ơn con - vẫn mạnh!
Dương và Thầy Thiện Toàn trò chuyện thêm chút nữa; ngay lúc đó là hành lang dẫn vào thư viện; Thầy Thiện Toàn nói:
- Thời con vào thư viện hi? Thầy phải g h ế qua giảng đường có tí việc, lát nữa sẽ gặp lại nhé.

Dương chấp tay chào Thầy Thiện Toàn, rồi đẩy

cửa vào thư viện. Hôm nay thư viện tương - đối vắng, chỉ vài người đang chăm chú trên quyển sách của mình. Sự hiện diện của Dương không gây chú ý cho ai cả. Dương kéo ghế - ngồi xuống một lát, đoạn chàng đứng d ậ y đến bên những giá sách. Chàng lấy xuống một quyển, lật đại khái vài trang rồi đóng lại đặt vào chỗ cũ; xong lại lấy đến quyển khác Cứ như thế mãi gần nửa giờ trôi qua. Cuối - cùng chàng chọn được một quyển, như vừa ý, nên chàng ngồi xuống cạnh bàn.

Với những bước chân êm, Thục rảo mắt nhanh qua các giá sách; như không tìm thấy đúng vật mình mong muốn, nàng lắc đầu nhẹ nhẽo đi trở ra cửa. Trước khi quay lưng Thục không quên nhìn lại những người trong thư viện; bất giác Thục đứng ánh mắt nơi Dương ngồi. Thục quay lưng đi, xong nàng lại ngoáy đầu nhìn lại, rồi chậm bước trở vào - tiến lại phía Dương. Nàng kéo chiếc ghế bên cạnh, nhẹ nhàng ngồi xuống:

- Xin lỗi anh có phải là... Trung úy Dương không ạ!
Dương ngán đầu nhìn lên, nhận ra ngay cô gái áo trắng với giọng hát lạnh lốt hôm nọ tại đồn trại, Dương mỉm cười:
- Vâng! tôi đây! chào! chào cô Thục!
Thục tuổi cười:
- Lâu lắm từ dạo đó đến giờ mới gặp l ậ i anh!
- Vâng! từ dạo ở trại "nôi vòng tay lớn".
- Thế mà hơn nửa năm rồi anh nhỉ? nhanh thật

Nói rồi, Thục đưa mắt quan sát gương m ặ t Dương, như tìm ra được manh mối gì, Thục mỉm môi hỏi:

- Anh trông xanh xao quá so với lần ở trại "Nôi vòng tay lớn"!

Ngập ngừng nàng hỏi tiếp:

- Anh Dương! anh có bị thương không vậy? Dương vuốt trang sách, khe khẽ gặt đầu, rồi quay sang chuyện khác:

- Thục hay đến thư viện này lắm nhỉ?

- Không anh Dương ạ! rất là thỉnh thoảng.

Rồi nàng đưa tay chỉ bên kia giảng đường:

- Dạo trước Thục học bên đó, những Thục đi nghe giảng rất ít, vì Thục còn đi l ậ m nữa.

Dương gặt gặt đầu:

- Thục đi làm rồi à! trông Thục còn trẻ quá.

- Trẻ lắm hở anh? Thục đi làm được mấy năm rồi.

Dương hỏi:

- Thục định tìm quyển gì vậy?

Thục hưởng mắt nhìn về giá sách trả lời:
- A ! Thục muốn tìm quyển truyện của Eric Maria Remarque, nói về đời sống của những người Do Thái trong trại tập trung Đức Quốc xã thuở xưa. Thục có tìm qua rồi nhưng không thấy, chắc có ai mượn mất rồi. Dương trầm ngâm:

- Tôi cũng có đọc quyển đó rồi, được lắm! Nói rồi, Dương đứng dậy đi về các giá sách:
- Để tôi tìm lại xem!

Sau một lúc tìm kiếm, Dương rút ra một quyển sách đưa cho Thục:

- Đây quyển sách mà Thục mong ước đây!

Thục đưa tay đón quyển sách:

- Cảm ơn anh Dương nhiều! Thế mà lúc này Thục nhìn không thấy:

Thục lật lật vài trang sách và nói tiếp:

- Anh còn được phép dài lắm không? Hôm nào anh có thì giới thiệu anh Dương lại nhà Thục chơi! Ông anh Thục cũng đi trận hoài nhá anh Dương vậy.

Vừa nói Thục vừa đưa cho Dương mảnh giấy ghi cái địa chỉ nhà nàng. Chỉ có thể, rồi chia tay.

Tứ đạo ấy, Dương được gặp lại Thục thêm vài lần nữa; tại đâu, nơi nào, điều đó Dương không bao giờ quên được. Dương còn nhớ rất rõ hôm gặp Thục lần cuối, cũng tại thư viện này; Thục vẫn nét mặt rạng rỡ. Trước sân Đại Học nàng đứng chiếc Cady xinh xắn như dáng điệu mảnh khảnh của nàng. Dương đang đổi trao câu chuyện về thời sự nóng bỏng với Thầy Thiện Toàn cùng vài Thầy khác nói hành lang ban khoa học xã hội.

Thục mang trả lại thư viện quyển sách của Eric Maria Remarque. Dương đã hỏi Thục nghĩ gì sau khi đọc quyển ấy. Thục trầm tư một lúc rồi trả lời:

- Có những người con gái mà bông hoa hạnh phúc của đời họ chưa kịp nở đã phải tàn rồi và đằng sau những hàng rào kẽm gai khủng khiếp đó, họ không dám mơ ước gì hơn là một mảnh trời tự do! Còn anh Dương, anh nghĩ gì?

Dương nhớ rất rõ là lần đó Dương đã không trả lời câu hỏi của Thục; vì Dương mãi suy nghĩ về lời nói của Thục; và câu nói đó vẫn còn ghi mãi trong đầu Dương. Trong câu chuyện Thục còn đi sâu hơn nữa vào vấn đề; có lẽ lần đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, mà Thục và Dương đã trao đổi ý kiến - rất lâu trong câu chuyện trên nhiều bình diện, trong những môi trường cùng hoàn cảnh khác nhau của cuộc đời. Cũng từ hôm đó Dương cảm thấy quý Thục nhiều hơn, Dương mong lần

nghe phép tối sẽ được dịp gặp lại Thục. Thời gian sau đó, Dương như hạt bụi bị cơn lốc lửa đạn của thế nhân cuốn trôi, rồi lẩn sóng hỗn loạn tràn ngập, để hôm nay Dương trôi dạt về phương này.

.....
Tiếng mở cửa kèn kẹt của ngôi chánh điện, cắt đứt dòng tự tưởng đang luân lưu n đ i Dương. Chàng ngẩn đầu nhìn lại. Đại - Đức Thiện Toàn với chõng kinh trên tay; v ứ a đặt xuống bàn, Thầy vừa hỏi:

- Xong hết rồi hở con ?

- Thưa Thầy xong rồi ạ!

Dương quay về phía Thầy, mắt trầm ngâm hướng lên bình hương nghi ngút:

- Thế mà đã năm năm rồi! năm mùa Phát Đạt thời gian đi nhanh quá Thầy nhỉ?

Thầy Thiện Toàn mỉm cười - gượng mắt lúc nào cũng bình lặng không vui không buồn; cái bình lặng của con người thoát khỏi vòng trầm luân -; đôi mắt Thầy sáng ngời đang - chiếu thẳng vào tướng Đức Như Lai.

- Con có được tin gì của Thục không?

Dương cúi thấp đầu trả lời:

- Thưa Thầy, hai năm đầu con vẫn được thư Thục gửi, không nhiều lắm; tổng cộng bốn hay năm lá gì đó. Rồi từ đây bắt tin luôn, con có viết thêm nhiều lá nữa nhưng vẫn không được thú trả lời...

Dương tẩn hẩn rồi chậm chậm nói tiếp:

- Thầy còn nhớ đến Trinh không? Trinh sau khi đi học tập về, đã trốn thoát, hiện đang ở Côte d'Ivoire; con có liên lạc thư tử với Trinh; được biết là cả gia đình Thục và gia đình Trinh cùng đi trên một chiếc tàu con với một số người khác. Hình như cả chiếc - tàu ấy, bị chìm; lúc đó Trinh còn trong trại cải tạo.

- Thế à! còn Trinh đi sau nên thoát chết!

Thầy lắc đầu nhẹ nhẹ; đôi mắt sáng ngời vẫn không rời khỏi tượng Đức Như Lai.

.....
Nàng mùa Xuân chiếu tràn ngập vào, n g ôi chánh điện, trái dài trên khung cửa đập vào mắt Dương, tỏa một sức ấm áp huyền diệu. Chàng thả hồn triền miên theo vùng nắng đỏ chàng thấy lấp loáng trong nắng, làn sóng - dat dào những bọt biển như thủy tinh, cần cử đôi 312 ẩn hiện, gương mặt Thục rạng rỡ nhập nhò theo làn sóng. Giọng nói thanh tao hôm nào của Thục thoang thoang đâu đây :
"Có những người con gái mà bông hoa hạnh phúc đời họ chưa kịp nở đã phải tàn rồi; và đằng sau những hàng rào kẽm gai khủng khiếp đó, họ không dám mơ ước gì hơn là một mảnh trời tự do". Thục đó, Thục với mái tóc ngắn lung linh, nhạt nhòa; lúc ẩn lúc hiện, lẩn lộn với đỉnh đôi trọc 312 trong vùng nắng thủy-tinh.

(Kỳ ba)

Trong cơn lốc đỏ



Nguyễn Hồng Kỳ

PHẦN I : Tân Bình Lửa

Chương 2 : Thủ đô vắng dài dõ

Xe cô chạy còn chậm hơn người đi bộ nhiều. Thành và Ngô xuống xe, dẫn bộ chen lấn trong cảnh hỗn độn, ồn ào. Tiếng nổ âm ỉ vang dội xa xa. Trên trời mây bay không ngớt về những vết khói trắng dài của phản lực, và tiếng động cơ của những trực thăng hòa lẫn tiếng rú của những cánh quạt quay vùn vụt khiến người ta dễ mất tinh thần.

Gần nửa tiếng đồng hồ mới thoát khỏi đám đông.

Câu Phan Thanh Giản hôm nay đầy chướng ngại vật, và công sự phòng thủ gấp hai những ngày trước đây. Nào là những khuông chặn kềm gai những thùng phuy đổ bê tông sắp thành hàng chữ chi. Xe cô và người khi vào đến đầu ngõ của thành phố phải chậm chạp và chịu sự kiểm soát của binh sĩ. Người ta nghĩ những chướng ngại và công sự phòng thủ như thế là để chống lại chiến xa của địch.

Chống cái quái gì ở đây mà chống ? chỉ làm

chỉ làm giao động tinh thần dân chúng ! Thành cầu nhau.

Trong thành phố xe cô tập nập khác thường. Người ta thấy đã hiện diện những đơn vị dù đồng rại rác trong tư thế sẵn sàng tác chiến. Phân động các cửa hiệu buôn bán nhà tư nhân được gắn thêm một lớp cửa sắt. Theo kinh nghiệm, khi cấp biến động - thường xảy ra cướp giết, mất an ninh trật tự. Có những nhà cửa, biệt thự bên ngoài - công và cửa tạ sơn lên lá cờ Pháp, màu xanh trắng đỏ đã bị quên lãng theo thời gian. Người ta lấy làm lạ, hầu hết tòa đại sứ các nước tại Saigon đã khuyến khích kiều dân của họ rời khỏi nơi đây vì tình hình khẩn trương, duy có tòa đại sứ Pháp là trấn an tinh thần kiều dân của họ và không có đất vấn đề di tản rời khỏi Việt Nam. Như vậy phải có một lý do. Những nguồn tin đồn đãi trước đây cho rằng Pháp sẽ đứng ra với giải pháp trung lập miền Nam. Không có gì hiện tại cho thấy một giải pháp như thế sẽ được thực hiện.

Đến gần chùa Vĩnh Nghiêm, Thành đứng xe rồi bắt tay túm giữ Ngô. Hai người hẹn sẽ gặp lại. Thành vội đi thật nhanh vào ngõ hẻm. Ngô quay xe ngược lại theo đường Cách Mạng về nhà. Khắp các ngõ, xe và người tập nập. Đã thấy một vài nơi có những tốp người đi, hồi của trong các ngôi nhà nghe ra vô chủ. Nhiều trực thăng bay lượn trên thành phố.

Đúng 1 giờ trưa. Nghe tiếng máy xe, trước cửa, và Ngô vội chạy ra mở khóa cổng rào, rất đôi mừng rỡ, lên tiếng:

- Anh! sao về được vậy? đồ đạc ở đâu không mất?

- "Dù" về phải bán tháo phục chế! anh phải đi vòng ngã Thủ Đức. Xe cô không đi được. Đánh nhau, súng nổ âm ỉ...

Hai người vào trong sân, và Ngô khóa cổng vừa nói:

- Em ở nhà có một mình. Chú chó con đi với má rồi.

- Đi đâu?
- Có lẽ đi ngân hàng.
Ngô nghe vợ nói, trức nhớ đến một số tiền nhỏ còn trong một chi nhánh ngân hàng, anh để nghị với vợ:

- Chút nữa mình đi rút tiền ra?
- Em cũng nghĩ vậy.
Hai người vào nhà. Ngô đi, rửa mặt và thay đồ trong lúc vợ xuống bếp dọn bữa cơm trưa cho chồng.

Chuông điện thoại reo trong phòng. Vợ Ngô chạy lên.

- A lô... Dạ, dạ... thưa bà dì, con đây.

- Cháu với má con đi vắng, anh Ngô con mới về thôi.

- Vậy chiều nay hai đứa con qua ngay. Gấp làm hả bà dì?

- Dạ... dạ... con chào bà dì.

Ngô vội bác ra hỏi vợ:

- Bà dì có tin gì đó em?
- Có tin hay lắm, nháng biểu qua nói riêng không tiện nói trong điện thoại.
- Hay là cô tuy dô đi tán? Sau khi đi ngân hàng xong mình qua ngay?
- Nhà vậy cũng tiện.

14 giờ 30. Trong ngân hàng đã đông người nói cười chớ dơi. Ai cũng cố về phòng lòng mong cho mau, đến phiên mình. Chẳng thấy có người nào gọi mà chỉ thấy họ rút tiền ra thôi.

- Sao người đi rút tiền ra đông vậy anh?
vợ Ngô hỏi.
- Tình hình này khẩn trương lắm, phải rút tiền để làm phương tiện... nếu không thì chết đói.
- Lộn xộn cô tiên trong túi cũng khô, nó cướp giết, giết người....

Trong lúc ngồi chờ dơi đến lượt gọi tên mình, một bà khách bên cạnh tâm sự với vợ Ngô. Bà ta trạc trên dăm ba mươi, vừa bỏ sản nghiệp chạy vào Nam sau khi Nha Trang thất thủ. Chồng là một quân nhân, phi công. Về mặt mặt tinh thần.

- Em lo ngại quá chị à! Nếu cộng sản vào Sài Gòn chắc túi em tu tã chết, bà khách cười. Bây giờ chỉ còn lại bấy nhiêu tiền lát nữa lãnh ra để hậu thân.

- Nhà chị có xa đây không?
- Dạ, em ở gần rạp hát bông Nam Quang. Thú thật với chị khi lãnh tiền xong... không biết làm sao để về nhà cho an toàn.

Vợ Ngô dạy qua chồng như tìm câu giải đáp Anh hiểu ý. Vợ anh để nghị:

- Anh liệu có thể giúp chị được không?
Bà khách máng quỳnh chụp lấy cơ hội:
- Em van xin anh chị có cách nào giúp em với? Em rất dỗi ơn anh chị.

Bà khách nói với tất cả lòng khẩn khoản. Ngô suy nghĩ tìm cách thế nào cho tiện, vừa đảcc việc người việc mình. Trong phòng dơi, càng lúc càng đông người. Tiếng ồn ào bàn tán, người ra kẻ vào. Một người đàn bà trong đám đông nói với một bà bạn:-
- Tao sẽ rút hết không chừa một đồng!

Ai cũng rút tiền, rút hết tiền! Nghe đâu các ngân hàng Mỹ đều đóng cửa, không thông báo cho khách hàng, và đã rời khỏi Việt-Nam. Không dầy một tuần lễ nay đông tiền rẻ mặt, vật giá tăng khủng khiếp. Một đôla Mỹ giá chớ đến từ ba ngàn năm trăm lẻ n bộn ngàn, rồi bộn ngàn rưỡi. Hôm nay đã lên đến năm ngàn đồng!

- Số 36!

Bà khách vội đứng lên đi lại ghi sê. Ngô bàn với vợ ngồi dơi lãnh tiền, còn anh sẽ chớ dùm bà khách về nhà. Còn tám số nửa mới đến phiên mình.

Năm phút sau, bà khách trở lại với vẻ tã bị cười, ôm kờ kờ chiếc túi da, tiền sát đến hai vợ chồng Ngô.

- Tôi đưa chị về. Nhà tôi ở dơi lãnh tiền Ngô nói.

- Tôi dơi ơn chị quá. Bởi khi tôi nhìn qua nét mặt, tôi biết chị người có đác, khiến tôi mới dám hó môi, bà khách nói, biết ai gian ai thật. Anh chị giúp tôi trong hoàn cảnh này thật chẳng khác nào như cãchùa Bà ta dạy qua chõang hôn trán vợ Ngô rồi cảm ơn một lần nữa:

- Tôi thành thật cảm ơn chị.
- Không có chi. Cần, giúp nhau mới quý, vợ Ngô đáp.

Bà khách theo Ngô ra ngoài. Ngô mở khóa, dân xe xuống đường. Bà ta ngồi phía sau. Xe tu tã chạy qua ngã đõng Cầu Thãng rồi rẽ sang Trãn Quý Cãp. Thĩnh thoãng Ngô ở trãn, an để bà ta bình tĩnh. Không rõ trong chiếc túi có bao nhiêu tiền, cõ lẽ phải trên bạc triệu.

Khi gần đến ngã tư Lê Văn Duyết-Trãn Quý Cãp, bà ta bảo Ngô chạy chậm chậm đến đầu

một ngõ hẻm. Ngô queo vào luôn và dừng lại cách đứng chừng mấy thước. Bà khách xuống xe, Ngô cũng bước xuống chào tử giả bà ấy, trong khi bà ta trao lại cho Ngô chiếc túi của anh cho bà mượn để bỏ chiếc túi da da bạc của bà. Ngô dẫn xe ra hẻm, còn bà khách thì vội ôm túi tiền vào nhà. Ra gần đến đầu hẻm, Ngô chạm trán một quân nhân, thiếu tá không quân. Ông này chặn xe Ngô lại, vẻ mặt ngó ngác, không có tinh thần.

- Ông làm gì vậy? viên thiếu tá không quân hỏi vội vẻ mặt nghi ngờ.

Bất chợt Ngô lúng túng không biết phải trả lời với ông ta ra sao, đồng thời trong lòng cũng nghĩ, ông ta là chồng của bà khách. Viên thiếu tá vội chụp lấy chiếc túi để trong giỏ phía trước. Ngô chợt hiểu ngay lý do nào ông ta chặn xe mình và chụp lấy chiếc túi.

- Túi của tôi cho bà mượn... tôi chở bà về nhà...

Chưa kịp phân trần gì thêm thì bà khách từ trong nhà chạy ra. Ông chồng(?) day quathây người đàn bà nên mới trả chiếc túi lại và đi trong giỏ cho Ngô rồi bỏ đi một nước vào nhà. Ngô thì cảm thấy đã trải qua một phút khủng hoảng tinh thần, vội lên xe cho máy phóng nhanh trở lại ngân hàng trong lúc vắng đông, nòng lòn chỗ dơi.

Vừa đến ngân hàng, Ngô chưa kịp tắt máy xe thì vợ anh từ trong đây của đi ra.

- Anh đi lâu vậy? Em đói nòng lòn muốn chết.

- Gặp chồng bà ấy làm một phen lên ruột, Ngô nói.

Đọc xong Ngô kể lại cho vợ nghe sự xảy ra ban nãy. Chỉ cũng giết mình. Chẳng lẽ làm ơn mà mang họa.

Sinh hoạt trong các đường phố rất náo nhiệt, các loại xe cộ, người tập nập như sắp có biến cố gần kề. Trục thẳng lườn vòng quanh trong một khu vực lớn. Mọi người, mỗi gia đình dường như sẵn sàng chuẩn bị cở thể sẽ bất chợt ra đi không biết lúc nào, hoặc sẵn sàng chịu đựng những bất trắc có thể xảy ra... Nghe thiên hạ đã, ùn ùn chen nhau ở các nơi như tòa đại sứ Hoa Kỳ, cơ quan viên trợ Mỹ, PX, và các tòa đại sứ và tổng lãnh sự các nước để tìm một chỗ đi tản. Có những danh sách nhân viên phục vụ cho các cơ quan Mỹ, kể cả gia đình họ, đã được thiết lập. Một số lớn đã rời khỏi VN đang ở hoặc trên hạm đội VII, hoặc trên đảo

Guam. Tuyệt nhiên trên, mỗi ngàn người Pháp (kể cả người mang quốc tịch Pháp) đều không được khuyến khích ra đi. Tuy vậy cũng đã có nhiều người đã thoát thân bằng phương tiện của Mỹ. Họ có khi phải bỏ ra hai, ba ngàn đô la để được một chỗ, hoặc ít ra được đây chg chừng một tuần, năm trăm ngàn đến cả triệu bạc Việt Nam một người. Chính những người này lo lót để được ghi tên vào danh sách bà con, thân nhân của nhân viên giúp việc các cơ quan Mỹ. Người ta cũng đã đề nghị Ngô một chỗ năm trăm ngàn đồng, nhưng anh từ chối.

Bình sĩ nhảy dù lơ nhô trên những quân xa hướng về phía Chợ Lớn. Họ cũng có mặt trên nhiều điểm trọng thành phố. Nhân dân miền Nam đã từng nếm mùi biến cố Mậu Thân 1968, một cái Tết máu lửa và nước mắt, nay họ càng hoang mang.

(còn tiếp)

288

tiếp thu trang 27

Trong thời vua Mục đế nhà Tần, Phạm Phất, sang xâm lăng quây nhiễu, Quan Thứ - sứ Đản Hòa Chi đánh đuổi tiến vào thành Lâm ấp.

Nhà Tống đánh phá, thì Phạm Dương Mai vua nước Lâm ấp sai sứ vào dâng cống.

Nhà Tùy chinh phạt, thì Phạm Chi vua nước Lâm ấp sai sứ đến tạ tội.

Đền triều nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần, nước ta lập quốc thì người Lâm ấp không lo bất chước theo vận mệnh cở khai hoả nhân dân, chỉ lo khai hân ở biên cương để đền nỗi phải bị tiêu diệt.

Người trong nước thương hại cho họ, mới dùng chim chích mà ví với họ. Nói họ không thể mạnh, lại không thể yếu cho nên mới bị tiêu diệt. Họ không xét thời cơ, họ không lường sức cho nên sớm chước lây bại vong. Như người Lâm ấp thật đáng làm gương vậy.

(Còn tiếp)



Tin tức

Trích bài thuyết trình tại Thụy Sĩ và Tây Đức của Đại Đức Chi Bộ Trưởng

Kính thưa toàn thể liệt Quý vị,

Lời đầu tiên chúng tôi xin cảm ơn tất cả Quý vị hiện diện trong buổi hội thảo hôm nay và mong rằng Quý vị sẽ có cơ hội hiểu biết thêm về người tị nạn Việt - Nam của chúng tôi.

Bây lâu nay, có lẽ Quý vị đã hiểu được người Việt - Nam qua những vấn đề cứu trợ nhân đạo, nhưng Quý vị ít có cơ hội để hiểu biết cận kề về phong tục, Tôn giáo, văn hóa cũng như ngôn ngữ v.v. nhằm giúp Quý vị có thêm một cái nhìn sâu xa về người tị nạn CS Việt Nam hiện ở trên quê hương của Quý vị.

Đề tài mà chúng tôi sẽ trình bày với Quý vị hôm nay là "Sự liên hệ giữa người Việt Nam với Đạo Phật".

Đề đi vào phần nội dung của bài nói chuyện hôm nay, chúng tôi xin giới thiệu sơ qua về nguồn gốc sự phát sinh ra Đạo Phật cũng như một số quan niệm căn bản của Đạo Phật đối với nhân sinh cũng như vạn vật.

Đạo Phật được Đức Thích Ca Mâu Ni sáng lập trước cơ nguyên 624 năm tại xứ Ấn Độ. Sinh thời Ngài là một Thái Tử con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma-Ya, sinh nhằm ngày 15 tháng 4. Lúc 19 tuổi được vua cha cho lấy vợ, sinh hạ được một con tên là La Hầu La. Sau những lần dạo chơi ở 4 cửa thành Thái Tử thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết của con người thật quá khổ đau, nên Thái Tử suy tư mãi và mong muốn tìm một chân lý nào có thể giải cứu con người thoát ra những cảnh khổ đó. Thái Tử rời cung thành Ca Tỳ La Vệ đi xuất gia tìm đạo, vào tận trong núi Hy - Mã Lạp Sơn tu 6 năm khổ hạnh với các Đạo Sĩ khác, nhưng vẫn chưa tìm ra được chân lý. Ngài bèn lập thế nguyện ngồi tham thiền nhập định suốt 49 ngày dưới cội Bồ Đề bên giếng sông Ni Liên và Ngài đã trở thành bậc Đại Giác Ngộ, hiểu thấu nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu và từ đó Ngài đã thuyết ra những giáo lý nhiệm mầu nhằm cứu khổ độ sanh.

Vai trò của người Phật Tử Việt Nam đối với Phật Giáo

— Thị Chón —

(Trích bài thuyết trình tại chùa Viên Giác trong những ngày 27-29.3.1981)

Kính bạch chư Đại Đức, Tăng Ni
Kính thưa Quý Bác và các anh
chị,

Hội Sinh Viên và Kiều - Bào
Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức
xin được đóng góp cùng Quý
Bác và các anh chị về đề tài
thuyết trình hôm nay là: "vai
trò của người Phật Tử Việt-
Nam đối với Phật Giáo".

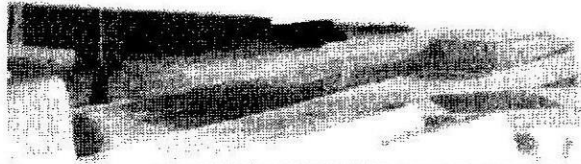
Thưa Quý Bác cùng quý anh
chị, nói đến vai trò và bổn
phận của một tín đồ đối với
tôn giáo mà mình đã tin tưởng
phụng thờ, có phải là một vấn
đề chúng ta cần phải thực
hiện hay chăng? mà vai trò
và bổn phận của người Phật
tử Việt Nam đối với Phật
Giáo trong giai đoạn hiện tại
là điều cần phải đặt ra
và bàn luận đến.

Vì sao?

- Vì Đạo giúp cho cuộc đời,
nhờ cuộc đời mà làm sáng
chân lý của Đạo. Ngoài cuộc đời
trước của thế gian này sẽ
không có Đạo và ngoài Đạo
sẽ không có cuộc đời. Cũng
trong tinh thần đó Phật Giáo
Việt Nam đã thăng trầm theo
vận mệnh của lịch sử, Phật
Giáo đã thâm nhập vào văn
hóa và mạch sống của dân tộc
Nói khác đi: Dân tộc còn thì
Đạo Pháp còn, Dân Tộc mất thì
Đạo Pháp cũng mất".

Nhìn lại vận nước hiện nay

Ngày 21.3.81 ____ Phật Giáo Việt Nam Tây Đức
hành lễ chung với Thiên Chúa Giáo
tại nhà thờ lớn ____ Paderborn ____



Trong khi hành lễ

Đức Tổng Giám Mục Degenhart
Linh Mục Nguyễn Trung Điểm
Đại Đức Thích Như Điện



Vài lời cùng đồng bào Phật tử
cũng như không Phật tử ____

Giáo lý của Đức Phật đặt nặng trên căn bản là tự mình giác ngộ và tự mình giải thoát cho chính mình chứ không nhờ vào một tha lực nào khác.

Ngài vẫn thường dạy cho các đệ tử của Ngài rằng "Giáo lý giống như mặt trăng (mặt trăng tượng trưng cho chơn lý tuyệt đối), các người nên xem ngón tay chỉ mặt trăng đừng lầm ngón tay là mặt trăng. (ở đây ý Ngài muốn nói: ngón tay là phương tiện, cốt dẫn con người đến nơi Giác Ngộ, Giải Thoát - đừng lầm giá trị phương tiện và mục đích

Ngài cũng là một con người như bao con người khác, nhưng Ngài khác những con người tầm thường như chúng ta là Ngài tự chúng biết các sự khổ ở trong cuộc đời này và Ngài đã tìm ra phương cứu chữa cho các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết ấy. Còn chúng ta vẫn biết khổ, nhưng chúng ta vẫn chưa thoát ra được những cảnh khổ đó, vì chúng ta vẫn còn mãi lặn hụp trong cảnh luân hồi sanh tử đó. Bao giờ chúng sanh trong thế giới này không còn sanh, không còn già, không còn bệnh, không còn chết v.v. tu và chúng được sự giải thoát thì đó đúng là chơn giá trị của Đạo Phật.

Giáo lý của Đức Phật đặt nặng trên vấn đề tự kiểm chế với chính mình, tự làm chủ với chính mình, tự kiểm soát với chính mình, và từ đó mình biết mình là ai, mình đang làm gì, mình đang muốn gì? v.v. mọi hành động thiện hay ác, tốt hay xấu trong hiện tại, trong quá khứ hay ở nhân đến tương lai cũng đều do chính ta gây nên, chứ không ai có quyền cho ta việc thiện hơn hoặc việc ác hơn cả. Đó là Thiên Định. Thiên giúp ta hiểu được ta và tự ta tìm cho ta một con đường giác ngộ vậy.

Đức Phật vẫn thường hay dạy cho các đệ tử của Ngài rằng: "Này các Thầy Tỷ Khưu, như biển cả mênh mông, chỉ có một vị. Đó là vị mặn của muối. Lại nữa, này các Tỷ Khưu, giáo lý của ta cũng như thế, chỉ có một hương vị, đó là hương vị giải thoát". Điều đó chứng tỏ rằng Giáo lý của Đức Phật hay mục đích của Đạo Phật là chơn được con đường giải thoát - giải thoát là ra khỏi khổ được vui - là cõi trời mọi sự ràng buộc phi lý của cuộc đời - là chối từ những gì cực đoan và bảo thủ - tìm đến một chơn giá trị tuyệt đối. Đó là Niết Bàn, an lạc.

Đối với con người, Đức Phật quan niệm rằng: "Con người là kết quả của khổ đau, nghiệp lực, muốn chấm dứt sự khổ đau phải tự chính mình tìm cho mình một con đường giải thoát". Đức Phật không phủ nhận con người, nhưng con người đối với Đức Phật chưa phải là một giá trị tuyệt đối mà là một cái nhân, một chất liệu để đưa con người đến sự giải thoát mà thôi.

kể từ ngày Công Sản dùng bao lực xâm chiếm miền Nam với chiêu bài thống nhất đất nước, tiến lên xã hội chủ nghĩa... dân tộc ta vẫn còn điều linh thông - khổ, tổ quốc vẫn còn sự vọng. Dân ta có không đủ ăn, áo không đủ mặc, gia đình ly tán. Nhưng, quyền tự do căn bản nhất của con người lại bị tước đoạt. Đó là nguyên nhân đã làm cho nhiều người phải bỏ nước ra đi để tìm tự do.

Tóm lại đất nước điều linh nhân gian khổ cực. Đó cũng là nỗi khổ chung của những người Phật tử còn nghi ngờ quê hương và Đạo Pháp. Đạo Pháp bị đàn áp, Tăng Ni bị bắt bớ giam cầm thì được gọi là Pháp nạn, nhưng để hiểu rõ Pháp Nạn là gì - chúng ta cần hiểu thêm ý nghĩa sau đây:

Đúng ra chúng ta phải nói đủ 3 loại nạn của Phật - Giáo là: Phật nạn, Pháp nạn và Tăng nạn. Phật, Pháp, Tăng là 3 ngôi báu của Đạo Phật. Phật là những bậc đã được giác ngộ, giải thoát. Pháp là những lời dạy quý báu của chủ Phật và chủ Tổ sư. Tăng là những người đặc ái tu thân. Trên cầu đạo vô thượng giải thoát. Dưới lo dân đất quần sanh.

Cách đây 2524 năm, khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế vua A Xá Thế đã dùng voi dữ hai Phật, hay ma vương ngoại đạo đã cố tình tìm mọi cách để hãm hại phá phách Ngài, không cho ánh sáng được lan truyền đây đó. Đó gọi là Phật nạn.

Ngày nay Đức Phật không còn ở trong cõi Ta-Bà này với chúng ta nữa, chỉ còn những lời giáo huấn của



RƯỚC THÁNH LỄ _____



Trên đường đi đến Kopinghaus



Giáo lý của Đạo Phật ngày nay chúng ta không cần tìm kiếm nữa, vì có Đức Phật đã tìm ra rồi - chúng ta chỉ cần đi theo dấu chân của Ngài thôi, nhưng trước khi theo chúng ta cũng cần phải tin và hiểu Ngài. Vì chính Ngài đã nói:

"tin ta thì phải hiểu ta, nếu tin ta mà không hiểu ta tức là hủy báng ta". Ngài không đọc đoán, rất khách quan và thực tế. Ngài cũng chưa bao giờ có một lời nào bảo các đệ - tử của Ngài phải theo Ngài cả.

Giáo lý của Ngài có chia ra Tiểu Thừa và Đại Thừa - đó là vì phương tiện để dạy dỗ chúng sanh thối - chứ chỗ liễu ngộ Phật tánh không Đại cũng không Tiểu.

Năm 65 sau công nguyên, Đạo Phật được truyền sang Trung - Hoa từ Ấn Độ và trong thời gian này Việt Nam bị người Trung Hoa đô hộ - có một số Quý vị Thiên Sư người Trung - Hoa mang Đạo Phật vào Việt Nam, nhằm truyền bá văn hóa Phật Giáo cho người Việt Nam cũng lúc với Đạo thờ cúng Ông bà của Khổng Mạnh.

Người Việt Nam thường bày giờ tin theo Đạo Phật cũng như Đạo Lão, nhưng phải thành thật mà nói giáo lý của Đạo Phật đã giúp cho họ trong đời sống hằng ngày thực tế hơn nên số người theo Đạo càng ngày càng đông cho đến thời cực thịnh từ 1010-1400. Vì Đạo Lão dạy người sống theo: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín - học hành đỗ đạt để ra làm quan, phụng sự đất nước, nhưng khi đến lúc già, lúc chết không từ đã chẳng có một phương thuốc nào để chữa trị cho họ cả. Còn Lão Tử thì sống với thiên nhiên có vẻ tiêu cực. Đạo Lão chỉ thích hợp với con người khi đất nước thật thanh bình, còn lúc loạn ly Đạo Lão khó có thể phát triển. Đạo Lão chấp vào có, Đạo Phật chấp vào không - hai bên cũng đều cực đoan cả. Trong lúc đó Đạo Phật chủ trương rằng: không có cũng không không - trong không có có, trong có có không. Một sự biến đổi tâm thức tùy theo việc làm của mỗi người.

Đâu sao đi nữa Đạo Phật còn có thuyết luân hồi nhân quả để an ủi và chỉ rõ cho con người biết được gây nhân nào hưởng quả đó và nếu mình muốn có quả tốt thì phải gây nhân tốt, chứ không bao giờ trái ngược được với luật này cả. Nhờ thế người Việt Nam sống an ổn trong bốn phần nhiều hơn là đi xa thực tế.

Người Việt Nam vốn hiếu hòa, vì chịu ảnh hưởng bởi tinh thần của Phật Giáo, Lão Giáo và Nho Giáo, nên trong quá khứ người Việt Nam đã không đi gây hấn chiến tranh, mà chỉ chống lại những chiến tranh từ bên ngoài mang đến, nhằm bảo vệ quê hương và xứ sở của mình được độc lập và tự chủ.

Ngài, và những lời răn dạy của các vị Tổ sư, nhưng nếu những lời răn dạy ấy bị mà lý, vu khống, diễn giảng sai lố của chư Phật và chư vị Tổ sư. Đó gọi là Pháp nạn. Còn Tăng là những vị Tu Sĩ theo dấu chân của chư Phật và chư vị Tổ sư để hành đạo mà bị bắt bớ giam cầm tra tấn đàn áp. Đó gọi là Tăng nạn. Nhưng danh tự Tăng nạn ít được nghe đến mà danh - tự Pháp nạn lại được đề cập đến nhiều hơn. Vì trong Pháp có Phật và Tăng.

Như trên đã trình bày, Phật Giáo Việt Nam hiện nay chính là giai đoạn Pháp nạn vậy.

Đã là một người Phật Tử và là công dân của một Dân Tộc chúng ta không có quyền làm ngơ trước vận nước suy vong và sự phê vong của Phật - Giáo. Chúng ta phải sống cho đúng với tinh thần của một người Phật Tử là luôn luôn vì quê hương, Dân Tộc và Đạo Pháp. Hành trạng của người Phật Tử chúng ta là tinh - thần BI TRÍ DUNG.

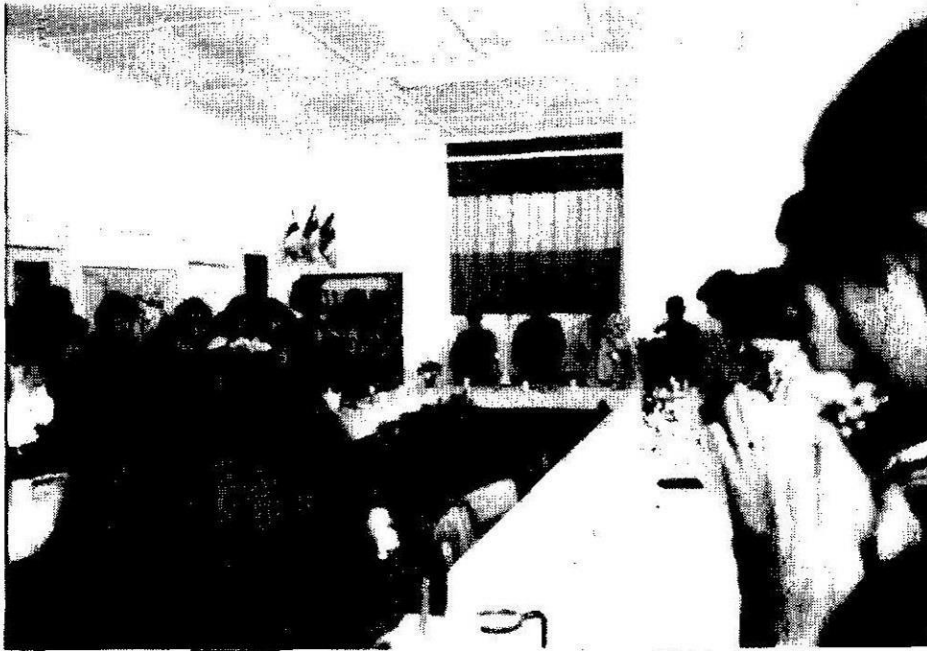
Với hành trạng này, với những nhân định sâu sắc như trên, chần chừ chúng ta đã nếm vững được vai trò của chúng ta đối với Đạo cũng như đời rồi.

Trước khi đi vào phần thảo luận, chúng tôi muốn nhắc lại cho Quý vị thêm rằng: Thế nào là một người Phật Tử

Khi một người bình thường tin theo Đạo Phật, muốn trở thành một người Phật Tử chơn chánh đối với Đạo trước đã phải phát nguyện quy y Tam bảo và thọ trì năm giới cấm đồng thời thông hiểu một số vấn đề giáo lý căn bản.

Tinh thần yêu thương chung-

Hình ảnh sinh hoạt trong những ngày hội thảo
về Phật Giáo tại Chùa Viên Giác
27 28 và 29.3.1981



Niệm Hồng Danh Đức Bốn Sư Thích Ca



Thuyết trình

Khi người Âu Châu có mặt tại Việt Nam, họ đã mang vào đây một Đạo mới. Đó là Thiên Chúa Giáo. Thử bảy giờ hay ngay cả lúc bảy giờ, có một số người Việt Nam theo Đạo Thiên-chúa, có lẽ vì sợ thích hay Đạo Thiên Chúa hợp với nhân-duyên của họ. Tuyệt đối người Việt Nam không chống bán những Đạo khác tại đất nước mình, nếu Đạo đó không đi trái ngược lại tinh thần của Dân Tộc Việt.

Đời nhà Nguyễn ở thế kỷ thứ 19 cũng đã có nhiều ông vua chăm sự truyền Đạo của Thiên Chúa vào Việt Nam, nhưng đó chỉ là ý kiến cá nhân, chứ không phải là nhân dân Việt Nam vậy.

Cũng như ngày hôm nay, khi người Việt Nam chúng tôi có mặt tại đất nước của Quý vị - Nơi đây Quý vị đã được ảnh hưởng lâu đời bởi Đạo Thiên Chúa, mặc dầu vậy Quý vị vẫn tôn trọng sự lớn mạnh và bảo tồn văn hóa của Phật Giáo - tại xứ Đức này, quả là điều đáng tán thán biết bao! Trong hiện tại cũng có 5.000 người Đức theo Phật Giáo - nếu để từ cái nhìn của Quý vị có lẽ cũng không khác chúng tôi bao nhiêu khi Đạo Phật được truyền sang đây và Đạo Chúa được truyền sang nước chúng tôi.

Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng: Đạo là chung cho tất cả loài người. Các bậc giáo chủ như Thích Ca, Jesus, Không, và Lão Tử v.v. khai sáng các nền Đạo Giáo là cho tất cả loài người chứ không riêng cho một Quốc Gia hay một Dân Tộc nào cả. Đạo Phật, Đạo Chúa, Đạo Không, Đạo Lão đều phát-xuất từ Á Châu, nhưng Quý vị - người Âu Châu có duyên lành với Thiên Chúa trước chúng tôi nên đã sớm gặp Đạo Chúa ở trong những thế kỷ trước, và ngày nay Quý vị cũng vậy, mới biết được Đạo Phật trong những thế kỷ gần đây, cũng chỉ qua vĩ hoàn cảnh địa lý cận Âu hay cận Á, chứ chúng tôi đoán chắc rằng không có sự khác biệt giữa giáo lý của Tôn Giáo này với Tôn Giáo khác, cũng chẳng phải vì Tôn Giáo này hay hơn Tôn Giáo kia nên mới có tín đồ - đông hay ít.

Người Việt Nam theo rất nhiều Đạo, không có nghĩa là người Việt Nam không có lập trường, mà đó chính là tinh thần vị tha, vô ngại, không báo thù và cũng không chấp trước. Người Việt Nam quan niệm rằng: Đạo nào cũng tốt cả chỉ có con người làm sai Đạo chứ Đạo không sai, nên người Việt Nam chấp nhận và theo một cách dễ dàng các Đạo khác, miễn là Đạo đó không đi ngược lại đối sống căn bản đạo đức của họ.

chúng không thể là đức tánh tử bi, bình đẳng của Đạo Phật được, quan niệm chán đời, nên trốn đời lại càng không phải là quan niệm xuất thế gian của Đạo Phật được.

Là một người Phật Tử chúng ta phải lập thế nguyện trước ngôi Tam Bảo. Sau đây là năm điều luật căn bản mà một người Phật Tử phải thông - hiểu:

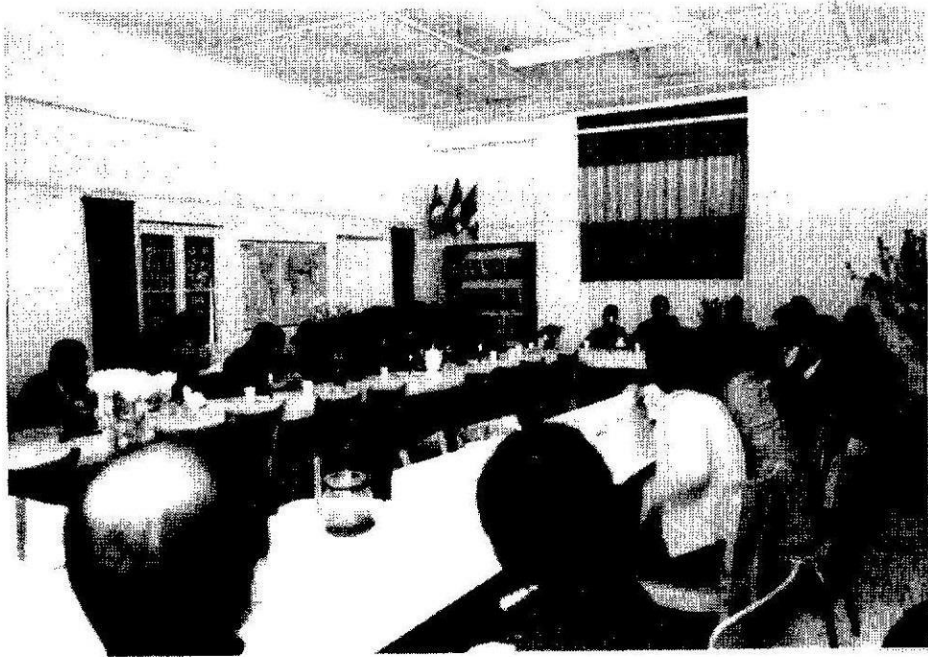
Điều thứ nhất: Phật Tử Quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.

Quy là trở về, y là nương tựa nghĩa là khi người Phật tử mong mỏi trở về nương tựa 3 ngôi báu Phật Pháp Tăng, thì phát nguyện giữ năm giới căn của Phật chế cho hàng cư sĩ. Trong năm giới ấy, tùy nguyện, tùy sức đã thọ, lãnh giới nào thì triệt để giữ giới ấy, không lúc nào trái phạm. Năm giới ấy như sau:

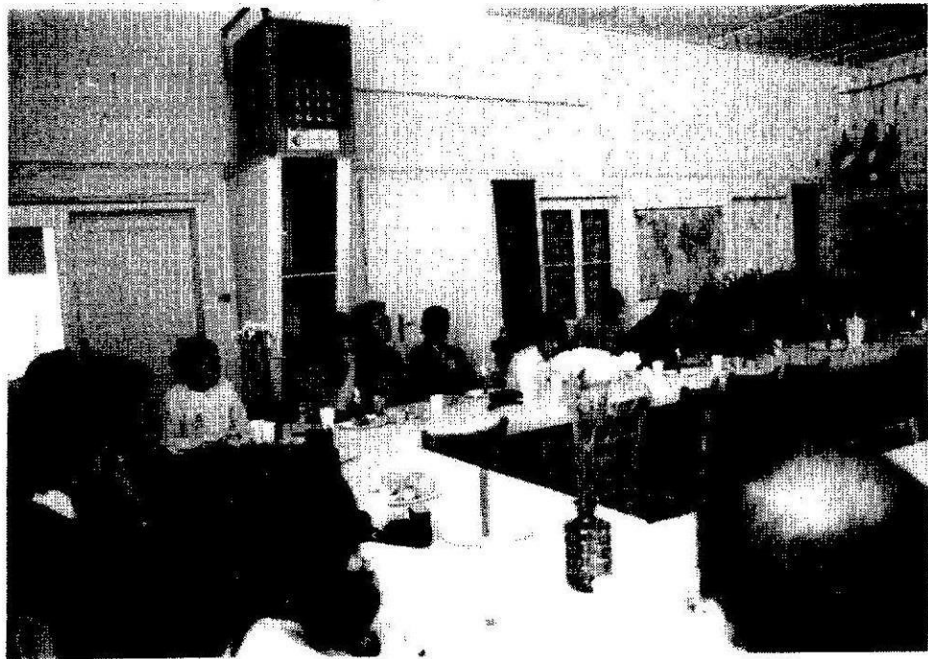
- Không sát sanh (không được sát hại sanh vật)
- Không trộm cắp (không lấy của cải tài sản của người khác nếu không được sự đồng ý của họ)
- Không tà dâm (không được làm trái phạm với luân thường đạo lý)
- Không nói dối (không được tự dối mình và dối người)
- Không uống rượu (không được dùng những chất say).

Điều thứ hai: Phật Tử mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống.

Trong ý nghĩa thường người như thế thường thân, Phật Tử phải mở lòng từ bi để nung nấu khắp mọi người và mọi loài và tôn trọng sự sống - của tất cả mọi sinh vật. Chúng ta giữ giới không sát sinh và tập ăn chay cũng là giữ điều luật này vậy.



_____ Thảo luận



Phật Pháp bất ly thế gian Pháp
佛法不離世間法



Mặc dầu vậy những người Việt Nam theo Đạo Phật nhiều hơn là các Đạo khác, vì Phật Giáo đã có mặt tại Việt Nam gần 20 thế kỷ qua, trong khi đó Đạo Thiên Chúa chỉ mới có mặt tại Việt Nam gần 4 thế kỷ. Còn Đạo Khổng và Đạo Lão ngày nay không còn phát triển mạnh ở Á cũng như Âu được nữa vì chế độ quân chủ không còn thanh hân như ngày xưa và đất nước ngày nay không còn thanh bình, an lạc để người dân chỉ được sống thỏa mãn với thiên nhiên mà họ phải phân đấu với nhiều thứ giặc khác từ bên ngoài mang vào đất nước họ.

Giáo lý của Đạo Phật là một giáo lý rất cao thâm huyền diệu, khó hiểu nên đòi hỏi có nhiều khả năng trí tuệ; những người bình dân sau này ít có cơ hội để trau dồi giáo lý của Phật Giáo nên họ đã tin Đạo Phật một cách thiếu khoa học và thần thánh hóa Đức Phật như là một vị Thần, mặc dầu Ngài không phải là một vị Thần.

Bởi thế Johannes Lehmann - con của một Mục Sư người Đức đang truyền giáo tại Ấn Độ, ông ta đã viết trong cuốn "Buddha" do nhà xuất bản C. Bertelsmann mới xuất bản tại Đức. Sau đây một câu có đầy đủ ý nghĩa.

"Statt wie Jesus zu glauben, glaubte man an Jesus, statt wie der Buddha die Erlösung zu erreichen, glaubte man an die Macht des Buddha und an die Erlösung durch Zaubersprüche".

"Thay vì tin như Jesus, thì người ta tin vào Jesus, thay vì tìm đến sự Giải thoát như Đức Phật, thì người ta lại tin vào những oai lực của Đức Phật và vào sự Giải thoát xuyên qua những chuyện thần thánh hóa".

Xin cảm ơn tất cả Quý Vị và chúng tôi chờ đợi những thắc mắc của Quý Vị về những gì liên quan đến Phật Giáo đối với người Việt Nam như chúng tôi vừa mô tả trình bày ở trên.



Điều thứ ba: Phật Tử trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật.

Phật tử dùng trí tuệ để tìm hiểu học hỏi, dùng lý trí để xét đoán, không mê tín dị đoan. Phật tử biết tôn trọng sự thật là biết tôn trọng lẽ phải, không xuyên tạc sự thật để mưu cầu danh lợi, hay để bênh vực lòng tự ái của mình.

Điều thứ tư:

Phật tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.

Phật tử thực hành hạnh thanh tịnh, không nghĩ, không làm điều ác, chỉ nghĩ và làm những điều thiện có lợi cho mình và cho người. Luôn luôn vui sau cái vui của kẻ khác và chịu khổ trước cái khổ của mọi người.

Điều thứ năm:

Phật tử sống hy xả để cứu độ chúng sinh trên đường đạo.

Phật tử thực hành hạnh hy xả và tinh tấn, luôn vui vẻ hy sinh để giúp đỡ người khác khổ cho mọi người mọi loài. Không để tâm ganh ghét thù hận một ai. Luôn tinh tấn trên đường đạo, không đứng nghỉ, không thoái lui. Phạm làm việc gì thì phải làm cho đến cùng, cho đến khi thành tựu mới thôi. Người Phật tử không nên chấp cứ vào hình tướng mà quên đi phương tiện độ sanh.

Ngoài năm điều luật trên, người Phật Tử phải thực hiện hạnh **BI TRÍ DUNG**, và sau đây là một vài ý kiến

Về cá nhân: Chúng ta phải

xem tiếp trang



_____ Thảo luận



Thọ trai _____



luôn luôn tinh tấn, siêng-năng tu hành theo chánh pháp đúng hy vọng di chính-phục kế khác bằng chính ở tinh thần Phật Tử của chúng ta, mà hãy để cho tinh thần của người Phật Tử thể hiện qua cuộc sống hằng ngày của chính ta cho người khác - hiểu và tư đổ họ sẽ l ầ n bước như chính ta đã vào trong ngôi nhà Phật Giáo. Tinh tấn trong việc đ ớ i cũng như việc Đạo, hoàn thành những trách nhiệm đã được giao phó.

ĐỐI VỚI TẬP THỂ: Là m ộ t người Việt Nam, chúng t a phải thấu triệt thân phận của quê hương và Đạo Pháp. Với tinh thần BI TRÍ DUNG chúng ta luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Lấy cái v u i của mọi người làm cái vui của chính thân mình. Không chán nản bởi những lời khen tặng hay chê bai. Sống không phải chỉ vui buồn theo n ệ g lời khen chê đ ố . Bình đẳng không vụ lợi, luôn luôn đ ể cao tinh thần đoàn kết v ầ tập thể.

ĐỐI VỚI ĐẠO: Là một người PT chúng ta không thể làm ngó trước cơn Pháp nạn. Nếu báo rằng thanh niên là r ườ ng cột của nước nhà thì Phật Tử là HỘ PHÁP của Tam Bảo. Vì sao? Vì Phật Tử phải hộ trì Tam Bảo, cũng đ ườ ng Phật Pháp Tăng. Đóng góp chuyên cần trong việc hoằng pháp-lợi sanh. Đức Phật cũng đã dạy cho chúng ta rằng: " Ta là Phật cả thành, chúng sanh là Phật sẽ thành", nên chúng ta phải kiên nhẫn, tr ớ chí-đạt đ ể những quả vị cao cả như Đức Phật.

Người Phật Tử Việt Nam ó hái ngoại, chúng ta đ ư ớ c thiện duyên thoát khỏi cảnh tử đày, chúng ta may m ả n

hơn những bà con thân nhân, hiện đang còn ở tại q u ề nhà. Chúng ta còn hưởng được tử do, nên chúng ta phải biết sử dụng những tử do đ ố đ ể hành đạo và hộ trì Tam Bảo giúp đỡ chúng sanh nhiều hơn nữa.

Phật Giáo là một tôn - giáo lạ đ ối với người bản xứ. Hơn thế nữa mọi tổ chức chùa - chiền tu viện của Phật Giáo Việt Nam tại ngoại quốc đều do công sức của đồng b ầ o, Phật Tử xây dựng nên. Vì thế muốn truyền bá và phát huy tinh thần Phật Giáo cho mạnh mẽ ở xứ người không gì hơn là chúng ta phải ý thức rõ trách nhiệm của người c o n Phật đối với ngôi nhà Phật Giáo trong cùng như ngoài - nước.

Nói tóm lại, người Phật - Tử phải luôn sống trong tinh thần của Đạo Phật. Tinh Thần

này phải được thể hiện trong cuộc sống hằng ngày, từ lời nói đến việc làm, từ thế xác đến tinh thần. Ngoài ra biết đoàn kết thương yêu, giúp-đỡ người đồng hương, bảo vệ Đạo Pháp, hộ trì Tam Bảo, đ ườ ng Phật Pháp là điều một người nên làm và phải làm.

Những ý kiến trên đây nhằm đóng góp một phần nào trong buổi hội thảo hôm nay. Kính-mong chú Đại Đức Tăng Ni, các Bác và các anh chị b ố chánh cho

"Chúng sanh vô số lượng,
Thệ nguyện đều đ ố khắp.
Phiên não không cùng tận,
Thệ nguyện đều dứt sạch.
Pháp môn không kể xiết,
Thệ nguyện đều tu học.
Phật đạo không gì hơn,
Thệ nguyện được viên thành"

Nam Mô thường tinh tấn Bồ-
Tát ma ha tát.

Hộp thư Phật sự

Trong thời gian qua có một số Quý vị Đạo Hữu và Phật Tử ở khắp nơi đã viết thư hoặc điện thoại về chùa thăm viếng vui mừng rằng Phật Giáo Việt Nam chúng ta tại Tây Đức đã có cơ sở sinh hoạt, nhưng cũng có lắm vị đã lấy làm l o lắng cho chùa không biết làm sao có tài chánh để sinh - hoạt trong chi thu bất thường ngoài những sự ủng hộ của chính quyền cũng như các cơ sở từ thiện khác. Có vị t h ỉ đề nghị rằng muốn cho chùa được vững mạnh cũng như phát triển đều đặn thì mỗi vị Phật Tử trong chúng ta nên ủng hộ đều đặn cho chùa mỗi tháng một số tiền nhất định tùy theo khả năng để chùa biết chắc chắn được số tiền t h u cũng như chi, để có thể sinh hoạt và phát triển đều đ ầ n nên mong rằng mỗi người Phật Tử chúng ta nên quan - tâm đối với vấn đề trên để Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đ ứ c càng ngày càng phát triển nhiều hơn nữa.



Đêm Văn.Nghệ



MỪNG PHẬT ĐẢN 2525

ĐÊM VĂN.NGHỆ KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2525 NĂM SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC
TẠI HANNOVER

*lúc 19 giờ
ngày Chủ Nhật 16.5.1981
tại Theater am AEG Hannover*

Chủ đề:

PHẬT GIÁO và TÌNH THƯƠNG

Với sự cộng tác của:

- * BAN DÂN CA QUỐC NHẠC PHƯƠNG CA (Pháp)
- * BAN VĂN NGHỆ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ QUẢNG ĐỨC (Chùa KHÁNH ANH, Pháp)
- * Cùng một số Ca sĩ quen biết tại Âu Châu

và đóng góp của:

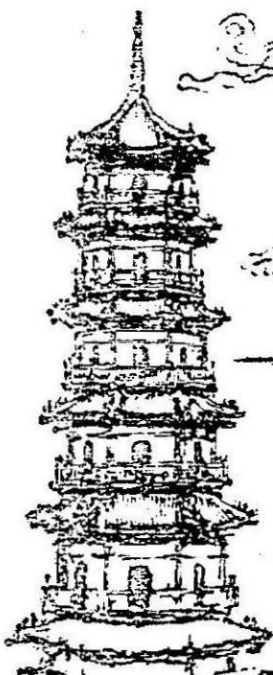
- * VIỆT VŨ ĐẠO TÂY ĐỨC
- * BAN VĂN NGHỆ Hội Sinh viên và Kiêu Bào Phật tử VN tại Tây Đức
- * cùng những tài năng mới Đức Quốc

Trân trọng Kính mời

Thực hiện

- Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Chi Bộ Tây Đức
- Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức

Địa chỉ liên lạc: EICHELKAMPSTR. 35a
Pagode VIÊN GIÁC 3000 Hannover 81
Tel. (0511) 864638



Phương danh Quý Đạo hữu Phật tử ủng hộ

Trong thời gian qua chùa đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất của đồng bào Phật tử khắp nơi. Xin hồi hướng công đức Pháp thí và Tài thí đó cho thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị được an lạc và kẻ thác được siêu sanh Tịnh-Độ.

ỦNG HỘ ĐỊNH KỲ

PT Nguyễn Bình Dương (Lünen) 4&5/20DM, PT Tô Văn Phước (Gräfing) 4&5/20DM, ĐH Grimaldi (Paris) 4, 5&6/50Fr., ĐH Dương Văn Phướng (Essen) 4/20DM, ĐH Trần Thị Lang (Paris) năm 1981 300 Fr., Anh Lâm Đăng Châu (Hannover) 1, 2&3/20DM, PT Lê Văn Hồng (Lohr am Main) 1, 2, 3, 4, 5&6/20DM, ĐH Lâm Thành (Lingen / Ems) 2, 3&4/15DM, PT Nguyễn Ngọc Tuấn (Stade) từ 10.80-5.81/20M, PT Đinh Kim Thanh (Weingarten) 5/10DM, PT Ngô Ngọc Diệp (Hannover) 1, 2&3/20DM, Cu Diệu Niên (Braunschweig) 5/20DM, ĐH Lê Thị Thu Ba (Weingarten) 5/10DM, PT Đặng Trinh Wallenstätter (München) 5/50DM, Gia Đình PT Nguyễn Văn Xiêu (Barntrup) 4&5/30DM, Anh Lê Huy Cát (Hannover) 5/20DM, Anh Vương Đắc Mẫn (Kiel) 5/20DM, cô Trần Thục Nghi (Vechta) 5/30DM.

ỦNG HỘ BẤT THƯỜNG

Cụ Ngọc Ân (Texas) 20US, Phật Tử Huỳnh Tú (Bad Iburg) 20DM, ĐH Nguyễn Lưu (Paris) 1.000 Fr., Kim Bijoux (Paris) 200 Fr., Đoàn Minh Phướng + Aachim -

(Bonn) 50DM, PT Vô Danh (Frankfurt) 100DM, PT Trương Ngọc Thanh + Nguyễn Tiên Nam (Denklingen) 100DM, ĐH Lê Văn Hiệp (Paris) một bộ lư đồng 1 ở n thờ ở Chánh Điện, O.B. Phan-Thanh Giác (Holland) 400 Gunden, PT Lữ Hiều (Paris) 500 Fr., PT Đoàn Quang Danh (Lingen / Ems) 100 Fr., PT Nguyễn Chánh Lý + Hà (Paris) 200 Fr., PT Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems) 40DM, PT Dương Vĩnh Nhứt (USA) 2 US, PT Nguyễn Thị Long (Rheine) 20DM, PT Nguyễn Hồng Kỳ (Marseille) 100 Fr., ĐH Đặng Thị Sáu (Düsseldorf) 10DM, PT Lương Ngọc Dân 20DM, Bà Lê Nguyệt Ánh (Texas) 20US, Bà US 80 US, PT Đặng Trinh (München) một máy xay trái cây, PT Nguyễn Văn Hình (München) 30DM, PT Trần Chí Đạt (Stuttgart) 30DM, PT Trướng Tân Lộc (Hannover) 200 DM, ĐH Diệu Niên (Braunschweig) 100 DM, ĐH Bùi Xuân Là (Würzburg) 20DM, PT Hà Kiên Hưng (GM hütte) 20 DM, PT Cúc Trân (USA) 30 US.

ỦNG HỘ BÁO VIÊN GIÁC

PT Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems) 10 DM, ĐH Mã Phạm (Heimenkirch) 20 DM, PT Trần Tú Nguyệt (Heimenkirch) 20 DM, PT Nguyễn Thanh Liêm (Heimenkirch) 20DM, Mme Nguyễn Thị Thanh (Paris) 100 Fr., PT Hà Kiên Hưng (GM hütte) 20DM, ĐH Đặng Thị Sáu (Düsseldorf) 25DM, Bà US (USA) 50US, ĐH Bùi Xuân Là (Würzburg) 20DM.

Tính đến đầu tháng 5 năm 1981.

Nhân mùa Phật Đản 2525, cũng như lễ An Vị Phật ngôi chùa Viên Giác, Quý vị Đạo Hữu và Phật Tử chùa Khánh An (Pháp) cũng dâng các Pháp bảo như Hào Quang Đức Phật, một cặp đôn, một cặp độc bình lớn một bộ lư đồng & một bộ chuông mõ trị giá khoảng 15.000 Fr.

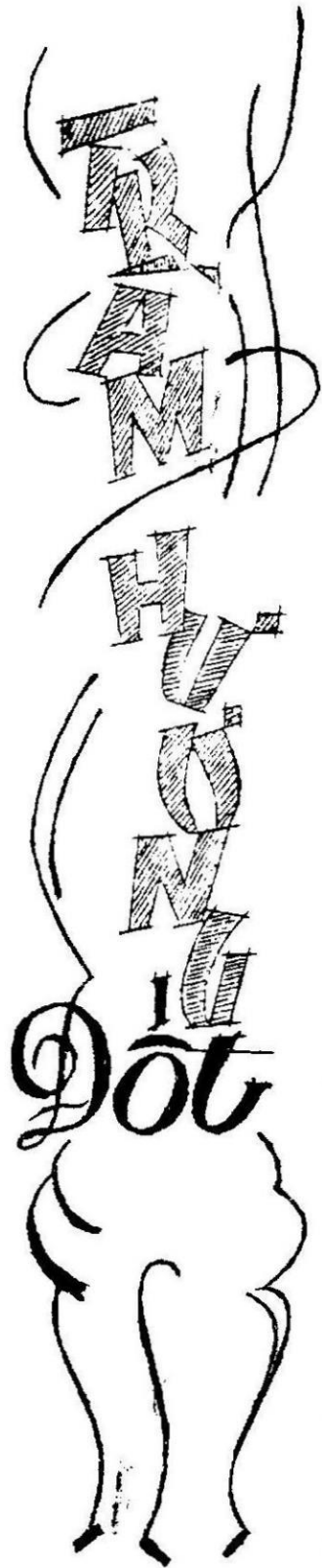
Quý vị Đạo Hữu hay Quý PT phát tâm cúng dường Phật sư cho chùa Viên Giác có thể gửi bằng nhiều cách hoặc chuyển thẳng vào ngân hàng số Konto như sau: Deutsche Bank Hannover - Konto NO 8650228, BLZ 250-700 70 (Thích Như Điện-Lê) hoặc gửi Quý vị cũng có thể gửi trong bao thư hoặc thư bảo đảm, nhưng cách này chúng tôi không bảo đảm, nếu bưu điện biết được. Quý vị cũng có thể gửi một lá Check trong bao thư... Tất cả mọi sự cúng dường của quý vị cũng như những chi thu khác, cuối năm chúng tôi sẽ tường trình về tài chánh đầy đủ hơn.

Nhân mùa Phật Đản cô Vương Lê Khanh (Göttingen) có cúng vào chùa 7 cây đèn lưu ly, 3 hủ xâm Phật Bà Quan âm.

Cảm niệm Công Đức

Chúng tôi cũng xin thành thật cảm tạ tất cả những người chúc, những hội đoàn của Việt Nam cũng như ngoại quốc khắp nơi trên thế giới đã ưu ái gửi đến chùa cũng như thư viện của Trung Tâm Văn Hóa Phật-Giáo tại đây nhiều sách, báo, tạp chí rất quý giá. Xin chân thành cảm ơn quý vị và xin ghi sâu công đức ấy vào lòng.

Chúng tôi cũng xin thành thật cảm ơn những vị học giả cao niên, những nhà văn, những nghệ sĩ đã đóng góp tích cực cho tờ báo Viên-Giác về mặt văn học và Tôn Giáo rất súc tích và chí tình. Mong rằng trong những lần phát hành tới chúng tôi vẫn luôn nhận được những hỗ trợ của Quý vị. Nam Mô A Di Đà Phật.



Châm hương đốt xông ngát mười-phương
 Nguyên nguyên kính đức nghiêm Từ vô lượng
 Cầu cầu xin chứng tâm thanh chúng con,
 Kấn kấn khỏi kết mây lạnh cứng-dững.
 Đạo nhiệm-mầu đã lan-truyền nơi cùng nơi,
 Khô chân-lý chúng-sanh đầu thoát luân-hồi.
 Đồng quy kính quý dưới đài sen
 Đông hoa thêm tím - Khuyết mầu thêm tươi cánh.
 Dải quang-minh xem huy-hoàng trang-nghiêm,
 Ở mười-phương đều ngự hảo quang an-lãnh.
 Nghìn Đạo uyển-chuyển soi khắp cũng quần sinh,
 Phật Đạo đồng cũng nhau tu Tinh-Tấn mau Viên-thành
 Nam-mô Bổn-sư Thích Ca Mâu-ni Phật (ư... ư... ư...)
 Nam-mô Bổn-sư Thích Ca Mâu-ni Phật (ư... ư... ư...)